

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT
GIAI ĐOẠN 2**

**BÁO CÁO
KẾT THÚC DỰ ÁN**

Tháng 12 năm 2019

**CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN
(JICA)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SANYU

| |
|--------|
| VT |
| JR |
| 19-005 |

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT
GIAI ĐOẠN 2**

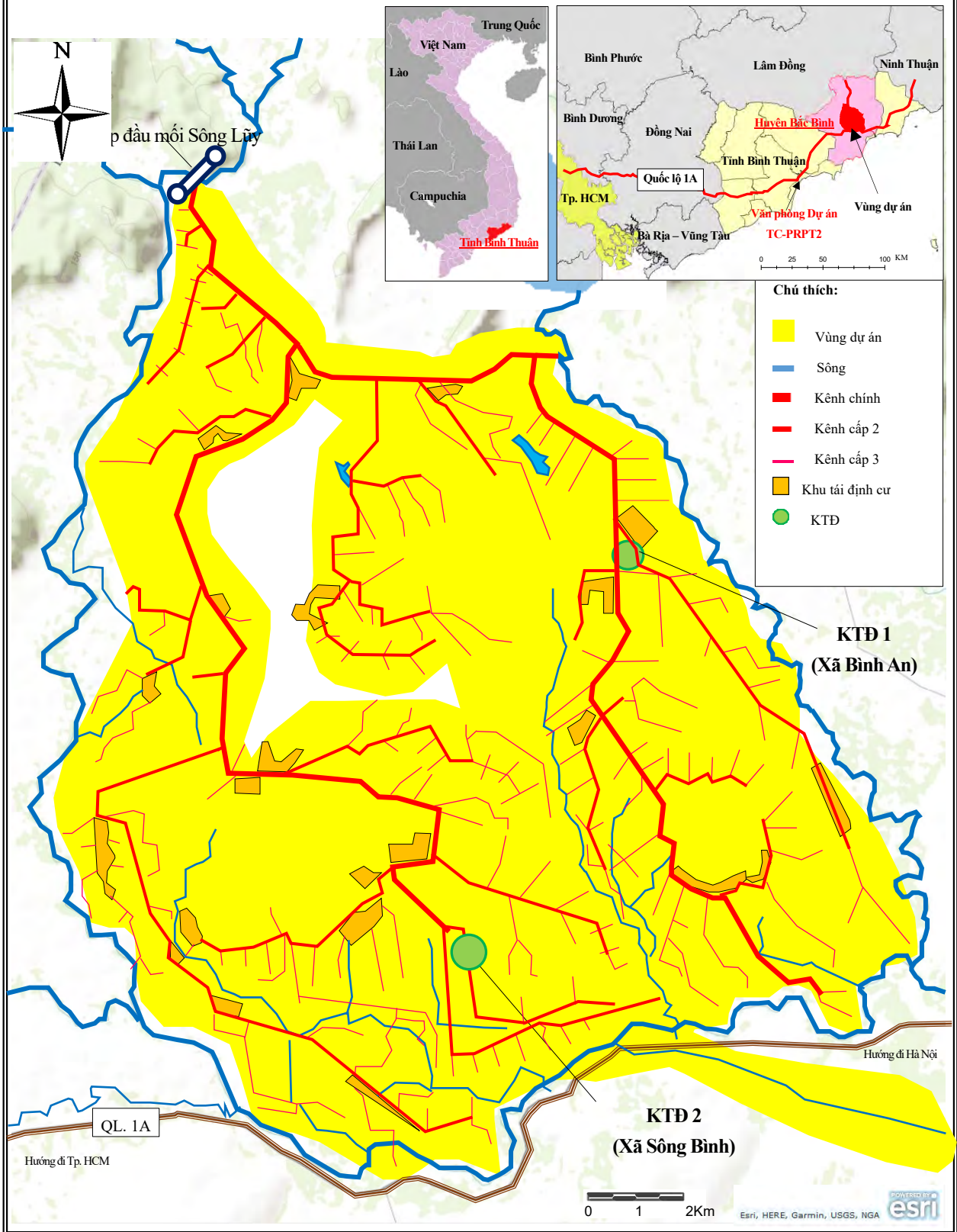
**BÁO CÁO
KẾT THÚC DỰ ÁN**

Tháng 12 năm 2019

**CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN
(JICA)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SANYU

Bản đồ vị trí - Dự án Phát triển nông nghiệp vùng tưới PR-PT giai đoạn 2



HÌNH ẢNH THỰC ĐỊA



[Thử nghiệm phân bokashi tại KTĐ 1]

Hướng dẫn kỹ thuật làm phân bón bokashi từ nguyên liệu than trâu tại một doanh nghiệp Việt Nam, KTĐ 1.



[Trồng thử nghiệm ớt tại hộ nông dân mẫu]

Nông dân trồng ớt dưới sự hỗ trợ của dự án, trong đó một vài hộ thu hoạch, bán nông sản và mang lại lợi nhuận từ mô hình.



[Thu hoạch bạc hà tại mô hình thử nghiệm]

Tiến hành thử nghiệm canh tác bạc hà tại mô hình KTĐ 2. Thu hoạch bạc hà cùng Đại học Đà Lạt và các hộ dân trong vùng.



[Họp cán bộ nông nghiệp khuyến nông]

Dự án tổ chức họp (hội thảo) định kỳ 1 lần/tháng tại mô hình KTĐ 2 với sự tham gia của cán bộ nông nghiệp và người dân.



[Hội thảo nhân rộng bạc hà]

Hội thảo nhằm để người dân trong vùng hiểu biết về cây bạc hà. Trong hội thảo, dự án quảng bá và cấp phát cho người tham gia các sản phẩm từ bạc hà.



[Tham quan mô hình bạc hà]

Trong hội thảo cũng có tổ chức tham quan thực tế mô hình canh tác thử nghiệm của nông dân mẫu dưới hỗ trợ của dự án, chia sẻ thông tin về tình hình canh tác bạc hà giữa các hộ dân.



[Doanh nghiệp Việt Nam cày vùi ngô làm phân xanh]

Tiến hành trồng ngô làm phân xanh, cày vùi để cải tạo đất tại doanh nghiệp Việt Nam, KTD 1.



[Tập huấn VietGAP/ Basic GAP]

Mời dự án “Tăng cường Độ tin cậy trong Lĩnh vực Sản xuất Cây trồng An toàn” tại Khu vực miền Bắc Việt Nam” đến tổ chức tập huấn cho đối tác về VietGAP và Basic GAP.



[Tập huấn kỹ thuật canh tác bạc hà]

Tổ chức tập huấn kỹ thuật canh tác bạc hà với sự tham gia của doanh nghiệp Việt Nam, đối tác dự án và người dân.



[Tập huấn, thảo luận về quản lý nước]

Tổ chức tập huấn (đào tạo) về quản lý nước cho cán bộ IMC và IME.



[Thực hành tu sửa kênh mương ①]

Tổ chức thực hành tu sửa kênh mương trong lớp tập huấn quản lý nước.



[Thực hành tu sửa kênh mương ②]

Tổ chức thực hành tu sửa kênh mương trong lớp tập huấn quản lý nước.

MỤC LỤC

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ

HÌNH ẢNH THỰC ĐỊA

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT DỰ ÁN | 1 |
| 1.1. Bối cảnh dự án..... | 1 |
| 1.2. Mục đích và nội dung của dự án | 1 |
| 1.3. Cơ cấu tổ chức | 3 |
| 1.3.1. Tổ chức thực hiện dự án..... | 3 |
| 1.3.2. Hệ thống khuyến nông | 5 |
| 1.3.3. Hệ thống quản lý công trình thủy lợi | 7 |
| 1.4. Tổ chức họp Ban điều phối chung (JCC)..... | 7 |
| CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG | 8 |
| 2.1. Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 1 | 8 |
| 2.1.1. Phương hướng cơ bản để xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn..... | 8 |
| 2.1.2. Xây dựng mô hình nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà (KTĐ 1)..... | 8 |
| 2.1.3. Xây dựng mô hình nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn (KTĐ 2)..... | 12 |
| 2.1.4. Xây dựng cơ chế nhân rộng cây trồng mới..... | 18 |
| 2.1.5. Xây dựng kênh cấp 3, kênh cấp 4..... | 24 |
| 2.1.6. Xác định phương pháp tưới phù hợp với đất canh tác cây trồng cạn..... | 29 |
| 2.2. Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 2..... | 33 |
| 2.2.1. Xây dựng kế hoạch trồng trọt và kế hoạch tưới tiêu tổng thể trong vùng tưới PR-PT | 33 |
| 2.3. Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 3 | 41 |
| 2.3.1. Thành lập Tổ công tác về thủy lợi..... | 41 |
| 2.4. Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 4..... | 45 |
| 2.4.1. Tổ chức đào tạo giảng viên nguồn (TOT)..... | 45 |
| 2.5. Các hoạt động khác..... | 47 |
| 2.5.1. Hoạt động quảng bá | 47 |
| CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN | 49 |
| 3.1. Các đơn vị liên quan trong dự án | 49 |
| 3.2. Các vấn đề, phương pháp giải quyết và bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực | |

| | |
|--|-----------|
| hiện dự án..... | 49 |
| 3.2.1. Mô hình nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà (KTĐ 1)..... | 49 |
| 3.2.2. Mô hình nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn (KTĐ 2) | 52 |
| 3.2.3. Nhân rộng cây trồng mới cho người dân | 53 |
| 3.2.4. Xây dựng kênh cấp 3 | 55 |
| 3.2.5. Lựa chọn loại kênh nội đồng phù hợp với canh tác cây trồng cạn..... | 58 |
| 3.2.6. Thành lập và hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo Phát triển nông nghiệp dự án tưới PR-PT | 59 |
| 3.2.7. Xây dựng kế hoạch trồng trọt và kế hoạch tưới tiêu tổng thể trong vùng tưới | 61 |
| CHƯƠNG 4. MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH MỤC TIÊU DỰ ÁN | 63 |
| 4.1. Tổ chức đánh giá cuối kỳ | 63 |
| 4.1.1. Khái quát kết quả đánh giá..... | 63 |
| 4.1.2. Mức độ hoàn thành mục tiêu của dự án | 63 |
| 4.1.3. Mức độ hoàn thành kết quả đầu ra của dự án..... | 64 |
| 4.1.4. Kết quả đánh giá cuối kỳ với 5 tiêu chí đánh giá..... | 65 |
| 4.2. Điều chỉnh chỉ số đánh giá trong PDM tại cuộc họp JCC lần 5..... | 66 |
| 4.3. Những việc cần làm theo khuyến nghị của đoàn đánh giá cuối kỳ | 68 |
| 4.4. Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án..... | 69 |
| 4.5. Đề xuất nhằm hoàn thành mục tiêu dự án..... | 71 |
| CHƯƠNG 5. ĐỀ XUẤT HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU TỔNG THỂ | 72 |
| 5.1. Đảm bảo kinh phí và hoạt động cụ thể..... | 72 |
| 5.2. Đào tạo nguồn nhân lực trong hoạt động nhân rộng | 72 |
| 5.3. Vai trò của các đối tác khối tư nhân trong dự án..... | 73 |
| 5.4. Sự cần thiết nâng cao năng lực cộng đồng..... | 73 |

MỤC LỤC SƠ ĐỒ/ BIỂU ĐỒ

| | |
|---|----|
| Sơ đồ 1.3.1. Cơ cấu tổ chức Sở NN&PTNT | 4 |
| Sơ đồ 1.3.2. Cơ cấu tổ chức thực hiện dự án | 5 |
| Sơ đồ 1.3.3. Hệ thống khuyến nông tại vùng dự án..... | 6 |
| Sơ đồ 1.3.4. Hệ thống khuyến nông trong hoạt động dự án..... | 6 |
| Sơ đồ 1.3.5. Hệ thống tổ chức quản lý công trình thủy lợi | 7 |
| Biểu đồ 2.1.1. Kết quả khảo sát lấy ý kiến tại sự kiện nhân rộng bạc hà..... | 20 |
| Sơ đồ 2.8.1. Kế hoạch trồng trọt ban đầu bao gồm cả cây bông vải (2005) | 33 |

| | |
|--|----|
| Sơ đồ 2.2.2. Cơ cấu cây trồng trong vùng tưới PR-PT | 37 |
| Biểu đồ 2.2.3. Nhu cầu nước tưới rông của vùng tưới PRPT | 39 |

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

| | |
|--|----|
| Bảng 1.4.1. Kết quả tổ chức họp Ban điều phối chung (JCC) | 7 |
| Bảng 2.1.1. Đánh giá đầu vào cây trồng mới..... | 14 |
| Bảng 2.1.2. Kết quả hoạt động cấp giống cây trồng mới..... | 15 |
| Bảng 2.1.3. Câu hỏi và ý kiến từ những người tham dự sự kiện..... | 18 |
| Bảng 2.1.4. Điều kiện/ nguyện vọng của các bên liên quan đến sản xuất bạc hà | 20 |
| Bảng 2.1.5. Sản xuất bạc hà/ Hệ thống nhân rộng | 21 |
| Bảng 2.1.6. Điều kiện/ mong muốn của mỗi bên liên quan trong sản xuất cây trồng mới | 22 |
| Bảng 2.1.7. Kết quả tổ chức hội thảo họp dân v/v xây dựng kênh tại KTĐ 2 | 25 |
| Bảng 2.1.8. So sánh đặc điểm của các loại kênh..... | 27 |
| Bảng 2.1.9 Đặc trưng của các hình thức tưới chính..... | 29 |
| Bảng 2.1.10. Đánh giá phương pháp tưới | 31 |
| Bảng 2.1.11. Đánh giá phương pháp tưới nội đồng | 32 |
| Bảng 2.2.1. Đề xuất cây trồng hàng năm và diện tích trồng theo từng xã | 34 |
| Bảng 2.2.2. Đề xuất cây trồng dài ngày và diện tích trồng theo từng xã | 35 |
| Bảng 2.2.3. Đề xuất cây trồng lâu năm và diện tích trồng theo từng xã | 35 |
| Bảng 2.2.4. Kế hoạch canh tác trong vùng tưới PRPT | 36 |
| Bảng 2.2.5. Nhu cầu đơn vị nước ước tính | 38 |
| Bảng 2.2.6. So sánh nhu cầu nước tưới tối đa giữa các kế hoạch canh tác ban đầu và sau khi điều chỉnh..... | 40 |
| Bảng 2.3.1. Hợp Tổ công tác về Thủy lợi lần thứ 1 | 42 |
| Bảng 2.4.1. Hợp cán bộ nông nghiệp khuyến nông | 45 |
| Bảng 2.4.2. Tổ chức sự kiện nhân rộng cây trồng mới | 46 |
| Bảng 2.4.3. Tập huấn quản lý tưới tiêu | 47 |
| Bảng 3.1.1. Các cơ quan chuyên trách và doanh nghiệp tư nhân và các đơn vị liên quan đến hoạt động tại các KTĐ dự án | 49 |
| Bảng 3.2.1. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến hoạt động xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà | 50 |
| Bảng 3.2.2. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến hoạt động xây dựng mô hình phát | |

| | |
|--|----|
| triển nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn | 52 |
| Bảng 3.2.3. Vấn đề, giải pháp, bài học kinh nghiệm và đề xuất liên quan đến hoạt động nhân rộng cây trồng cạn cho người dân..... | 53 |
| Bảng 3.2.4. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng kênh cấp 3..... | 55 |
| Bảng 3.2.5. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến hoạt động xây dựng kênh nội đồng phù hợp với tưới cho cây trồng cạn | 59 |
| Bảng 3.2.6. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến việc thành lập và hỗ trợ hoạt động của các Tổ công tác..... | 60 |
| Bảng 3.2.7. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng kế hoạch canh tác thực tế và kế hoạch tưới tiêu tổng thể | 61 |
| Bảng 4.1.1. Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án theo PDM..... | 63 |
| Bảng 4.1.2. Mức độ hoàn thành mục tiêu đầu ra theo PDM..... | 64 |
| Bảng 4.1.3. Kết quả đánh giá cuối kỳ với 5 tiêu chí đánh giá | 65 |
| Bảng 4.2.1. Điều chỉnh chỉ số đánh giá trong PDM | 67 |
| Bảng 4.3.1. Đề xuất của đoàn đánh giá cuối kỳ và phản hồi của dự án..... | 68 |
| Bảng 4.4.1. Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án | 70 |
| Bảng 4.4.2. Mức độ hoàn thành kết quả đầu ra của dự án | 70 |

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

Tài liệu đính kèm 1. Ma trận thiết kế dự án (PDM) (Phiên bản mới nhất)

Tài liệu đính kèm 2. Sơ đồ tóm tắt hoạt động

Tài liệu đính kèm 3. Kế hoạch hoạt động (PO)

Tài liệu đính kèm 4. Biểu thời gian chuyên gia tư vấn làm việc tại dự án (Theo từng giai đoạn)

Tài liệu đính kèm 5. Kết quả tổ chức tập huấn

Tài liệu đính kèm 6. Biên bản cuộc họp Ban điều phối chung (JCC)...

Tài liệu đính kèm 7. Kết quả hợp tác kỹ thuật (Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật)

Tài liệu đính kèm 8. Tài liệu bổ sung cho phân báo cáo chính

Tài liệu đính kèm 9. Kết quả thực hiện các hoạt động khác

Tỷ giá tiền tệ:

1 đồng = 0,00472 yên Nhật (Tháng 11/2019).

TỪ VIẾT TẮT

UBND: Ủy ban nhân dân

JICA: Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản

ĐSQ: Đại Sứ quán

JCC: Ban điều phối chung

KH-ĐT: Kế hoạch và Đầu tư

KH-TC: Kế hoạch và Tài chính

NN&PTNT: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận

CPO: Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi

BQL: Ban quản lý

TT-BVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

KT&DVNN: Kỹ thuật và Dịch vụ nông nghiệp

IMC: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

IME: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

Khu thí điểm: KTĐ

HTKT: Hợp tác kỹ thuật

PDM: Ma trận thiết kế dự án

PO: Kế hoạch hoạt động

PR-PT: Phan Rí – Phan Thiết

HTDN: Hợp tác dùng nước

BVTV: Bảo vệ thực vật

CT/PCT: Chủ tịch/ Phó chủ tịch

GĐ/PGĐ: Giám đốc/ Phó giám đốc

CLNLTS: Chất lượng nông lâm thủy sản

VSMNTNT: Vệ sinh môi trường nông thôn

BTTN: Bảo tồn thiên nhiên

TOT (tiếng Anh: Training of Trainer): Đào tạo giảng viên nguồn

CBNN: Cán bộ nông nghiệp

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT DỰ ÁN

1.1. Bối cảnh dự án

Tình hình sản xuất nông nghiệp tại tỉnh Bình Thuận còn hạn chế do nền nông nghiệp phụ thuộc vào nước mưa, do vậy từ 2006 đến tháng 8/2014, Dự án tưới PR-PT (Dự án vốn vay) được triển khai, xây dựng hệ thống thủy lợi tưới cho diện tích khoảng 15.700 ha. Ngoài ra, từ tháng 3/2011 đến tháng 3/2014, Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát triển nông nghiệp vùng tưới PR-PT giai đoạn 1 được triển khai, xây dựng mô hình nông nghiệp có tưới cho các khu tưới kênh cấp 3 (kênh nội đồng), năng lực nhân rộng mô hình trong vùng tưới đã được nâng cao.

Mặt khác, trong 15.700 ha vùng tưới nói trên có 10.500 ha diện tích tưới mới, đến thời điểm tháng 6/2015, đối với khu vực quy hoạch trồng lúa thuộc diện tích tưới mới đã cơ bản hoàn thiện hệ thống kênh cấp 3, diện tích tưới xấp xỉ đạt kế hoạch ban đầu. Tuy vậy, trong thời gian sắp tới cần xúc tiến xây dựng hệ thống kênh cấp 3 và lập kế hoạch tưới cho khu vực quy hoạch trồng cây màu (cây trồng cạn) nhằm điều tiết nguồn nước tưới phù hợp, hiệu quả cho toàn vùng tưới PR-PT. Do đó, Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát triển nông nghiệp vùng tưới PR-PT giai đoạn 2 đang được triển khai từ tháng 3/2016 trong thời gian 3 năm nhằm xây dựng cơ chế quản lý, điều tiết nước có hiệu quả dựa trên kế hoạch trồng trọt (bao gồm cả kế hoạch tưới) cho vùng quy hoạch canh tác cây trồng cạn nói trên. Trong quá trình triển khai, có sự thay đổi về nhân sự nhóm chuyên gia tư vấn và gia hạn thời gian thực hiện dự án như sau.

- Tháng 11/2015 – Tháng 11/2017: Thực hiện bởi 2 chuyên gia dài hạn thuộc Cơ quan hành chính Nhà nước Nhật Bản.

- Tháng 1/2016 – Tháng 12/2017: Thực hiện bởi 3 chuyên gia dài hạn bao gồm 2 chuyên gia nêu trên và điều động thêm 1 chuyên gia dài hạn khác (điều phối viên). Sau đó, bổ sung thêm 1 chuyên gia ngắn hạn thuộc Cơ quan hành chính Nhà nước Nhật Bản.

- Tháng 12/2017 – Tháng 3/2019: Thực hiện bởi 4 chuyên gia mới bao gồm 1 chuyên gia thuộc Cơ quan hành chính Nhà nước Nhật Bản và 3 chuyên gia thuộc đơn vị tư vấn tư nhân, thay thế cho 4 chuyên gia nói trên.

- Tháng 3/2019 – Tháng 12/2019: Thực hiện bởi 4 chuyên gia thuộc đơn vị tư vấn bao gồm 3 chuyên gia tư vấn nói trên và 1 chuyên gia tư vấn khác được điều động thay thế cho chuyên gia dài hạn thuộc Cơ quan hành chính Nhà nước Nhật Bản.

1.2. Mục đích và nội dung của dự án

Dưới đây là khái quát về dự án dựa trên PDM. Tiếp thu kết quả đánh giá cuối kỳ dự án vào tháng 10/2018, nội dung của PDM đã được điều chỉnh, trong đó làm rõ những trọng điểm liên quan đến nhân rộng canh tác cây trồng cạn một cách cụ thể.

(1) Mục tiêu tổng thể

Kết quả của dự án tưới PR-PT được nâng cao.

(2) Mục đích dự án

Phương pháp nhân rộng hệ thống quản lý nước hiệu quả trong vùng tưới PR-PT, bao gồm cả tưới tiêu cho cây trồng cạn dựa trên kế hoạch mùa vụ thích hợp, được xây dựng.

(3) Kết quả đầu ra

- Đầu ra 1: Các mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại hệ thống kênh cấp 3 (Kênh nội đồng) được phát triển.

- Đầu ra 2: Kế hoạch quản lý nước tổng thể cho vùng tưới PR-PT được xây dựng.

- Đầu ra 3: Năng lực quản lý nước tổng thể trong vùng tưới PR-PT được tăng cường.

- Đầu ra 4: Năng lực nhân rộng mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại kênh tưới cấp 3 (kênh nội đồng) cho toàn bộ vùng tưới PR-PT được tăng cường.

(4) Khái quát hoạt động

Báo cáo này là tổng hợp các kết quả thực hiện từ tháng 12/2017 theo bối cảnh nêu trên. Trong giai đoạn 2 này, các kết quả đầu ra được điều chỉnh tập trung vào nhân rộng canh tác cây trồng cạn, có nhiều thay đổi so với nội dung hoạt động được đưa ra ban đầu, do đó dưới đây chúng tôi tổng hợp những so sánh kết quả hoạt động của dự án tương ứng với những hoạt động nêu trong PDM.

【Hoạt động liên quan đến Đầu ra 1】

| Hoạt động nêu trong PDM | Báo cáo này |
|---|---|
| 1-1. Lựa chọn các khu thí điểm. | 1-1. : Thực hiện bởi các chuyên gia dài hạn thuộc Cơ quan hành chính Nhà nước Nhật Bản trước thời điểm tháng 11/2017. |
| 1-2. Tiến hành khảo sát cơ bản về thực trạng trong khu thí điểm. | 1-2.: Như trên. |
| 1-3. Thành lập Tổ HTDN cho mỗi khu thí điểm. | 1-3.: Như trên. |
| 1-4. Xây dựng kế hoạch mùa vụ cho khu thí điểm với sự tham gia của Tổ HTDN. | 1-4. : Mục 2.1.2 Xây dựng mô hình nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà; |
| 1-5. Lựa chọn phương pháp tưới tiêu cho cây trồng cạn phù hợp cho mỗi khu thí điểm. | Mục 2.1.3 Xây dựng mô hình nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn; |
| 1-6. Điều chỉnh thiết kế và xây dựng kênh cấp 3 trong khu thí điểm với sự hỗ trợ của Tổ HTDN. | Mục 2.1.4 Xây dựng cơ chế nhân rộng cây trồng mới. |
| 1-7. Giám sát vận hành và bảo dưỡng kênh cấp 3 bởi Tổ HTDN. | 1-5. : Mục 2.1.6 Lựa chọn phương pháp tưới phù hợp cho cây trồng cạn. |
| 1-8. Thực hành canh tác cây trồng cạn có tưới tại khu thí điểm cho Tổ HTDN/người dân. | 1-6. : Mục 2.1.5 Xây dựng kênh cấp 3 và cấp 4. |
| 1-9. Cung cấp hỗ trợ tư vấn cần thiết cho các công ty tư nhân về việc sản xuất, mua bán sản phẩm cây trồng cạn được dự án giới thiệu. | 1-7. : Mục 2.1.5 Xây dựng kênh cấp 3 và cấp 4. |
| 1-10. Chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm quản lý nước và trồng trọt. | 1-8. : Mục 2.4 Đào tạo giảng viên nguồn TOT 1-9. : Mục 2.1.2 Xây dựng mô hình nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà 1-10. : Mục 2.3.1. Thành lập Tổ công tác về thủy lợi. |

【Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 2】

| Hoạt động nêu trong PDM | Báo cáo này |
|---|---|
| <p>2-1. Xây dựng kế hoạch mùa vụ cho toàn bộ vùng quy hoạch cây trồng cạn trong vùng tưới PR-PT.</p> <p>2-2. Xây dựng kế hoạch tưới tiêu tổng thể cho vùng tưới PR-PT có xem xét đến việc tiết kiệm nước bằng cách áp dụng phương pháp tưới phù hợp cho cây trồng cạn và tận dụng các hồ chứa hiện có.</p> <p>2-3. Xây dựng kế hoạch tổng thể cho công tác vận hành và bảo dưỡng các công trình thủy lợi trong vùng tưới PR-PT.</p> | <p>2-1. : Tài liệu đính kèm 7.3.</p> <p>2-2. : Mục 2.2.1 Xây dựng kế hoạch trồng trọt và kế hoạch tưới tổng thể cho vùng tưới PR-PT.</p> <p>2-3. : Thực hiện bởi chuyên gia dài hạn thuộc Cơ quan hành chính Nhà nước Nhật Bản.</p> |

【Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 3】

| Hoạt động nêu trong PDM | Báo cáo này |
|---|--|
| <p>3-1. Thành lập Ban chỉ đạo nâng cao năng lực quản lý nguồn nước vùng tưới PRPT, bao gồm các Tổ HTDN, IMC, IME, UBND xã, Sở NN&PTNT...</p> <p>3-2. Chuẩn bị chương trình và tài liệu tập huấn để chia sẻ thông tin và kỹ thuật quản lý nước.</p> <p>3-3. Tổ chức hội thảo cho những thành viên Tổ chức quản lý nước.</p> <p>3-4. Giám sát việc vận hành và bảo dưỡng trong vùng tưới PR-PT dựa trên kế hoạch tưới tiêu có xem xét nhu cầu nước của mỗi Tổ HTDN.</p> | <p>3-1. : Mục 2.3.1 Thành lập Tổ công tác về thủy lợi.</p> <p>3-2. : Mục 2.3.1 Thành lập Tổ công tác về thủy lợi</p> <p>3-3. : Mục 2.3.1 Thành lập Tổ công tác về thủy lợi</p> <p>3-4. : Mục 2.3.1 Thành lập Tổ công tác về thủy lợi</p> |

【Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 4】

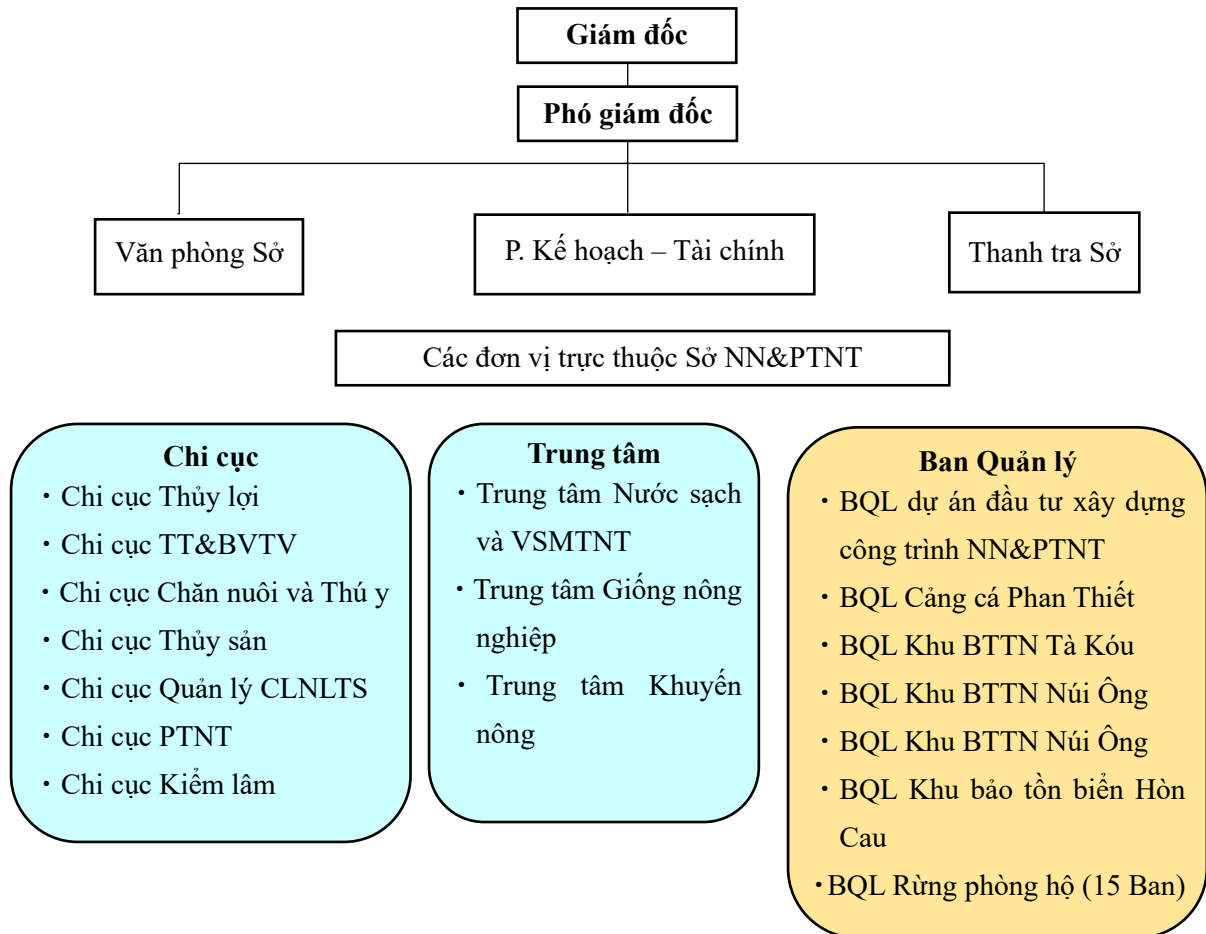
| Hoạt động nêu trong PDM | Báo cáo này |
|--|---|
| <p>4-1. Biên soạn các hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo nhằm phát triển hệ thống quản lý nước hiệu quả.</p> <p>4-2. Tiến hành đào tạo giảng viên nguồn (TOT: Họp cán bộ khuyến nông, tập huấn trong nước cho nông dân)</p> | <p>4-1. : Mục 2.3.1 Thành lập Tổ công tác về thủy lợi.</p> <p>4-2. : Mục 2.4.1 Tổ chức đào tạo giảng viên nguồn</p> |

1.3. Cơ cấu tổ chức

1.3.1. Tổ chức thực hiện dự án

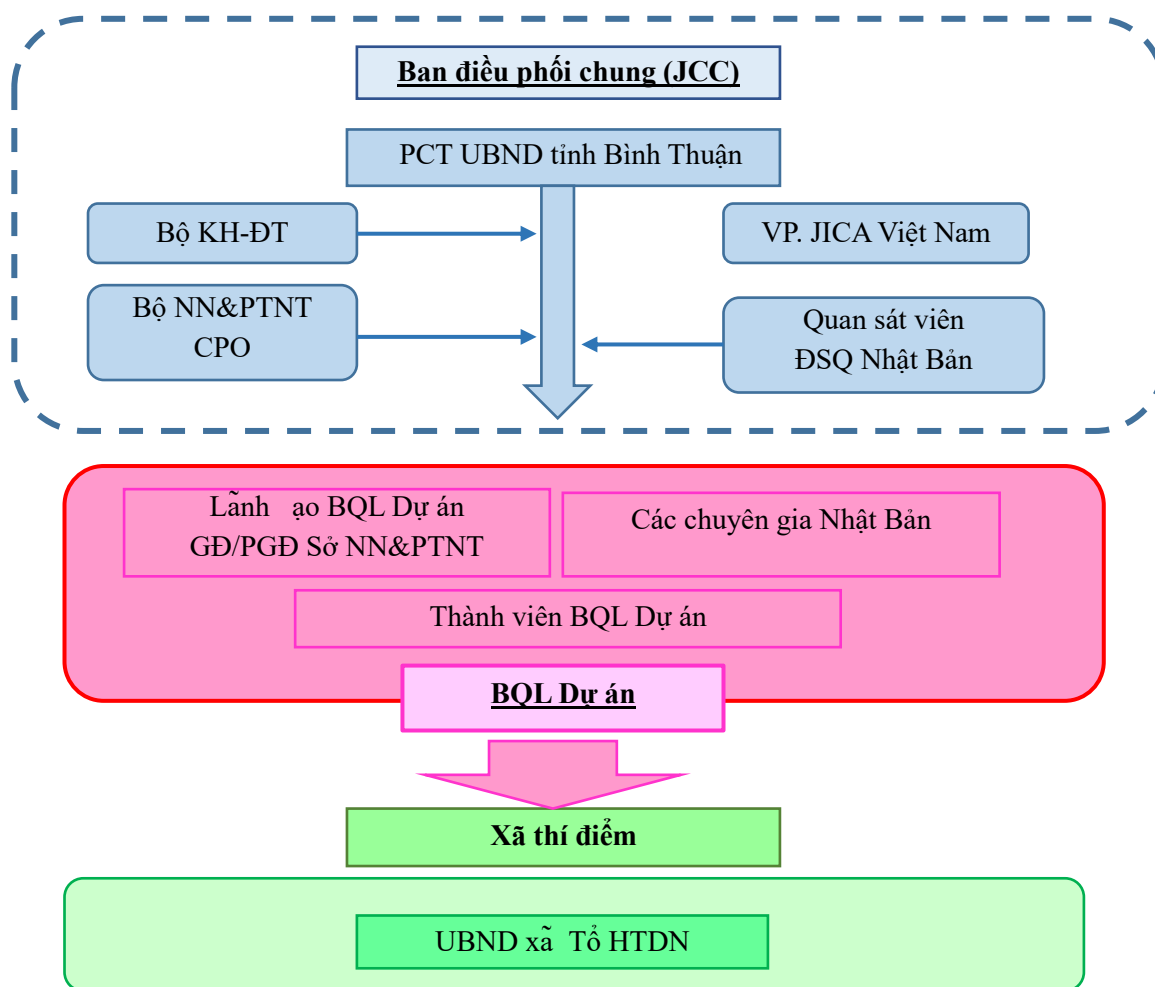
Về cơ cấu tổ chức, phía đối tác Việt Nam có BQL Dự án được thành lập gồm các thành viên là cán bộ trực thuộc Sở NN&PTNT và các Sở ban ngành liên quan, có nhiệm vụ triển khai thực hiện các

hoạt động nhằm đạt mục tiêu dự án dưới sự chỉ đạo của Phó chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận. Bên cạnh đó, phía Nhật Bản điều động các chuyên gia JICA có nhiệm vụ hợp tác, tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cần thiết nhằm đạt mục tiêu dự án. Dưới đây là sơ đồ tổ chức của Sở NN&PTNT, là đơn vị có nhiều cán bộ tham gia vào BQL Dự án.



Sơ đồ 1.3.1. Cơ cấu tổ chức Sở NN&PTNT

Ngoài ra còn có Ban điều phối chung (JCC) được thành lập với sự tham gia của lãnh đạo các cơ quan hành chính và cơ quan chuyên môn có liên quan đến dự án. Ban điều phối chung có nhiệm vụ điều chỉnh kế hoạch tổng thể; phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm; trao đổi ý kiến, đánh giá hoạt động dự án. Sơ đồ 1.3.2 thể hiện cơ cấu tổ chức của dự án, trong đó JCC và BQL Dự án đóng vai trò trung tâm.

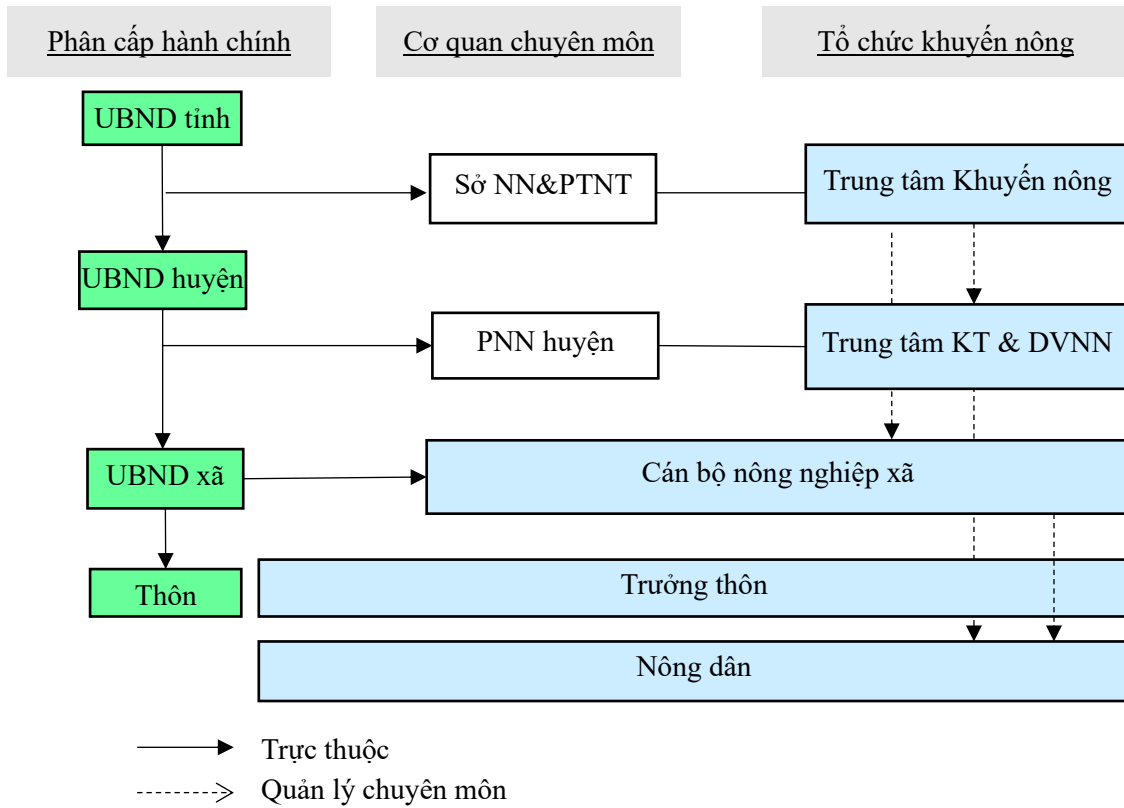


Sơ đồ 1.3.2. Cơ cấu tổ chức thực hiện dự án

1.3.2. Hệ thống khuyến nông

(1) Hệ thống khuyến nông tại vùng dự án

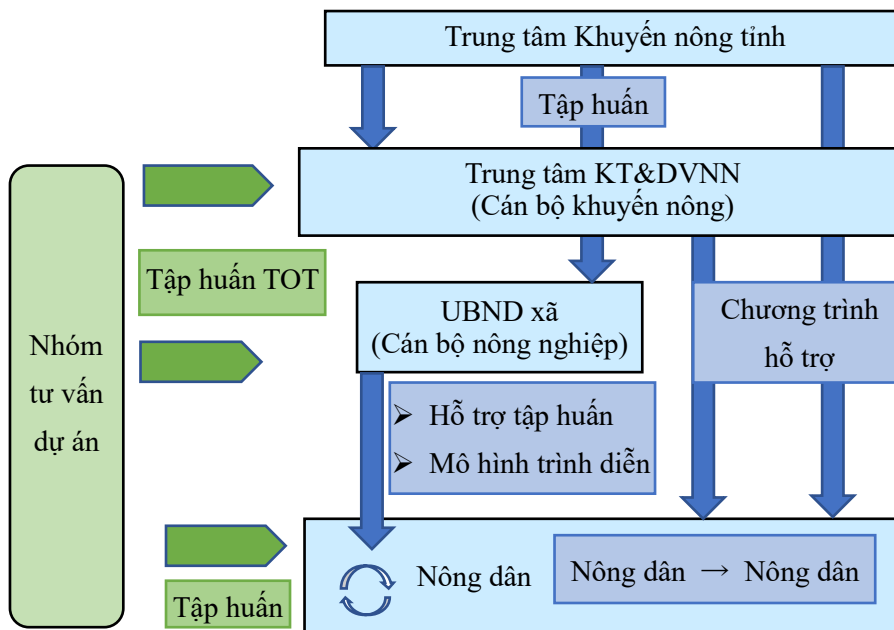
Hệ thống khuyến nông tại vùng dự án bao gồm 8 xã vùng tưới thuộc địa bàn huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận; trong đó có bố trí cán bộ nông nghiệp, khuyến nông địa phương tham gia hoạt động khuyến nông trong dự án. Sơ đồ 1.3.3 dưới đây thể hiện cơ cấu tổ chức của hệ thống khuyến nông trong vùng dự án.



Sơ đồ 1.3.3. Hệ thống khuyến nông tại vùng dự án

(2) Hệ thống khuyến nông trong hoạt động của dự án

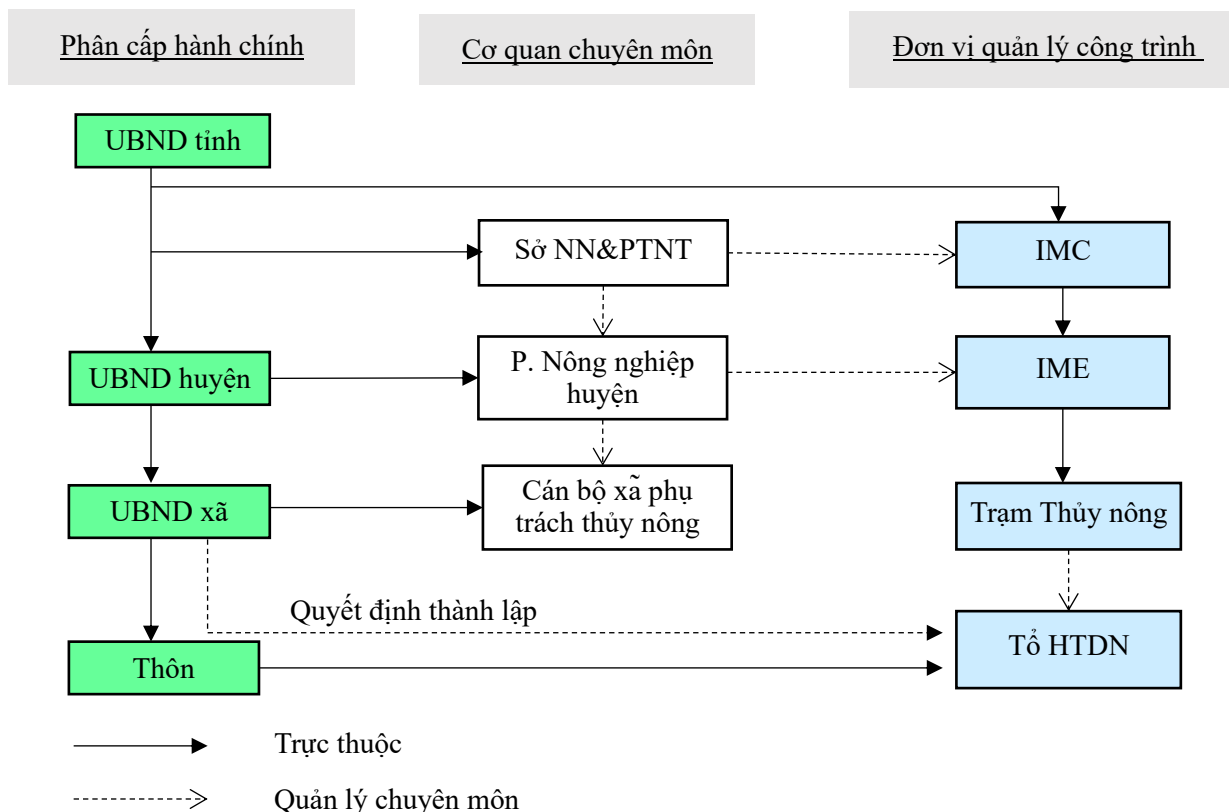
Dự án tổ chức tập huấn TOT (đào tạo giảng viên nguồn) cho các đối tượng chủ yếu là các cán bộ trong hệ thống khuyến nông được nêu ở mục (1). Sơ đồ 1.3.4 dưới đây thể hiện vai trò, nhiệm vụ chính của các cơ quan, tổ chức khuyến nông tại 8 xã vùng tưới và vai trò, nhiệm vụ trong các hoạt động của dự án.



Sơ đồ 1.3.4. Hệ thống khuyến nông trong hoạt động dự án

1.3.3. Hệ thống quản lý công trình thủy lợi

Sơ đồ 1.3.5 dưới đây thể hiện hệ thống quản lý các công trình thủy lợi tại vùng tưới PR-PT.



Sơ đồ 1.3.5. Hệ thống tổ chức quản lý công trình thủy lợi

1.4. Tổ chức họp Ban điều phối chung (JCC)

Tổ chức họp JCC khoảng 2 lần trong năm nhằm báo cáo tiến độ thực hiện dự án, chia sẻ những vấn đề khó khăn và thảo luận về giải pháp khắc phục. Dưới đây là bảng tổng hợp số lần tổ chức họp JCC của dự án.

Bảng 1.4.1. Kết quả tổ chức họp Ban điều phối chung (JCC)

| Thứ tự | Thời gian | Số lượng tham gia | Nội dung |
|-----------|------------|-------------------|--|
| Lần thứ 1 | 9/3/2016 | 11 | Thảo luận về kết quả hoạt động và nội dung PDM, PO |
| Lần thứ 2 | 3/11/2016 | 14 | Thảo luận về hoạt động sắp tới tại KTĐ |
| Lần thứ 3 | 30/5/2017 | 13 | Xây dựng kênh cấp 3, cấp 4; điều chỉnh nội dung PDM, PO |
| Lần thứ 4 | 22/3/2018 | 17 | Tiến độ triển khai KTĐ và giám sát về môi trường và xã hội (EIA) |
| Lần thứ 5 | 26/10/2018 | 17 | Báo cáo kết quả đánh giá cuối kỳ, thống nhất gia hạn dự án |
| Lần thứ 6 | 11/11/2019 | 13 | Khuyến nghị trong tương lai dựa trên kết quả dự án |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

2.1. Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 1

2.1.1. Phương hướng cơ bản để xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn

Bên cạnh sự ổn định sản xuất cây lúa – cây nông nghiệp chủ lực của địa phương, Dự án Phát triển nông nghiệp vùng tưới PR-PT giai đoạn 2 hướng tới đa dạng hóa, thương mại hóa canh tác cây trồng cạn, góp phần ổn định và tăng thu nhập cho người dân. Do vậy, khi lựa chọn đối tượng cây trồng cạn cần xem xét cả hai phương diện: 1) các loại cây trồng hướng tới thị trường thương mại phạm vi rộng, bao gồm xuất khẩu; 2) các loại cây trồng hướng tới thị trường phạm vi hẹp, lân cận trong khu vực. Trong dự án, cây bạc hà (cây dược liệu) và 4 loại cây trồng cạn khác¹ (cây ớt, nha đam, đậu phộng và măng tây) được lựa chọn làm đối tượng cây trồng thử nghiệm. Theo đó, Dự án xây dựng hai kiểu mô hình phát triển nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn gồm: 1) Mô hình phát triển nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà; 2) Mô hình phát triển nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn.

Đối với từng loại mô hình phát triển nêu trên, Dự án:

- 1) Tiến hành canh tác thử nghiệm có áp dụng phương pháp tưới trên ruộng thử nghiệm được xây dựng tại KTĐ;
- 2) Triển khai các hoạt động thực tiễn cho KTĐ dựa trên kết quả thu được từ ruộng thử nghiệm.

Trên cơ sở đó, Dự án xây dựng kế hoạch nhân rộng mô hình ra toàn bộ vùng tưới.

Trong dự án, chúng tôi đề ra phương hướng cơ bản để xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn theo 2 loại nêu trên. Đối với mô hình 1) Phát triển nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà, chúng tôi triển khai canh tác thử nghiệm tại KTĐ 1, đồng thời bắt đầu triển khai trồng bạc hà tại KTĐ 2 trên cơ sở nhận thấy điều kiện canh tác (đất cát) tại KTĐ 2 phù hợp với cây bạc hà. Bên cạnh đó, tại KTĐ 2, ngoài 4 đối tượng cây trồng đã lựa chọn trước đây, bổ sung một số loại cây trồng cạn mới, có khả năng thích nghi với điều kiện canh tác tại KTĐ. Ngoài ra, chúng tôi còn phối hợp với Sở NN&PTNT, Trung tâm Khuyến nông tỉnh và Trung tâm KT&DVNN huyện để xây dựng mô hình nhân rộng nhằm đảm bảo sau khi kết thúc dự án, người dân hưởng lợi có thể tiếp tục canh tác các loại cây trồng cạn mới một cách hiệu quả.

2.1.2. Xây dựng mô hình nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà (KTĐ 1)

(1) Mô hình thử nghiệm canh tác có tưới trên cây bạc hà

Đầu năm 2017, Dự án ký hợp đồng với một công ty dịch vụ nông nghiệp tại địa phương để tiến hành thử nghiệm canh tác bạc hà tại mô hình trong KTĐ. Trong quá trình thử nghiệm, do đất thoát kém nước, phát sinh bệnh hại nhiều, cây chết hàng loạt nên cuối cùng không thể đánh giá đầy đủ về

¹ Ngoài 4 loại cây trồng mới ban đầu, dự án đã bổ sung thêm cây kiệu và khoai mì có tưới vào mô hình thử nghiệm.

hiệu quả của phương pháp tưới đã thử nghiệm. Từ cuối tháng 6/2018 trở đi, mô hình được bàn giao lại cho nhóm chuyên gia tư vấn của dự án trực tiếp quản lý, triển khai trồng thử nghiệm với mục tiêu khắc phục hiện tượng cây chết hàng loạt bằng các biện pháp như so sánh hiệu quả thuốc trừ nấm, canh tác thử nghiệm các loại cây phân xanh (ngô, đậu phộng...).

(2) Hoạt động thực tiễn tại KTĐ

1) Hướng dẫn chuẩn bị đất canh tác

Tại thời điểm nhóm tư vấn tham gia dự án, tổng diện tích của KTĐ 1 là 32 ha, trong đó có 20 ha được quy hoạch làm đất canh tác, được phân thành các khu A, B, C. Khu C có diện tích 11 ha đã hoàn thiện công tác khai hoang, san ủi mặt bằng (chặt bỏ cây bụi, cày đất) nhưng chưa canh tác được vì cần có phương án thoát nước và cải tạo đất. Ngoài ra, tại khu B cần phải dọn sỏi đá với số lượng lớn, vì vậy chúng tôi đã tư vấn để doanh nghiệp Việt Nam triển khai hoàn thiện mặt bằng canh tác trong điều kiện tốt nhất có thể. Để triển khai sản xuất một cách có kế hoạch cần phải bố trí phân lô rõ ràng, nên chúng tôi đã tiến hành đo đạc diện tích các phân khu sản xuất bằng máy GPS để lập bản đồ quản lý sản xuất.

Trong năm canh tác đầu tiên (2017), vụ thứ 2 rơi vào mùa mưa nên bệnh thối đen thân bạc hà (do nhóm nấm *Phoma* gây ra) phát sinh và lây lan gây hại lớn cho sản xuất bạc hà. Trong mùa mưa năm đầu tiên triển khai canh tác (2017), do đất không thoát nước tốt nên bạc hà có hiện tượng bệnh gây hại nhiều, ảnh hưởng lớn đến quá trình sản xuất. Trong năm tiếp theo (2018), doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu thi công các hệ thống mương thoát nước tại 11 ha khu C nhằm cải thiện vấn đề bệnh hại. Dự án đã tư vấn cho doanh nghiệp này một số vấn đề liên quan như bố trí phân lô canh tác và xây dựng mương thoát nước.

2) Hướng dẫn lập kế hoạch và phương pháp canh tác phù hợp trong mùa mưa

Tại thời điểm nhóm tư vấn tham gia dự án, doanh nghiệp Việt Nam cung ứng giống (ngó²) bạc hà từ đất canh tác tại KTĐ 1 bằng cách đào lấy ngó trực tiếp rồi trồng sang khu đất khác, trường hợp không đủ sẽ vận chuyển giống từ các hộ dân sản xuất bạc hà ở miền Bắc vào. Tuy nhiên, đất canh tác ở KTĐ 1 dễ phát sinh bệnh vào mùa mưa nên nguồn cung không đáp ứng đủ, nguồn giống từ miền Bắc chỉ có số lượng hạn chế nên việc đảm bảo nguồn giống chất lượng đáp ứng đúng thời điểm gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, trường hợp vận chuyển giống số lượng lớn, doanh nghiệp Việt Nam thuê xe có kho lạnh, nhưng với số lượng ít, chỉ gửi qua xe khách thông thường. Trong trường hợp này, thời gian vận chuyển có khi mất đến 3 ngày trong điều kiện nhiệt độ nóng ẩm làm ngó bị hư hỏng, không đạt chất lượng khi giao đến nơi, đồng thời chi phí vận chuyển cũng làm tăng chi phí sản xuất bạc hà. Trước tình hình trên, chúng tôi nhận định rằng để nhân rộng sản xuất bạc hà trong vùng dự án, cần thiết phải đào tạo các hộ nông dân có khả năng sản xuất giống ổn định về chất lượng và không

² Bạc hà là thực vật lâu năm, cây phát triển từ thân ngầm bò lan dưới mặt đất. Người ta thường dùng phần thân ngầm này cắt ngắn 5cm để trồng nhân rộng. Thân ngầm thường được gọi là “ngó” bạc hà.

nhiễm bệnh tại vùng lân cận KTĐ. Mặt khác, trong mùa mưa năm 2017, kết quả trồng thí nghiệm cây bạc hà tại một góc nhỏ tại mô hình KTĐ 2 thuộc xã Sông Bình với điều kiện đất cát, thoát nước tốt, bạc hà sinh trưởng phát triển khá tốt. Do vậy, năm 2018 dự án quyết định đưa cây bạc hà vào thử nghiệm chính thức tại mô hình nhằm mục đích đào tạo hộ nông dân sản xuất giống để nhân rộng sản xuất tại địa phương; đồng thời chia sẻ kết quả thử nghiệm bạc hà cho các cơ quan đối tác và người dân thông qua các buổi họp (hội thảo) cán bộ nông nghiệp khuyến nông (ALM) của dự án.

3) Hướng dẫn toàn diện về phương thức sản xuất nông nghiệp của doanh nghiệp Việt Nam


Trong quá trình triển khai dự án bạc hà, doanh nghiệp Việt Nam chưa thực hiện đồng bộ các công đoạn mang tính kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp như chuẩn bị mặt bằng đất canh tác, trồng bạc hà, chiết xuất tinh dầu; và còn thiếu kinh nghiệm sản xuất tại địa bàn tỉnh Bình Thuận nên quá thực hiện gặp nhiều khó khăn, không theo đúng như kế hoạch sản xuất đã đề ra. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy sự ổn định trong sản xuất bạc hà của doanh nghiệp Việt Nam là nền tảng để triển khai nhân rộng mô hình trong vùng dự án, và việc phát triển sản xuất phải dựa trên một kế hoạch hợp lý. Để nâng cao năng lực quản lý sản xuất toàn diện bao gồm cả kế hoạch sản xuất, cần thúc đẩy hình thành thói quen lập kế hoạch sản xuất phù hợp, sát với tình hình thực tế. Do vậy, dự án đã hỗ trợ doanh nghiệp bằng cách biên soạn và hướng dẫn sử dụng File báo cáo điện tử, có thể dễ dàng nhập liệu, ghi chép thông tin công việc tiến hành hàng ngày (Xem Tài liệu đính kèm 8.1 và 8.2). Từ dữ liệu nhập hàng ngày, File báo cáo sẽ tự động tổng hợp khối lượng công việc đã triển khai trong một thời gian nhất định (hàng tháng). Dựa trên kết quả tổng hợp hàng tháng, công ty sẽ điều chỉnh kế hoạch thực hiện sát với tình hình thực tế hơn. Ngoài ra, File dữ liệu cũng tự động hiển thị bảng tiếng Nhật để doanh nghiệp Việt Nam báo cáo, chia sẻ về kế hoạch và tiến độ thực hiện cho các đối tác là doanh nghiệp Nhật Bản. Từ File dữ liệu báo cáo này còn có thể truy xuất loại thuốc BVTV đã dùng theo từng lô sản xuất tương ứng với từng lô dầu xuất khẩu sang Nhật.

Từ File dữ liệu báo cáo, có thể đối chiếu xem những loại thuốc BVTV mà doanh nghiệp Việt Nam đã dùng có thuộc danh mục hoạt chất kiểm tra đồng loạt³ dư lượng thuốc BVTV trong tinh dầu bạc hà của doanh nghiệp đối tác Nhật Bản hay không. Sản phẩm tinh thể bạc hà (L-menthol) chế tạo từ tinh dầu bạc hà là nguyên liệu dùng để chế biến các mặt hàng như thực phẩm, dược phẩm... Do đó,

³ Phân tích đồng loạt thuốc BVVT là phương pháp kiểm tra dư lượng thuốc BVTV với số lượng lớn bằng cách chỉ sử dụng một phương thức phân tích duy nhất cho các loại thuốc BVTV cùng nhóm với nhau để tiết kiệm công phân tích từng loại hoạt chất thuốc BVTV một cách riêng biệt. Số lượng hạng mục kiểm tra khác nhau tùy thuộc vào phương pháp lựa chọn để kiểm tra của Đơn vị kiểm tra như: chiết xuất, tẩy nhờn, chế tạo... từ mẫu thuốc BVTV. Doanh nghiệp đối tác Nhật Bản hợp đồng với một đơn vị kiểm tra thuốc BVTV tại Nhật Bản để tiến hành kiểm tra thường xuyên 254 mục hoạt chất theo danh mục. Dư lượng nhỏ nhất có thể kiểm tra trong phương pháp kiểm tra đồng loạt là 0,01ppm; được quy định là dư lượng không có khả năng gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người đối với các loại thuốc BVTV không có quy chuẩn về dư lượng theo quy định hiện hành tại Nhật Bản.

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

chúng tôi quan ngại rằng vấn đề sẽ trở nên nghiêm trọng nếu các đối tác là doanh nghiệp chế biến thực phẩm, được phẩm tại Nhật kiểm tra sản phẩm tinh thể bạc hà và phát hiện ra dư lượng của một số hoạt chất không thuộc danh mục hoạt chất mà doanh nghiệp Nhật Bản đã kiểm tra trước khi bán sản phẩm cho các công ty này. Để tránh trường hợp này xảy ra, Dự án tiến hành khảo sát các loại thuốc BVTV đang được bán tại các cửa hàng tại địa phương; sau đó biên soạn Bảng đối chiếu thuốc BVTV phù hợp sử dụng cho bạc hà, và chia sẻ kết quả này cho doanh nghiệp Việt Nam cũng như các cơ quan đối tác trong dự án (Xem Tài liệu đính kèm 8.3).

| | | |
|---|---|---|
|  |  |  |
| Hình 1. Bạc hà trồng tại KTĐ | Hình 2. Bệnh thối đen trên bạc hà | Hình 3. Sinh trưởng bạc hà phục hồi trên đất canh tác của doanh nghiệp Việt Nam |

(3) Xây dựng cơ chế nhân rộng bạc hà cho nông dân trong vùng tưới

1) Thử nghiệm canh tác và khảo sát hạch toán kinh tế tại đất canh tác của nông dân trong khu vực lân cận

Trong năm 2018, Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã triển khai chương trình khuyến nông hỗ trợ giống và phân bón để đào tạo nông dân canh tác bạc hà. Số lượng hộ dân tham gia chương trình này có hạn, nên phía dự án cũng lên kế hoạch hỗ trợ cấp giống bạc hà cho những hộ canh tác với quy mô diện tích nhỏ, không được chọn tham gia chương trình của Trung tâm. Ngoài ra, dự án cũng phối hợp với chương trình khuyến nông này, hỗ trợ lấy mẫu đất và phân tích thổ nhưỡng (pH và EC) cho các hộ dân chuẩn bị tham gia trồng bạc hà. Tuy nhiên, do việc cung cấp giống rơi vào dịp Tết Nguyên Đán nên sau khi trồng, nhiều hộ dân không chú trọng tưới nước và làm cỏ nên kết quả là chỉ có một hộ duy trì canh tác đến khi thu hoạch.

Dự án tiến hành khảo sát hạch toán kinh tế mô hình bạc hà của người dân trong 3 lần (gồm cả hộ nông dân trong chương trình khuyến nông). Kết quả khảo sát cho thấy nếu chỉ bán được phần thân lá cho doanh nghiệp Việt Nam, rất khó để mang lại lợi nhuận tương ứng với chi phí sản xuất của người dân. Tuy nhiên, nếu có thể bán cả phần thân lá và phần gốc (làm giống), mô hình mang lại lợi nhuận cao hơn so với một số cây trồng truyền thống.

| | | |
|---|---|---|
|  |  |  |
| <p>Hình 1. Ruộng trồng bạc hà sau vụ ngô (bắp)</p> | <p>Hình 2. Thu hoạch bạc hà</p> | <p>Hình 3. Nông dân trồng bạc hà phát biểu chia sẻ kinh nghiệm</p> |

2.1.3. Xây dựng mô hình nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn (KTĐ 2)

(1) Mô hình thử nghiệm canh tác có tưới trên cây trồng cạn

1) Quản lý mô hình thử nghiệm canh tác

Dự án HTKT giai đoạn 2 hợp đồng với Trường Đại học Đà Lạt quản lý mô hình thử nghiệm từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2018 (gói thầu số 1). Sau đó, tiếp tục hợp đồng với Trường để quản lý mô hình trong giai đoạn tháng 5/2018 đến tháng 4/2019 trên cơ sở đánh giá kết quả gói thầu số 1 và so sánh năng lực của Trường với các đơn vị tư vấn khác.

Ngoài ra, trong giai đoạn gia hạn của dự án, đơn vị tiếp nhận bàn giao mô hình phía đối tác chưa được quyết định và trên quan điểm hướng tới nhân rộng cây trồng mới một cách bền vững trong tương lai, từ tháng 7 đến tháng 9/2019, nhóm tư vấn dự án trực tiếp quản lý mô hình và sau đó hoàn tất thủ tục bàn giao lại cho Trung tâm KT&DVNN huyện Bắc Bình quản lý từ tháng 10/2019.

2) Thay đổi đối tượng cây trồng mới hướng tới nhân rộng

Trong giai đoạn đầu của dự án, chúng tôi lựa chọn 4 loại cây trồng cạn và triển khai thử nghiệm canh tác trên cơ sở xem xét, đánh giá điều kiện khí hậu, phân tích thổ nhưỡng và tính toán lượng nước tưới trong khu vực. Sau khi kết thúc trồng thử nghiệm vụ thứ 1, cây nha đam sinh trưởng kém, không phù hợp nên cần lựa chọn đối tượng cây trồng mới để thay thế. Mặt khác, bạc hà ở KTĐ 1 liên tục phát sinh nấm bệnh, canh tác rất khó khăn, ngược lại bạc hà được trồng trên diện tích nhỏ ở mô hình KTĐ 2 lại cho kết quả sinh trưởng phát triển tốt nên chúng tôi quyết định lựa chọn cây bạc hà làm đối tượng cây trồng thay thế cho nha đam.

Ngoài ra, dự án cũng bổ sung thêm cây kiệu vì được cho là phù hợp với điều kiện đất cát của KTĐ 2. Thông qua sự giới thiệu của Đại học Đà Lạt, có một doanh nghiệp thu mua, chế biến nông sản – cũng là đơn vị mong muốn thu mua ớt - đặt vấn đề phát triển vùng nguyên liệu kiệu tại địa phương và đánh giá cây kiệu phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương.

Hơn nữa, với tiền đề nâng cao thu nhập cho người dân thông qua việc sử dụng nguồn nước thủy lợi hiệu quả trên cây trồng cạn, nhưng thực trạng là đa số các hộ dân trong khu thí điểm và vùng lân cận chủ yếu sản xuất nông nghiệp không tưới (nước trời), chưa có điều kiện trang bị hệ thống tưới. Dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến người dân cho thấy có ít hộ dân đầu tư thiết bị tưới vì họ cho rằng canh tác cây trồng mới không chắc chắn mang lại nguồn thu nhập ổn định.

Do đó, bên cạnh việc triển khai thử nghiệm cây trồng mới, chúng tôi đưa vào thử nghiệm mô hình canh tác khoai mì (cây trồng truyền thống) có áp dụng tưới nhằm tăng năng suất so với canh tác không tưới.

3) Kết quả thử nghiệm canh tác cây trồng mới

Trong quá trình triển khai thử nghiệm canh tác các loại cây trồng dưới đây, mặc dù có phát sinh vấn đề sâu bệnh hại nhưng kết quả cho thấy cây sinh trưởng phát triển tốt và dự án đã chia sẻ kết quả thử nghiệm cho người dân thông qua các buổi hội thảo, tập huấn. Ngoài ra, các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cũng được tổng hợp đưa vào tài liệu hướng dẫn.

① Cây ớt

Có 2 loại ớt phổ biến là ớt chỉ địa (trái to) và ớt chỉ thiên (trái nhỏ), cách sử dụng và kênh tiêu thụ cũng khác nhau. Dự án thử nghiệm canh tác tại mô hình và khu vực lân cận và kết quả cho thấy ớt sinh trưởng tốt và đạt chất lượng cao. Đối với các vấn đề như bệnh khảm lá virus do tác nhân bọ trĩ gây ra và bệnh thán thư gây thối quả lan rộng..., phương pháp kiểm tra nhận định sớm và biện pháp phòng trừ được tổng hợp và đưa vào tài liệu hướng dẫn.

② Bạc hà

Dựa trên phán đoán rằng điều kiện đất cát thoát nước tốt tại KTĐ 2 nên ít phát sinh bệnh hại hơn so với KTĐ 1, nên chúng tôi đã thử nghiệm canh tác và hoàn thiện quy trình kỹ thuật có thể nhân rộng cho người dân.

③ Cây kiệu




Dự án triển khai canh tác kiệu với hình thức đáp ứng nhu cầu của kênh tiêu thụ nông sản. Trong vụ thứ 1, việc canh tác cho chất lượng cao đã được thử nghiệm thành công, vụ thứ 2 thử nghiệm điều chỉnh mật độ canh tác và kích thước củ kiệu, sau đó hoàn thiện kỹ thuật canh tác phù hợp với vùng thí điểm và tổng hợp lại thành tài liệu hướng dẫn.

④ Măng tây

Măng tây được lựa chọn như là cây trồng lâu năm có hiệu quả kinh tế cao, các thử nghiệm so sánh hình thức tưới trọng lực (tự chảy) và tưới béc phun đều cho kết quả sinh trưởng tốt. Dự án áp dụng một số biện pháp phòng trừ bệnh khô thân cành cơ bản bằng thuốc trừ nấm, và đưa kỹ thuật này vào tài liệu hướng dẫn. Qua quá trình thử nghiệm, chúng tôi đánh giá rằng canh tác măng tây đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu khá lớn, 6 tháng sau khi trồng mới cho thu hoạch, theo giá bình quân trên thị trường thì có thể hoàn vốn sau năm thứ 2 và bắt đầu có lãi sau năm thứ 3.

⑤ Khoai mì có tưới

Kết quả thử nghiệm cho thấy khoai mì có tưới phát triển đồng đều trong giai đoạn đầu sinh trưởng, thu hoạch củ to, năng suất đạt khoảng 47 tấn/ha, cao gấp 2 lần so với năng suất bình quân các hộ trồng mì trong vùng (18 – 25 tấn/ha). Với giá bán thị trường 1.600 đồng/kg, so với không tưới, mô hình có tưới cho hiệu quả năng suất tăng 23 tấn/ha, tăng thu nhập 36.800.000 đồng/ha.

| | | |
|---|--|---|
|  |  |  |
| Hình 1. Củ kiệu thu hoạch tại mô hình | Hình 2. Măng tây sinh trưởng ổn định | Hình 3. Thu hoạch khoai mì có tưới |

Dựa trên kết quả thử nghiệm này, chúng tôi tổng hợp đánh giá một số loại cây trồng như sau.

Bảng 2.1.1. Đánh giá đầu vào cây trồng mới

| Cây trồng | Độ khó canh tác | Tiết kiệm chi phí đầu tư | Tiết kiệm công lao động | Hiệu quả kinh tế | Đánh giá | Ghi chú |
|-----------|-----------------|--------------------------|-------------------------|------------------|----------|--|
| Cây ớt | ○ | ○ | ○ | ◎ | ◎ | Không trồng tập trung số lượng nhiều, nên chia nhỏ diện tích và duy trì canh tác liên tục |
| Bạc hà | ◎ | △ | ○ | ○ | ◎ | Cần sản xuất giống có kế hoạch |
| Măng tây | △ | × | △ | ◎ | ○ | Cần đảm bảo kênh tiêu thụ và quản lý chất lượng nông sản sau thu hoạch |
| Cây kiệu | ◎ | △ | × | ○ | ○ | Cần đảm bảo chất lượng giống (củ kiệu); Cần đảm bảo kênh tiêu thụ; Nên trồng để bán dịp Tết Nguyên Đán |

Ghi chú: ◎ Rất tốt (Rất dễ); ○: Tốt (Dễ); △: Bình thường; ×: Không tốt (Khó)

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

(2) Hoạt động thực tiễn tại KTD dựa trên kết quả mô hình

1) Tổ chức tập huấn

Dự án tổ chức tổng cộng 26 lần họp (hội thảo) cán bộ nông nghiệp khuyến nông (ALM) nhằm nhân rộng kết quả mô hình thử nghiệm cho người dân trong vùng. Hội thảo không chỉ nhằm tạo cơ hội cho người dân tham quan tình hình sinh trưởng cây trồng, mà còn lồng ghép tập huấn kỹ thuật theo chủ đề và tạo cơ hội liên kết với doanh nghiệp thu mua chế biến nông sản, khuyến khích sự quan tâm của người dân đến canh tác các loại cây trồng mới.

Trong hội thảo với chủ đề canh tác khoai mì có tưới, dự án mời giảng viên từ Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm nông nghiệp Hưng Lộc tại tỉnh Đồng Nai đến đứng lớp tập huấn, không chỉ hướng dẫn người dân về hiệu quả của mì tưới nước mà còn giới thiệu các loại giống cao sản và kỹ thuật canh tác.

2) Cấp phát giống để nhân rộng cho người dân

Từ kết quả thu được tại mô hình thử nghiệm canh tác, dự án nhận định rằng các loại cây trồng thử nghiệm phù hợp với điều kiện khí hậu tại khu thí điểm và phù hợp với khả năng đầu tư, trình độ canh tác của người dân. Tuy nhiên, khi triển khai nhân rộng, có nhiều hộ dân do dự không muốn tham gia với lý do thiếu kinh nghiệm và e ngại tốn công chăm sóc và chi phí đầu tư; do vậy dự án đã tổ chức hỗ trợ cấp giống cho những hộ đăng ký tham gia nhân rộng mô hình. Đại học Đà Lạt – đơn vị hợp đồng tư vấn, quản lý mô hình của dự án – phụ trách hướng dẫn kỹ thuật khi trồng cho người dân. Dự án cũng tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trước khi triển khai nhân rộng, trong đó có sử dụng tài liệu hướng dẫn (bản rút gọn) đối với cây bạc hà và cây ớt. (Xem Tài liệu đính kèm 9.3)

Bảng 2.1.2. Kết quả hoạt động cấp giống cây trồng mới

| Cây trồng | Năm cấp giống | Số hộ tham gia | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----------|---------------|----------------|-----------------------------|--|
| Ớt | 2018/2019 | 11 | 17,400 | Mua cây giống thông qua Đại học Đà Lạt, cây đạt chuẩn 45 ngày sau gieo |
| Bạc hà | 2018/2019 | 11 | 12,020 | Năm 2018, mua giống (ngó) từ phía Bắc; Năm 2019, mua giống từ hộ dân sản xuất giống tại xã S ng Bình |
| Mãng tây | 2018 | 4 | 2,600 | Mua cây giống thông qua Đại học Đà Lạt, cây đạt chuẩn 4 tháng sau gieo |
| Kiêu | 2019 | 2 | 1,500 | Sử dụng giống được nhân rộng từ mô hình thử nghiệm KTĐ 2 |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

| | | |
|---|---|---|
|  |  |  |
| Hình 1. Đất canh tác của hộ dân tham gia thử nghiệm, được chăm sóc tốt (làm cỏ...) | Hình 2. Mãng tây trồng sau vụ lúa | Hình 3. Kiêu trồng xen canh với cây ăn quả |

3) Tình hình thị trường tiêu thụ cây trồng mới

Tình hình thị trường tiêu thụ và biên độ giá cả đối với các loại cây trồng mới trong thời gian triển khai dự án được tổng hợp dưới đây. Kết quả này cũng được thể hiện trong Tài liệu đính kèm 8.4.

① Cây ớt

Ớt là loại cây trồng có nhu cầu tiêu thụ cao trong năm. Do không có số liệu thống kê chính thức

về giá ớt của tỉnh Bình Thuận nên chúng tôi tham khảo số liệu thống kê của tỉnh Tây Ninh – nơi có diện tích trồng ớt tương đối lớn – từ tháng 1/2017 đến tháng 1/2019, cho thấy giá ớt bình quân trên thị trường khoảng 40.000 đồng/kg, giá thời điểm thấp nhất là 25.000 đồng/kg và thời điểm cao nhất là 75.000 đồng/kg. Đặc biệt, vào thời điểm tháng 9 – tháng 11/2018 khi dự án triển khai cấp giống ớt nhân rộng cho người dân, giá thị trường địa phương giảm mạnh chỉ còn 20.000 đồng/kg nên người dân tham gia nhân rộng hầu như không có lãi. Số lượng doanh nghiệp thu mua ớt trong tỉnh rất ít và việc sản xuất theo hợp đồng bao tiêu đòi hỏi phải đảm bảo sản lượng nhất định với sự tham gia liên kết của nhiều hộ nông dân.

② Măng tây

Măng tây là loại cây trồng chưa có nhu cầu thị trường cao tại Việt Nam. Theo số liệu khảo sát xu hướng biến động giá bán măng tây tại tỉnh Ninh Thuận – vùng chuyên canh trồng măng tây – từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2019 cho thấy giá bán bình quân khoảng 50.000 đồng/kg. Số lượng doanh nghiệp thu mua măng tây tại Bình Thuận rất ít, và đòi hỏi phải đảm bảo sản lượng nhất định.

③ Cây kiệu

Theo số liệu khảo sát xu hướng biến động giá củ kiệu tại tỉnh Bình Định – vùng chuyên canh trồng kiệu – từ tháng 1/2017 đến tháng 1/2019, cho thấy giá bán bình quân khoảng 40.000 đồng/kg, tại thời điểm trước Tết, giá thường tăng khoảng 50.000 đồng/kg. Doanh nghiệp thu mua củ kiệu do dự án kết nối chỉ đảm bảo bao tiêu với giá 8.000 đồng/kg và đòi hỏi phải cung cấp sản lượng nhất định. Tại thị trường chợ địa phương, củ kiệu chỉ được tiêu thụ vào dịp Tết Nguyên Đán (khoảng tháng 1 – tháng 2).

4) Tình hình thị trường cây trồng chính tại địa phương

Cây trồng chính tại KTĐ và vùng lân cận là cây lúa và khoai mì, do vậy khi triển khai nhân rộng cây trồng mới, điều kiện quan trọng là phải đánh giá xem cây trồng mới mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với cây trồng chính (truyền thống) hay không. Dưới đây là xu hướng biến động giá cả một số loại cây trồng chính.

① Khoai mì

Theo số liệu khảo sát giá khoai mì trên thị trường 6 tỉnh và 1 khu vực của Việt Nam từ tháng 1/2017 đến tháng 6/2019, cho thấy giá khoai mì biến động khá lớn từ 1.500 đồng/kg – 3.500 đồng/kg. Tuy nhiên, từ tháng 1/2018 trở đi, giá thị trường tương đối ổn định, dao động từ 2.500 – 3.000 đồng/kg.

② Lúa (thóc)

Theo khảo sát giá bán lúa (thóc) tại Bình Thuận từ tháng 1/2017 đến tháng 6/2019, tương đối ổn định, dao động trong khoảng 5.000 – 7.000 đồng/kg.

5) Đánh giá hiệu quả kinh tế trên cây trồng cận mới

Khi triển khai nhân rộng cây trồng mới, cần so sánh hiệu quả kinh tế đối với cây trồng chính

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

(truyền thống) trong vùng là cây lúa và khoai mì. Tuy nhiên, mặc dù doanh thu cây trồng mới cao đi chăng nữa nhưng do tốn nhiều công lao động chăm sóc nên cũng có trường hợp người nhà phản đối, hoặc bận tham gia công việc phi nông nghiệp khác dẫn đến không thể duy trì canh tác cây trồng mới. Khi triển khai nhân rộng cây trồng mới, cần xem xét các điều kiện trên, do vậy dự án đã so sánh thu nhập mang lại so với cây trồng chính (lúa và khoai mì) và hạch toán đánh giá hiệu quả kinh tế của các loại cây trồng cận mới.

Chi phí trồng khoai mì rất thấp so với các loại cây trồng khác. Chi phí chăm sóc chỉ tập trung vào giai đoạn trồng và làm cỏ. Giá bán biến động tương đối lớn theo thị trường thế giới nhưng với chi phí sản xuất thấp, trồng mì mang lợi nhuận ổn định nhưng không cao. Thông thường, trồng mì không mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng có những năm vì giá bán tăng mạnh nên nhiều người dân nhận thức rằng trồng mì vẫn mang lại thu nhập ổn định.

Đối với cây lúa, quy trình kỹ thuật canh tác đã hoàn thiện, nhu cầu tiêu thụ lớn và ổn định nên hầu như giá cả biến động không đáng kể. Tuy nhiên, lợi nhuận mang lại không cao do khó để giảm chi phí sản xuất như thuê máy cày bừa, phân bón, thuốc BVTV...

Dưới đây là kết quả hạch toán kinh tế các loại cây trồng thử nghiệm tại KTĐ (không tính bạc hà). Kết quả khảo sát này được nêu trong Tài liệu đính kèm 8.5.

① Cây ớt

Dự án cung cấp giống và tập huấn kỹ thuật cho 8 hộ trong năm 2018 và 6 hộ trong năm 2019. Giá bán ớt bình quân hàng năm khoảng 40.000 đồng/kg nhưng năm 2018 thời điểm người dân tham gia trồng thử nghiệm giá giảm mạnh chỉ còn khoảng 15.000 đồng/kg, mặc dù các hộ duy trì chăm sóc và thu hoạch được vài lứa nhưng do nhận thấy không có lãi do giá quá thấp nên đã dừng canh tác sớm. Nếu giá thị trường không giảm mạnh, căn cứ theo giá bình quân hàng năm, chỉ với sản lượng 100kg/1.000m² người dân có lợi nhuận.

② Cây kiệu

Giá bán củ kiệu tại vùng chuyên canh tương đối ổn định, đặc biệt vào dịp trước Tết giá có xu hướng tăng cao. Tuy nhiên, đối với địa phương Bình Thuận không phải là vùng chuyên canh, chỉ tiêu thụ được vào thời điểm trước Tết. Dự án khuyến khích người dân tham gia canh tác thử nghiệm cây kiệu trên cơ sở có một doanh nghiệp mong muốn thu mua củ kiệu thông qua sự giới thiệu của Trường Đại học Đà Lạt. Trong đó, một hộ do đất nghèo dinh dưỡng nên đầu tư phân bón quá nhiều, dẫn đến không có lãi. Trước mắt, đối với vùng dự án cần khuyến khích người dân trồng củ kiệu bán Tết và tìm ra giải pháp cắt giảm chi phí sản xuất.

③ Măng tây

Các hộ tham gia canh tác thử nghiệm không có bán sản phẩm nên không thể hạch toán kinh tế.

④ Đậu phộng

Mặc dù dự án không hỗ trợ giống và phân bón, nhưng một số hộ dân lân cận khu thí điểm vẫn

đang canh tác đậu phộng. Theo số liệu khảo sát giá thị trường đậu phộng tại tỉnh Tây Ninh cho thấy giá bình quân khoảng 35.000 đồng/kg, sau khi trừ chi phí sản xuất, cây đậu phộng cho thu nhập tương đối ổn định trong điều kiện giá thị trường không giảm mạnh.

2.1.4. Xây dựng cơ chế nhân rộng cây trồng mới

(1) Hoạt động tổ chức sự kiện quảng bá, nhân rộng sản phẩm bạc hà

1) Khái quát

Nhằm giúp người dân hiểu biết, làm quen với các sản phẩm chiết xuất từ tinh dầu bạc hà sử dụng trong cuộc sống hằng ngày, hướng tới mục tiêu nhân rộng sản xuất cây bạc hà, dự án JICA phối hợp cùng doanh nghiệp Việt Nam và cán bộ nông nghiệp, khuyến nông tại huyện tổ chức chương trình sự kiện nhân rộng bạc hà, trong giới thiệu các sản phẩm bạc hà, cách sử dụng và kỹ thuật canh tác. Ngoài ra, nhằm nhân rộng bạc hà ở quy mô nhỏ, khuyến khích người dân trồng tại vườn nhà, dự án tổ chức tham quan mô hình hộ dân trồng bạc hà với sự hỗ trợ đầu tư của dự án, tạo cơ hội trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm giữa người dân với nhau. Đồng thời, cấp phát một số sản phẩm mẫu làm từ bạc hà như tinh dầu, chai xịt chống côn trùng, trà bạc hà...

2) Câu hỏi, ý kiến của người tham dự sự kiện

Tại buổi tổ chức sự kiện, đại diện doanh nghiệp Việt Nam giới thiệu các mô hình trồng bạc hà thành công tại nhiều khu vực khác nhau, cán bộ khuyến nông huyện trình bày kỹ thuật canh tác bạc hà. Theo đó, những người tham gia có một số câu hỏi và ý kiến được tổng hợp trong bảng 2.1.3 dưới đây.

Bảng 2.1.3. Câu hỏi và ý kiến từ những người tham dự sự kiện

| Cán bộ/ Nông dân | Câu hỏi/ Ý kiến | Nội dung trả lời |
|----------------------------------|---|--|
| Trung tâm KT&DVNN huyện Bắc Bình | <ol style="list-style-type: none"> Việc sử dụng thuốc BVTV trên cây bạc hà như thế nào? Kỹ thuật canh tác bạc hà tại Nhật Bản và Việt Nam có khác nhau không? Điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu khác nhau như thế nào? Để người dân quan tâm cây bạc hà, cần có báo cáo rõ ràng về | <ol style="list-style-type: none"> Hộ dân trồng bạc hà được cung cấp danh sách thuốc BVTV được phép sử dụng. Bên cạnh đó, nếu phát hiện đối tượng dịch hại, phải liên hệ báo cáo ngay cho cán bộ phụ trách mô hình (Cán bộ khuyến nông huyện); Trình bày những điểm khác nhau về giống bạc hà ở Nhật Bản và giống bạc hà dự án đang nhân rộng tại Việt Nam; điểm khác nhau về đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu giữa Nhật Bản và Việt Nam (Nhóm thực hiện dự án JICA); Sự kiện lần này chỉ hướng tới quảng bá các sản phẩm từ cây bạc hà như |

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

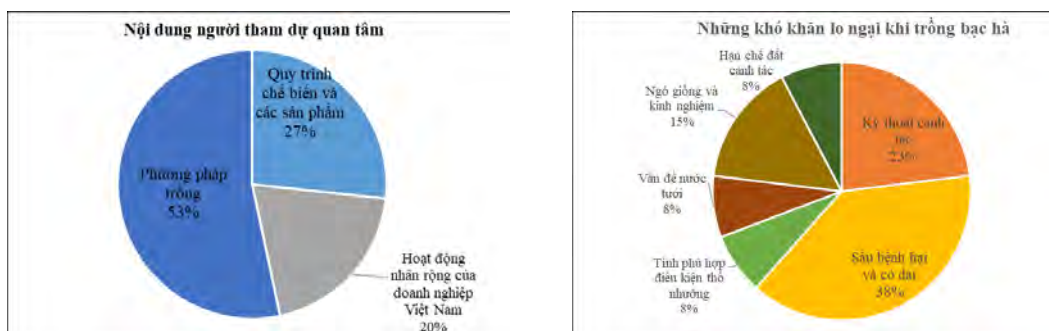
| | | |
|---|--|--|
| | năng suất và lợi nhuận... Ngoài ra, công thức bón phân đề xuất trong tờ hướng dẫn kỹ thuật phát trong sự kiện này có hợp lý chưa? | ting dầu...không phải báo cáo tổng kết mô hình như thường lệ của Trung tâm Khuyến nông. Về số liệu năng suất và lợi nhuận của mô hình, dự án sẽ tổng hợp và chia sẻ kết quả sau. Công thức bón phân sẽ được điều chỉnh khi hoàn thiện tài liệu hướng dẫn kỹ thuật (Phòng Nông nghiệp huyện). |
| Hộ dân tham gia mô hình của Trung tâm Khuyến nông | ➤ Đăng ký trồng 5.000m ² nhưng Trung tâm Khuyến nông chỉ cung cấp giống đủ trồng 3.500m ² . <u>Sau khi trồng, do thiếu nước tưới nên tỷ lệ nảy mầm chỉ đạt 40%</u> . Ngoài ra, mặc dù đã phun thuốc trừ nấm nhưng bệnh vẫn tiếp tục lan rộng rất nhanh | |
| Hộ dân mẫu tham gia mô hình dự án JICA | ➤ Chăm sóc rất vất vả vì là cây trồng mới, nhưng sẽ tiếp tục cố gắng duy trì. <u>Nếu mô hình có lợi nhuận cao, sẽ tiếp tục canh tác dù không có chương trình hỗ trợ.</u> | |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

3) Kết quả khảo sát ý kiến và bài học kinh nghiệm

Sau khi kết thúc sự kiện, dự án khảo sát lấy ý kiến của người tham dự. Kết quả khảo sát được tổng hợp ở Biểu đồ 2.1.1 dưới đây. Trong sự kiện, nội dung người tham dự quan tâm nhất là phương pháp canh tác bạc hà. Ngoài ra, kết quả khảo sát cho thấy có nhiều ý kiến cho rằng lo ngại về khó khăn trong phòng trừ sâu bệnh hại và cỏ dại; tiếp theo là lo ngại về khó khăn trong kỹ thuật canh tác nói chung và phương pháp thu hoạch gó (thân ngầm), tính phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng.

Ngoài ra, có nhiều ý kiến đề nghị dự án phải làm rõ ưu thế về lợi nhuận của mô hình bạc hà so với cây lúa và các loại đậu. Bên cạnh đó, người tham dự cũng mong muốn có đề xuất giải pháp cho vấn đề sâu bệnh hại và phòng trừ cỏ dại trong quá trình canh tác.



Biểu đồ 2.1.1. Kết quả khảo sát lấy ý kiến tại sự kiện nhân rộng bạc hà

(2) Nhân rộng canh tác bạc hà

Nhằm xây dựng cơ chế nhân rộng, dự án tổng hợp, dựa vào kết quả hoạt động của dự án, chúng tôi sắp xếp những điều kiện/ mong muốn của mỗi bên liên quan từ sản xuất đến tiêu thụ bạc hà trong bảng 2.1.4 dưới đây.

Bảng 2.1.4. Điều kiện/ nguyện vọng của các bên liên quan đến sản xuất bạc hà

| Hạng mục | Điều kiện/ Mong muốn |
|---|--|
| Hộ dân sản xuất giống | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Sử dụng giống khỏe, đạt chất lượng; ➢ Bán được cả phần thân lá và phần thân ngầm (ngó giống); ➢ Sản xuất giống chất lượng trên cơ sở thống nhất thời vụ và diện tích canh tác với doanh nghiệp Việt Nam. |
| Hộ dân canh tác thông thường | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Sử dụng giống khỏe, đạt chất lượng; ➢ Mong muốn bán được ngó giống vì phần thân lá ít lợi nhuận; ➢ Lần đầu tiên canh tác nên chọn thời điểm tương đối để canh tác là nửa sau mùa mưa, tránh trồng thời điểm mùa khô nhiệt độ cao và cao điểm mùa mưa. |
| Doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp đối tác | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Thận trọng trong việc xem xét tăng giá thu mua; ➢ Có thể thu mua ngó giống trong điều kiện giống đạt chất lượng và chủ động được kế hoạch phân bổ giống; ➢ Mong muốn tăng số lượng nông dân sản xuất bạc hà; ➢ Phải chuẩn bị đất trồng trước khi mua ngó giống từ nông dân. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

Trong hoạt động nhân rộng cần xem xét, điều chỉnh những điều kiện, nguyện vọng của các bên liên quan, trong đó ưu tiên việc đảm bảo thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai dự án, chúng tôi đã k ồng xây dựng được một cơ chế nhân rộng bền vững như vậy.

Từ kinh nghiệm và bài học rút ra từ các hoạt động đã triển khai, để nhân rộng bạc hà một cách bền vững trong vùng dự án, cần thực hiện các hoạt động dưới đây, cũng như cần xây dựng một cơ chế thực thi những hoạt động này.

Như đã nêu ở trên, mỗi bên liên quan đều có những điều kiện mong muốn khác nhau, nếu mỗi bên tự hoạt động một cách không có kế hoạch sẽ không triển khai nhân rộng được. Cần ưu tiên lập kế

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

hoạch nhân rộng sản xuất bạc hà cho những hộ dân chưa có kinh nghiệm canh tác vào thời vụ dễ trồng nhất trong năm, và đảm bảo cung cấp giống tốt, đạt chất lượng, hướng tới nhân rộng diện tích canh tác một cách có kế hoạch. Cũng trong thời điểm này, các cơ quan chuyên trách nên phối hợp áp dụng những chính sách hỗ trợ về giống, phân bón... một cách hợp lý.

Để hình thành vùng sản xuất chuyên canh, cần có quan điểm về chuỗi giá trị như sau.

① Cơ quan chuyên trách phối hợp cùng doanh nghiệp Việt Nam tổ chức chọn hộ nông dân tham gia sản xuất bạc hà trong thời vụ dễ trồng nhất (cuối mùa mưa, đầu mùa khô) kể cả đối với nông dân thông thường. Sau khi thống nhất về diện tích và thời gian canh tác của các hộ nông dân thông thường, doanh nghiệp Việt Nam chủ động hợp đồng sản xuất giống với các hộ nông dân tiên phong có kinh nghiệm để đáp ứng nguồn giống đảm bảo chất lượng.

② Doanh nghiệp Việt Nam cân đối kế hoạch để thỏa thuận điều kiện hợp đồng với hộ nông dân thông thường, trong đó ngoài thu mua phần thân lá chiết xuất tinh dầu, nên thu mua thêm một lượng ngó giống nhất định nhằm hỗ trợ người dân trong trường hợp năng suất không đạt dẫn đến không thu được lợi nhuận do chưa có kinh nghiệm canh tác. Doanh nghiệp Việt Nam xác định số lượng ngó thu mua hỗ trợ trên cơ sở phối hợp cùng các cơ quan chuyên trách khảo sát sinh kế nông hộ...

③ Cùng với việc xác định số lượng ngó giống dự kiến mua từ hộ nông dân thông thường, doanh nghiệp Việt Nam cần đảm bảo công tác chuẩn bị sẵn diện tích đất trồng tại KTĐ 1 phù hợp với số lượng ngó mua sẽ mua. Doanh nghiệp Việt Nam cần thảo luận với các cơ quan chuyên trách để lập kế hoạch canh tác như trên rồi mới triển khai thực hiện.

Bảng 2.1.5 là đề xuất về sản xuất bạc hà và hệ thống nhân rộng, dựa trên những quan điểm nói trên.

Bảng 2.1.5. Sản xuất bạc hà/ Hệ thống nhân rộng

| Hạng mục | Thời vụ trồng (ví dụ) | | | Ghi chú |
|----------------------------------|-----------------------|----------|---------|---|
| | T7 – T10 | T10 – T1 | T1 – T4 | |
| Hộ sản xuất giống | ◎ | | | Doanh nghiệp Việt Nam thu mua cả phần thân lá và phần ngó giống |
| Hộ thông thường | | ◎ | | Doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu mua phần thân lá. Thu mua một phần ngó giống căn cứ trên kết quả khảo sát sinh kế nông hộ |
| Doanh nghiệp Việt Nam và đối tác | | | ◎ | Chủ động chuẩn bị đất trồng cho lượng ngó hợp đồng thu mua từ người dân |

Chú giải: ◎ Thời vụ canh tác

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

Trên cơ sở triển khai liên tục quy trình sản xuất nói trên, doanh nghiệp Việt Nam chủ động hợp

đồng sản xuất ngô giống với những hộ nông dân có kinh nghiệm để đảm bảo cung cấp nguồn giống cho các hộ nông dân thông thường. Như vậy, hộ nông dân sản xuất giống có thể bán toàn bộ thân lá và ngô bạc hà để nâng cao thu nhập bền vững. Việc đào tạo các hộ dân có thu nhập cao từ canh tác bạc hà cũng góp phần nhân rộng kỹ thuật canh tác từ các hộ này đến các hộ dân thông thường trong vùng. Điều kiện để xây dựng cơ chế nhân rộng chính là việc xác lập một hệ thống sản xuất, tiêu thụ bạc hà một cách chắc chắn, rõ ràng như trên.

Trong quá trình thực hiện dự án, chúng tôi đã đào tạo được 2 hộ nông dân trong vùng dự án tham gia trồng thử nghiệm, hướng tới sản xuất giống cung cấp cho các hộ nông dân thông thường để kiểm chứng khả năng xây dựng chuỗi giá trị nêu trên. Tuy nhiên, chúng tôi đã không thể hoàn thiện quy trình một cách toàn diện mà kết quả hoạt động chỉ dừng lại ở việc sử dụng ngô giống do hộ nông dân sản xuất đem trồng ở khu đất canh tác của doanh nghiệp Việt Nam.

(3) Phương pháp nhân rộng cây trồng cận mới

Đối với việc xây dựng cơ chế hoạt động nhân rộng 4 loại cây trồng cận mới, chúng tôi tổng hợp, sắp xếp các điều kiện/ nguyện vọng của mỗi bên liên quan từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản trong bảng 2.1.6 dưới đây.

Bảng 2.1.6. Điều kiện/ mong muốn của mỗi bên liên quan trong sản xuất cây trồng mới

| Hạng mục | Điều kiện/ Mong muốn |
|--|---|
| Hộ dân thông thường | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Mong muốn bán toàn bộ nông sản trồng được; ➢ Muốn trồng vào thời điểm (vụ mùa) dễ trồng; ➢ Không thể trồng đồng thời trên diện tích lớn; ➢ Không thể mang nông sản đi bán ở xa được; ➢ Không thể duy trì canh tác nếu lợi nhuận không cao. |
| Thị trường địa phương | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Không mua những nông sản có nhu cầu tiêu thụ thấp (không nhắm tới những người tiêu thụ thông thường); ➢ Không mua một số nông sản đặc thù ngoài các dịp lễ Tết ➢ Chỉ mua đủ số lượng có thể bán ra được; ➢ Bán lại phần dư thừa cho các thị trường khác. |
| Doanh nghiệp/ thương lái thu mua chế biến nông sản | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Không thu mua số lượng nhỏ vì chi phí phân phối, vận chuyển cao; ➢ Đòi hỏi nông sản phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng (loại cây trồng, loại giống...) do đơn vị thu mua chế biến chỉ định; ➢ Thông thường hợp đồng bao tiêu giá không cao, bù lại mua với số lượng lớn để cung cấp nông sản làm nguyên liệu chế biến hoặc xuất khẩu. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

Dự án tổ chức hướng dẫn kỹ thuật canh tác cho nông dân trong vùng thông qua mô hình thử nghiệm và các lớp tập huấn trên cây trồng mới, sau đó khuyến khích người dân tham gia canh tác thử nghiệm. Ngoài việc tập huấn kỹ thuật sản xuất giống nhằm đảm bảo canh tác liên tục, dự án còn tạo

cơ hội gắn kết nông dân với doanh nghiệp thu mua chế biến ớt và kiệu. Tuy nhiên, đối với các loại cây trồng mới nói trên, điều kiện/ mong muốn của mỗi bên liên quan đều khác nhau. Dự án không những phải xem xét các điều kiện/ mong muốn nói trên, hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác cây trồng cận mà còn phải phối hợp với các bên liên quan để xây dựng một hệ thống sản xuất, phân phối và tiêu thụ nông sản trên cơ sở cân đối chi phí sản xuất và lợi nhuận mang lại. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện dự án, chúng tôi đã không xây dựng được một hệ thống nhân rộng chắc chắn, bền vững như vậy.

Từ kinh nghiệm và bài học rút ra từ các hoạt động đã triển khai, để xây dựng cơ chế nhân rộng hướng tới hình thành vùng chuyên canh sản xuất, cần có những quan điểm về chuỗi giá trị như sau.

(Sản xuất)

① Đối với việc tiêu thụ các loại nông sản mới như ớt, kiệu và măng tây tại thị trường địa phương lân cận, nên cân nhắc hình thức sản xuất theo quy mô nhỏ, bằng cách chia nhỏ diện tích trồng nhiều thời điểm khác nhau để đảm bảo cung cấp lượng nông sản liên tục trong thời gian dài, giúp quân bình ổn định giá bán, hướng tới đảm bảo lợi nhuận cho người dân. Để thực hiện được như vậy cần có hệ thống cung cấp giống cây trồng. Tốt nhất là nông dân trực tiếp tự sản xuất giống để trồng, nhưng sản xuất giống đòi hỏi công chăm sóc và kỹ thuật cao, do đó cần đào tạo những hộ dân chuyên sản xuất giống trong vùng.

② Trong vùng dự án, diện tích canh tác cây lâu năm như xoài, măng cầu, điều... đang tăng dần. Những cây lâu năm này cần thời gian dài sau trồng đến khi thu hoạch, do vậy có thể tận dụng khoảng trống có sẵn để xen canh cây trồng cận, rau màu... góp phần tăng thu nhập.

③ Đối với đất trồng lúa, bắp (ngô) 2 – 3 vụ trong năm, nên luân canh với một vụ cây trồng cận mới nhằm hạn chế phát sinh, lây lan bệnh hại.

④ Trong quá trình triển khai những hoạt động trên, hướng tới xây dựng chuỗi giá trị nông sản, điều cần thiết là phải đảm bảo số lượng và chất lượng sản xuất.

(Phân phối, tiêu thụ nông sản)

⑤ Một khi kỹ thuật canh tác cây trồng cận mới được nâng cao, số lượng hộ dân sản xuất tăng dần, cần chuyển sang hình thức bán nông sản trực tiếp cho đơn vị thu mua theo hợp đồng bao tiêu. Cần nâng cao khả năng giao lưu, hợp tác giữa các hộ nông dân để có thể thỏa thuận giá bán mang lại lợi nhuận hợp lý.

⑥ Bằng việc áp dụng canh tác có tưới, nông dân có thể chủ động thời vụ trồng (thời điểm dễ trồng), đảm bảo số lượng và chất lượng sản xuất, bán nông sản ổn định hơn.

Trong quá trình xây dựng cơ chế nhân rộng theo những quan điểm nêu trên, cần bắt đầu từ hình thức sản xuất trên diện tích/ số lượng nhỏ rồi chuyển dần sang hình thức sản xuất trên quy mô lớn hơn. Trong vùng dự án, cần lập kế hoạch xây dựng hệ thống sản xuất quy mô nhỏ đáp ứng nhu cầu thị trường tại chỗ một cách liên tục, nhờ đó từng bước tăng thu nhập và trình độ kỹ thuật của người dân, sau đó hướng tới hình thức sản xuất theo hợp đồng bao tiêu với các doanh nghiệp/ thương lái thu mua chế biến nông sản.

2.1.5. Xây dựng kênh cấp 3, kênh cấp 4

Tại các KTĐ, Dự án thi công các tuyến kênh cấp 3 như là mô hình mẫu, gồm tuyến kênh D14-6-1 tại KTĐ 1; tuyến kênh D8-19-1 và D8-19-2 tại KTĐ 2. Dưới đây là kết quả hoạt động trong quá trình xây dựng các tuyến kênh của dự án.

(1) Xây dựng kênh D14-6-1

Tại KTĐ 1, tuyến kênh D14-6-1 đã có sẵn hồ sơ thiết kế trong dự án tưới PR-PT (Dự án vốn vay), Dự án HTKT thi công phần kênh cần thiết để cung cấp nước tưới cho khu C trong KTĐ.

1) Vận động hiến đất

Do phạm vi thi công kênh nằm trong KTĐ này là khu đất công được UBND tỉnh bàn giao cho doanh nghiệp Việt Nam triển khai trồng bạc hà nên không cần vận động người dân hiến đất để làm kênh.

2) Thiết kế kênh

Tháng 2/2016, Dự án hợp đồng với một công ty tư vấn thiết kế để thiết kế kênh. Tuyến kênh được thiết kế là kênh bê tông và chúng tôi quyết định giữ nguyên mặt cắt dọc kênh theo thiết kế ban đầu của Dự án tưới PR-PT.

3) Thi công

Theo dự kiến ban đầu, doanh nghiệp Việt Nam sẽ được bàn giao đất vào cuối tháng 3/2016 nên Dự án đã hợp đồng thiết kế kênh và chuẩn bị bắt đầu thi công. Tuy nhiên do gặp phải những khó khăn trong vấn đề thủ tục, đến thời điểm tháng 10/2017 việc bàn giao đất cho Công ty mới hoàn thành. Sau thời điểm bàn giao đất, Văn phòng JICA Việt Nam tiến hành thủ tục đấu thầu xây dựng kênh. Đến tháng 12/2017, hoàn thành thủ tục hợp đồng với công ty xây dựng tại địa phương và bắt đầu quá trình xây dựng kênh.

Dự án hợp đồng với Công ty tư vấn thiết kế để giám sát công trình, đồng thời chuyên gia của dự án cũng thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình xây dựng kênh.

4) Vận hành, bảo dưỡng

Người hưởng lợi từ tuyến kênh D14-6-1 không chỉ có doanh nghiệp Việt Nam mà còn gồm cả những hộ dân lân cận sử dụng nguồn nước từ kênh nên cần thành lập Tổ HTDN có sự tham gia của tất cả người dân liên quan đến tuyến kênh. Do vậy, ngày 11/8/2017, thông qua hội thảo họp dân, Tổ HTDN đã được quyết định thành lập trên cơ sở đồng thuận của các bên liên quan, đồng thời bổ nhiệm một Tổ trưởng và một Tổ phó phụ trách điều hành Tổ HTDN.

(2) Xây dựng tuyến kênh cấp 3 D8-19-1, D8-19-2

Tại KTĐ 2, các tuyến kênh cấp 3 D8-19-1 và D8-19-2 đã có sẵn hồ sơ thiết kế trong dự án tưới PR-PT. Dự án tham khảo hồ sơ thiết kế có sẵn này, sau đó điều chỉnh hồ sơ thiết kế chi tiết trên cơ sở khảo sát lại thực địa.

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1) Tổ chức hội thảo hợp dân tại KTĐ

Tổ chức hội thảo hợp dân thuộc KTĐ 2 để thuyết minh về việc xây dựng các tuyến kênh cấp 3, cấp 4 và việc thành lập Tổ HTDN. Kết quả tổ chức hội thảo thể hiện ở bảng 2.1.7 dưới đây.

Bảng 2.1.7. Kết quả tổ chức hội thảo hợp dân v/v xây dựng kênh tại KTĐ 2

| Thứ tự | Thời gian | Nội dung | Đối tượng tham dự |
|--------|------------|--|--|
| Lần 1 | 6/7/2016 | - Giải thích về thiết kế kênh | Hộ dân thuộc KTĐ 2 |
| Lần 2 | 7/10/2016 | - Giải thích về thiết kế kênh - Khảo sát lấy ý kiến người dân về thi công kênh | Hộ dân thuộc KTĐ 2 |
| Lần 3 | 17/11/2016 | - Giải thích về thiết kế kênh - Khảo sát lấy ý kiến người dân về thi công kênh | Hộ dân thuộc KTĐ 2 có hộ khẩu ở Lương Sơn |
| Lần 4 | 17/1/2017 | - Vận động hiến đất xây dựng kênh D8-19-1 | Hộ dân thuộc KTĐ 2 |
| Lần 5 | 9/2/2017 | - Giải thích về thiết kế kênh đã điều chỉnh dựa theo ý kiến người dân | Hộ dân thuộc KTĐ 2 |
| Lần 6 | 16/3/2017 | - Sản xuất nông nghiệp có tưới hiệu quả - Loại kênh và phương pháp thi công kênh cấp 4 | Hộ dân thuộc KTĐ 2 |
| Lần 7 | 28/4/2017 | - Giải thích về kế hoạch thi công kênh D8-19-1 | Hộ dân thuộc KTĐ 2 |
| Lần 8 | 11/5/2017 | - Giải thích về vai trò, quy chế hoạt động của Tổ HTDN | Hộ dân thuộc KTĐ 2 có hộ khẩu ở Lương Sơn |
| Lần 9 | 6/6/2017 | - Bổ nhiệm Tổ trưởng và Tổ phó Tổ HTDN kênh D8-19-1 - Giải thích về thi công kênh cấp 4 | Thành viên Tổ HTDN kênh D8-19-1 |
| Lần 10 | 13/6/2017 | - Bổ nhiệm Tổ trưởng và Tổ phó Tổ HTDN kênh D8-19-2 - Giải thích về thi công kênh cấp 4 | Thành viên Tổ HTDN kênh D8-19-2 |
| Lần 11 | 21/7/2017 | - Giải thích về cách vận hành và bảo dưỡng các cửa lấy nước | Thành viên Tổ HTDN kênh D8-19-1 và D8-19-2 |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

| | | |
|---|---|---|
|  |  |  |
| <p>Hình 1. Tổ chức hội thảo họp dân về thi công kênh cấp 3</p> | <p>Hình 2. Giải thích các tuyến kênh</p> | <p>Hình 3. Trao đổi với người dân về các tuyến kênh</p> |

2) Vận động hiến đất

Trước khi thi công 2 tuyến kênh nêu trên, Dự án tổ chức các buổi hội thảo có sự tham dự của các hộ dân trong KTĐ (là đối tượng hưởng lợi từ các tuyến kênh) nhằm lấy ý kiến của người dân, sau đó điều chỉnh lại thiết kế sao cho phù hợp với nguyện vọng của họ. Đặc biệt về vấn đề giải phóng mặt bằng đất làm kênh, Dự án căn cứ theo chính sách của Nhà nước Việt Nam, không tổ chức đền bù mà chỉ vận động người dân hiến đất làm kênh. Do vậy, đối với các hộ dân không đồng thuận hiến đất, dự án giải thích lợi ích của tuyến kênh, đồng thời điều chỉnh lộ tuyến sao cho phù hợp để thuyết phục họ hiến đất. Theo thiết kế ban đầu của tuyến kênh D8-19-1 cắt ngang các thửa đất làm thay đổi hình dạng đất canh tác nên nhiều hộ dân không muốn hiến đất, do vậy chúng tôi đã xem xét, điều chỉnh lại thiết kế lộ tuyến cho phù hợp hơn. Đối với tuyến kênh D8-19-2, theo điều tra trước khi thi công, phạm vi thi công kênh thuộc diện tích đã được đền bù trong dự án tưới PR-PT trước đây nên không cần vận động các hộ dân có kênh đi qua hiến đất. Như vậy, Dự án chỉ tổ chức vận động người dân hiến đất đối với tuyến kênh D8-19-1.

3) Thiết kế kênh

Tháng 9/2016, dự án hợp đồng với một công ty tư vấn thiết kế tại địa phương để thiết kế các tuyến kênh. Tuyến kênh được thiết kế là loại kênh bê tông theo thiết kế ban đầu của dự án tưới PR-PT.

4) Thi công tuyến kênh D8-19-2

Sau khi xác nhận được thông tin phạm vi thi công tuyến kênh D8-19-2 thuộc diện tích đất đã đền bù trong dự án tưới PR-PT, tháng 12/2016 Văn phòng JICA Việt Nam tiến hành thủ tục đấu thầu thi công, đến thời điểm tháng 1/2017 hoàn thành thủ tục hợp đồng với công ty xây dựng tại địa phương và tiến hành triển khai thi công.

Dự án hợp đồng với Công ty tư vấn thiết kế để giám sát công trình, đồng thời chuyên gia của dự án cũng thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình xây dựng kênh.

5) Thi công tuyến kênh D8-19-1

Phạm vi đất để thi công tuyến kênh D8-19-1 không thuộc diện đất đã được đền bù trong dự án tưới PR-PT trước đây nên cần tổ chức vận động người dân hiến đất làm kênh. Theo đó, chúng tôi tổ chức hội thảo họp dân để giải thích về lộ tuyến và thay đổi thiết kế kênh; sau khi các hộ dân đồng thuận

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

hiến đất, tháng 3/2017, Văn phòng JICA Việt Nam tiến hành thủ tục đấu thầu xây dựng. Đến thời điểm tháng 4/2017, sau khi ký hợp đồng với công ty xây dựng tại địa phương, bắt đầu triển khai thi công kênh.

Dự án hợp đồng với Công ty tư vấn thiết kế để giám sát công trình, đồng thời chuyên gia của dự án cũng thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình xây dựng kênh.

6) Vận hành, bảo dưỡng kênh D8-19-1 và kênh D8-19-2

Đối với 2 tuyến kênh D8-19-1 và D8-19-2 cần phải thành lập tổ chức quản lý kênh với sự tham gia của tất cả các hộ hưởng lợi. Do vậy, Dự án đã thành lập riêng biệt một Tổ HTDN cho tuyến kênh D8-19-1 và một Tổ HTDN cho tuyến kênh D8-19-2. Như trong Bảng 2.1.7, chúng tôi cũng đã tổ chức các buổi hội thảo họp dân, giải thích về vai trò quan trọng của Tổ HTDN, căn cứ trên sự đồng thuận của các bên tham gia, quyết định thành lập Tổ HTDN, đồng thời bổ nhiệm Tổ trưởng và Tổ phó phụ trách điều hành Tổ HTDN.

(3) Xây dựng kênh cấp 4

1) Về việc xây dựng kênh cấp 4

Trong vùng tưới PR-PT, theo quy định kênh cấp 3 được xây dựng từ nguồn vốn Nhà nước; các tuyến kênh cấp 4 dẫn nước từ kênh cấp 3 đến đất canh tác sẽ do Tổ HTDN phụ trách thi công với sự tham gia của các thành viên là người dân hưởng lợi từ hệ thống kênh. Các tuyến kênh tại KTĐ của dự án sẽ là mô hình mẫu để nhân rộng sau này, do đó chúng tôi đề xuất và triển khai việc xây dựng kênh cấp 4 dưới hình thức cơ quan chuyên môn phụ trách phần thiết kế kênh, Tổ HTDN phụ trách phần thi công.

2) Hình thức kênh cấp 4

Ban đầu dự án dự kiến thi công kênh đất cho các tuyến kênh cấp 4, theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, theo ý kiến người dân phản ánh kênh đất không phù hợp với tính chất của vùng đất cát tại KTĐ. Nhằm đưa ra phương án thi công kênh cấp 4 phù hợp với điều kiện đất đai và dễ dàng thi công, Dự án đã tiến hành xây dựng thử nghiệm tuyến kênh cấp 4 (D8-19-2-4) với 4 loại khác nhau gồm: phân đoạn đường ống nhựa PVC đặt trên mặt đất, phân đoạn kênh bê tông, phân đoạn kênh gạch và phân đoạn kênh đất nhằm đề ra phương án khả thi nhất cũng như tạo điều kiện cho người dân đến tham quan, học hỏi cách xây dựng kênh. Các loại thiết kế kênh nêu trên được trình bày trong bảng 2.1.8 dưới đây.

Bảng 2.1.8. So sánh đặc điểm của các loại kênh

| Loại kênh | Thi công | Chi phí | Độ bền/ Tính bảo dưỡng |
|--------------|---|---|---|
| Kênh ống | Dễ thi công. Lắp đặt ống nhựa PVC trên mặt đất, sau đó lấp đất lại. | Chi phí cao. Cần phải mua ống thành phẩm. | Kênh ống có độ bền cao nếu lắp đặt cẩn thận. Khó sửa chữa khi có hư hỏng. |
| Kênh bê tông | Bình thường. Đổ bê | Bình thường. Giá | Độ bền cao. Tương đối dễ |

| | | | |
|-----------|--|---|---|
| | tông theo khuôn ván. Người dân có thể tự thi công nếu có khuôn và hỗn hợp bê tông. | thành bê tông tương đối thấp nhưng cần phải có khuôn ván và máy trộn bê tông. | vận hành và bảo dưỡng. |
| Kênh gạch | Khó thi công. Cần có gạch và hỗn hợp vữa. Về mặt kỹ thuật tương đối dễ nhưng khá tốn công. | Bình thường. Giá gạch rẻ nhưng do tốn công thi công nên chi phí nhân công sẽ cao. | Độ bền không bằng kênh bê tông nhưng cũng tương đối tốt. Dễ vận hành và bảo dưỡng. |
| Kênh đất | Bình thường. Dễ thi công nhất. | Chi phí thấp nhất do không cần nguyên vật liệu. | Do KTĐ 2 là vùng đất cát nên kênh đất không có độ bền. Khó vận hành, bảo dưỡng do nhiều cây bụi mọc lên, xói lở do mưa. |



Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

3) Quyết định hình thức kênh cấp 4

Trong quá trình thử nghiệm tuyến kênh cấp 4 D8-19-2-4, chúng tôi tổ chức khảo sát ý kiến các hộ đến tham quan, học tập cách làm kênh và kết quả đa số các hộ mong muốn xây dựng kênh cấp 4 theo hình thức kênh bê tông. Do vậy, Dự án triển khai thiết kế các tuyến kênh cấp 4 theo hình thức kênh bê tông.

4) Thi công kênh cấp 4

Các tuyến kênh cấp 4 được thi công từ tháng 8/2017. Do kênh cấp 4 được quyết định là loại kênh bê tông nên Dự án hỗ trợ nguyên vật liệu và các thiết bị, máy móc cần thiết, đồng thời tư vấn, hướng dẫn Tổ HTDN triển khai thi công.

| | | |
|---|---|---|
|  |  |  |
| Hình 1. Tổ HTDN thi công kênh cấp 4 (San ủi mặt bằng) | Hình 2. Tổ HTDN thi công kênh cấp 4 (San ủi mặt bằng) | Hình 3. Tổ HTDN thi công kênh cấp 4 (Đổ bê tông) |

2.1.6. Xác định phương pháp tưới phù hợp với đất canh tác cây trồng cạn

(1) Khái quát

1) Phân loại hình thức tưới

Đối với hình thức tưới cho cây trồng cạn, có thể chia ra 2 nhóm lớn là tưới trọng lực (tự chảy) và tưới áp lực. Tưới trọng lực là hình thức tưới dựa vào sự chênh lệch về cao độ mặt đất, không sử dụng áp lực, trong nhóm này có thể chia ra các loại như tưới ngập, tưới dài, tưới rãnh... Ngược lại, hình thức tưới áp lực sử dụng áp lực từ máy bơm/ mô tơ điện hoặc áp lực do sự chênh lệch cao độ, trong nhóm này có thể chia ra các loại như tưới béc phun, tưới ống phun, tưới nhỏ giọt.... Cả hai phương pháp tưới đều giúp cải thiện năng suất cây trồng, tuy nhiên cần lựa chọn hình thức tưới phù hợp với từng loại cây trồng. Hình thức tưới áp lực có ưu điểm là dễ sử dụng và quản lý, nhưng so với tưới trọng lực lại tốn chi phí đầu tư ban đầu và chi phí vận hành, bảo dưỡng máy bơm... Ngoài ra, cần phải xem xét đến chi phí lao động trong việc tháo gỡ và lắp đặt lại hệ thống ống tưới mỗi khi hết mùa vụ, chuyển sang trồng cây khác đối với trường hợp canh tác cây ngắn ngày. Đặc trưng của một số hình thức tưới chính được thể hiện trong Bảng 2.1.9 dưới đây.

Bảng 2.1.9 Đặc trưng của các hình thức tưới chính

| Hình thức tưới | Áp lực | Hiệu quả tưới | Chi phí khi chuyển đổi cây trồng | Chi phí đầu tư |
|----------------|-----------|---------------|---|----------------|
| Tưới béc phun | Cần | Tốt | Phải tháo gỡ, lắp đặt lại hệ thống ống tưới | Cao |
| Tưới nhỏ giọt | Cần | Rất tốt | Tương đối dễ dàng tháo gỡ, lắp đặt | Cao nhất |
| Tưới ống phun | Cần | Tương đối tốt | Tương đối dễ dàng tháo gỡ, lắp đặt | Không cao lắm |
| Tưới tự chảy | Không cần | Kém | Phải thường xuyên nạo vét rãnh tưới | Thấp |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

2) Đặc trưng của vùng tưới PR-PT và hướng lựa chọn phương pháp tưới

Tất cả các tuyến kênh trong vùng tưới PR-PT đều được xây dựng theo dạng kênh hở nên phải có máy bơm khi áp dụng hình thức tưới áp lực. Qua trao đổi với Sở NN&PTNT và khảo sát thông tin một số hộ dân trong vùng, chúng tôi nhận thấy tại các khu vực trồng thanh long trong vùng tưới, đa phần người dân sử dụng hình thức tưới phun (tưới béc) có máy bơm. Tuy nhiên, hầu hết các hộ dân không trồng thanh long vẫn chưa có điều kiện đầu tư mua các thiết bị tưới áp lực như máy bơm, hệ thống ống nước và béc phun v.v. Trong quá trình nhân rộng các loại cây trồng cạn mới, để người dân đầu tư hệ thống tưới áp lực đòi hỏi đối tượng cây trồng phải mang lại thu nhập tương đương với cây thanh long. Tuy nhiên, xem xét các điều kiện nêu trên, chúng tôi đề xuất áp dụng cả phương pháp tưới

áp lực lẫn phương pháp tưới trọng lực cho vùng tưới PR-PT.

(2) Lựa chọn phương pháp tưới nội đồng phù hợp cho KTĐ 1

1) Phương pháp tưới áp dụng tại mô hình KTĐ 1

Tại KTĐ 1, bạc hà được lựa chọn là đối tượng triển khai nhân rộng cây trồng mới. Dự án xây dựng mô hình với diện tích 1.000m² để thử nghiệm phương pháp canh tác cũng như thử nghiệm phương pháp tưới phù hợp cho cây bạc hà. Tại mô hình, chúng tôi thử nghiệm so sánh các phương pháp tưới béc phun, tưới ống phun (nước phun đều ra 2 bên từ các lỗ nhỏ li ti trên ống); đồng thời cũng thử nghiệm tưới nhỏ giọt và tưới rãnh

2) Kết quả thử nghiệm canh tác và phương pháp tưới

So sánh mối tương quan giữa năng suất bạc hà và phương pháp tưới, nếu không kể tưới rãnh, phương pháp tưới béc phun và tưới nhỏ giọt cho kết quả tương đồng (Xem Tài liệu đính kèm 7.2. Phương pháp tưới trên cây trồng cận tại khu thí điểm). Từ kết quả trên, chúng tôi nhận định tại KTĐ 1, phương pháp tưới áp lực phù hợp cho cây bạc hà. Tuy nhiên, trong canh tác bạc hà, ngoài phương pháp tưới ra còn đòi hỏi đất phải thoát nước tốt. Do đặc tính đất có hàm lượng sét cao nên thoát nước kém, cũng là nguyên nhân làm giảm năng suất. Nếu trong điều kiện đất có thoát nước thuận lợi, vẫn có thể áp dụng phương pháp tưới rãnh cho cây bạc hà.

3) Khó khăn trong áp dụng phương pháp tưới áp lực

Phương pháp tưới béc phun cần lắp đặt hệ thống ống tưới cố định trên mặt ruộng chỉ thích hợp cho trường hợp trồng cây dài ngày; đối với cây ngắn ngày như bạc hà, phải trồng lại sau thu hoạch không nên áp dụng phương pháp này vì phải tốn công tháo gỡ và lắp đặt lại hệ thống ống sau mỗi lần thu hoạch, trồng lại.

Các phương pháp tưới áp lực (tưới béc phun, tưới nhỏ giọt, tưới ống phun) tại mô hình KTĐ 1 có chi phí đầu tư thiết bị ban đầu khoảng 2.050.000 – 2.390.000 đồng/ 1.000m² (Xem Tài liệu đính kèm 7.2). Đánh giá mức độ vận hành, bảo dưỡng sau khi lắp đặt cũng như tình hình sinh kế của phần lớn hộ nông dân trong vùng, chúng tôi nhận thấy người dân khó có khả năng đầu tư lắp đặt hệ thống tưới áp lực.

4) Xây dựng mô hình tưới cho cây bạc hà

Trong các phương pháp tưới áp lực (tưới béc phun, tưới nhỏ giọt, tưới ống phun) trên mô hình bạc hà tại KTĐ 1, phương pháp tưới ống là phù hợp nhất trên cả hai phương diện hiệu quả tưới và chi phí đầu tư. Tùy theo khả năng kinh tế, người dân có thể áp dụng phương pháp tưới béc phun. Ngoài ra, phương pháp tưới rãnh cũng có thể áp dụng tùy theo khả năng kinh tế và điều kiện thổ nhưỡng của đất canh tác. (Xem Bảng 2.1.10)

Bảng 2.1.10. Đánh giá phương pháp tưới

| Phương pháp tưới | Hiệu suất canh tác | Tiết kiệm chi phí | Công tác vận hành bảo dưỡng | Đánh giá |
|------------------|--------------------|-------------------|-----------------------------|----------------------------|
| Tưới béc phun | ◎ | △ | ○ | ○ |
| Tưới nhỏ giọt | ○ | × | ○ | △ |
| Tưới ống phun | ○ | ○ | ○ | ◎ |
| Tưới rãnh | △ | ◎ | △ | ○ (Tùy theo điều kiện đất) |

Ghi chú: ◎ Rất tốt (Rất dễ); ○ Tốt (Dễ); △ Bình thường; × Không tốt (Khó)

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

(3) Kiểm chứng phương pháp tưới phù hợp cho KTĐ 2

1) Phương pháp tưới áp dụng tại mô hình KTĐ 2

Tại KTĐ 2, các đối tượng cây trồng cận mới được đưa vào thử nghiệm để nhân rộng gồm đậu phộng, ớt, măng tây và nha đam. Dự án xây dựng một mô hình trên diện tích khoảng 4.000m² để so sánh phương pháp tưới và năng suất cây trồng tương ứng. Về phương pháp tưới, có thử nghiệm so sánh tưới béc phun và tưới rãnh

2) Kết quả thử nghiệm canh tác và phương pháp tưới

Đậu phộng vụ thứ 1 (Tháng 5 – tháng 8/2017) cho thấy lô thử nghiệm tưới rãnh mang lại năng suất và lợi nhuận cao hơn so với tưới béc phun. Đậu phộng vụ thứ 2 (Tháng 10/2017 – tháng 1/2018) cho thấy lô thử nghiệm tưới béc đạt năng cao hơn, nhưng lợi nhuận thấp hơn so với tưới rãnh. Tuy nhiên, sự khác biệt về lợi nhuận là do giống và thời điểm bán đậu phộng giữa 2 vụ khác nhau.

Đối với cây ớt, phương pháp tưới béc phun mang lại năng suất và lợi nhuận cao hơn so với tưới rãnh. Đối với măng tây cũng tương tự, tưới béc phun cho kết quả tốt hơn so với tưới rãnh. Cây nha đam do xuất hiện bệnh hại nên đã dừng canh tác trước khi thu hoạch. (Kết quả chi tiết xem Tài liệu đính kèm 7.2. Phương pháp tưới trên cây trồng cận tại khu thí điểm).

(4) Xác định phương pháp tưới phù hợp với điều kiện kinh tế của người dân và đặc trưng của vùng tưới

Theo kết quả thử nghiệm nêu trên, canh tác đậu phộng thích hợp với phương pháp tưới rãnh, canh tác ớt và măng tây thích hợp với phương pháp tưới béc phun. Mặt khác, phương pháp tưới béc phun đòi hỏi nhiều chi phí đầu tư cao như thiết bị ban đầu (máy bơm...) và chi phí bảo dưỡng trong quá trình sử dụng. Hơn nữa, trường hợp người dân không có nhà ở tại đất canh tác, dễ xảy ra tình trạng mất trộm các thiết bị tưới vào ban đêm. Vì tưới béc phun có nhiều khó khăn như trên nên nhìn chung phương pháp tưới rãnh hoặc tưới ống phun sẽ thích hợp để áp dụng tại địa phương hơn.

(5) Thí nghiệm phương pháp tưới trọng lực bằng ống phun

Đối với ống phun cũng cần kết nối máy bơm để tạo áp lực tưới tốt hơn. Tuy nhiên như đã đề cập trên đây, do quan ngại vấn đề khả năng đầu tư của người dân cũng như tình trạng mất trộm thiết bị tưới nên dự án đã tiến hành thử nghiệm tưới ống phun không sử dụng máy bơm mà kết nối trực tiếp với hệ thống kênh cấp 4 tạo áp lực dựa trên độ dốc của đất canh tác. Kết quả thử nghiệm cho thấy các chỉ số gồm chiều dài ống, khoảng cách phun nước, chênh lệch cao độ và áp lực nước đều tương đối bằng nhau, do đó có thể áp dụng công thức này để tính toán cự ly đặt ống phun dựa trên chênh lệch cao độ và khoảng cách phun nước.

(6) Phương pháp tưới phù hợp với vùng dự án

Dựa trên các kết quả thử nghiệm phương pháp tưới trong dự án, chúng tôi đề xuất 3 phương pháp gồm tưới béc phun, tưới ống phun và tưới rãnh phù hợp áp dụng cho canh tác cây trồng cạn trong vùng dự án. Chúng tôi sắp xếp, so sánh ưu nhược điểm của từng loại phương pháp tưới trên cơ sở đánh giá loại cây trồng, khả năng đầu tư, điều kiện đất canh tác (thổ nhưỡng, khả năng thoát nước) để người dân có sự lựa chọn phù hợp với tình hình thực tế. Xem xét tổng thể các điều kiện đầu tư, chúng tôi đề xuất phương pháp tưới ống phun là phù hợp nhất. Tuy nhiên, trường hợp người dân mới bắt đầu chuyển sang canh tác cây trồng có tưới, do hạn chế về kinh tế, khó có thể đầu tư tưới áp lực như béc phun hoặc ống phun. Đối với trường hợp này như vậy, chúng tôi đề xuất lựa chọn phương pháp tưới rãnh trên cơ sở kiểm tra tính phù hợp của hiện trạng đất canh tác (thổ nhưỡng, khả năng thoát nước, chênh lệch độ cao giữa điểm lấy nước và đất canh tác). Nội dung đánh giá các phương pháp tưới nội đồng được thể hiện trong Bảng 2.1.11.

Bảng 2.1.11. Đánh giá phương pháp tưới nội đồng

| Phương pháp tưới | Hiệu suất canh tác | Tiết kiệm chi phí | Công tác vận hành, bảo dưỡng | Giảm thiểu rủi ro mất trộm | Đánh giá | Điều kiện |
|------------------|--------------------|-------------------|---------------------------------|----------------------------|----------|---|
| Tưới béc phun | ◎ | △ | Cây hàng năm △ Cây lâu năm ◎ | × | ○ | Cần khắc phục vấn đề mất trộm; trường hợp có điều kiện đầu tư; trường hợp trồng cây lâu năm |
| Tưới ống phun | ○ | ○ | Cây hàng năm ○ Cây lâu năm ◎ | △ | ◎ | Cần khắc phục vấn đề mất trộm; nên xem xét áp dụng tưới trọng lực |
| Tưới rãnh | △ | ◎ | Cây hàng năm ○ Cây lâu năm × | ◎ | ○ | Trường hợp trồng cây hàng năm; trường hợp không có điều kiện đầu tư |

Chú giải: ◎ Rất tốt (Rất dễ); ○ Tốt (Dễ); △ Bình thường; × Không tốt (Khó)

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

2.2. Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 2

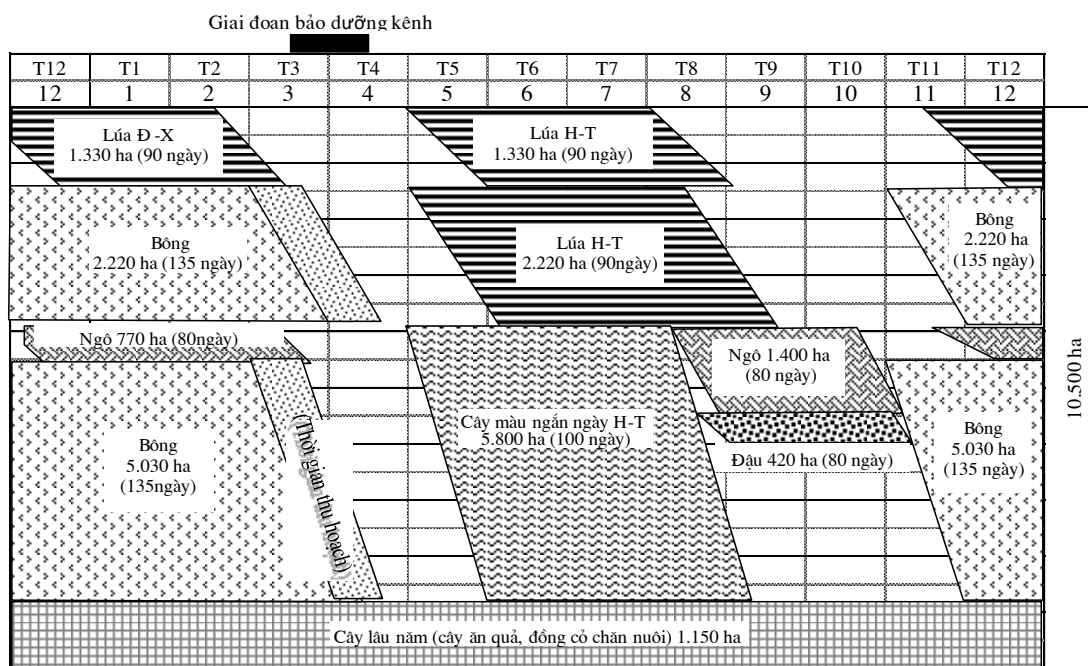
2.2.1. Xây dựng kế hoạch trồng trọt và kế hoạch tưới tiêu tổng thể trong vùng tưới PR-PT

(1) Xây dựng kế hoạch trồng trọt tại vùng quy hoạch cây trồng cạn trong vùng tưới PR-PT

1) Bối cảnh

Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) thuộc Bộ NN&PTNT trong khuôn khổ thực hiện dự án tưới PR-PT (dự án vốn vay), dựa trên chính sách phát triển sản xuất cây bông vải tại tỉnh Bình Thuận, đã xây dựng Kế hoạch trồng trọt với cây bông vải là cây trồng cạn chính tại vùng tưới PR-PT. (Sơ đồ 2.2.1, Tháng 7/2005).

Vùng t-ới mới giai đoạn 1 (Diện tích t-ới 10.500 ha)



Sơ đồ 2.8.1. Kế hoạch trồng trọt ban đầu bao gồm cả cây bông vải (2005)

Nhà nước đã có những chính sách hỗ trợ sản xuất bông vải, tuy nhiên do ảnh hưởng từ các điều kiện tự nhiên – xã hội như người dân còn hạn chế về kỹ thuật canh tác, giá bông vải thấp, không đạt hiệu quả kinh tế... dẫn đến diện tích sản xuất bông vải năm 2009 đạt 2.642ha thì đến năm 2014 giảm xuống chỉ còn 365ha. Do đó, quy hoạch phát triển sản xuất bông vải đã không được triển khai, và đòi hỏi chuyển đổi sang những loại cây trồng mới có tiềm năng hơn.

Trong bối cảnh đó, UBND tỉnh Bình Thuận đã đề xuất với JICA triển khai Dự án hợp tác kỹ thuật, giai đoạn 2 để xây dựng Kế hoạch trồng trọt mới cho vùng tưới PR-PT. Căn cứ chính sách chuyển đổi cơ cấu, đa dạng hóa cây trồng của Nhà nước, kế hoạch sử dụng đất tại vùng tưới PR-PT được chia làm 3 vùng quy hoạch gồm : (i) vùng quy hoạch trồng lúa nước; (ii) vùng quy hoạch xen lẫn lúa nước và cây trồng cạn và (iii) vùng quy hoạch cây trồng cạn.

Trước tình hình trên, Văn phòng JICA Việt Nam tại Hà Nội hợp đồng với đơn vị tư vấn là Học

Viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA) để xây dựng “Kế hoạch sử dụng đất cho cây trồng cạn tại vùng tưới Phan Rí – Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận”. Theo đó, VUNA đã b ên soạn kế hoạch sử dụng đất tổng thể cho cây trồng cạn trong vùng tưới PR-PT dựa trên các khảo sát về điều kiện tự nhiên như đất, độ dốc đất, khí hậu và khảo sát điều kiện kinh tế-xã hội như các loại cây trồng hiện tại và thị trường địa phương. VNUA đã tiến hành nhiều cuộc thảo luận với BQL và nộp báo cáo cuối cùng sau khi được BQL chấp nhận. Kết quả của kế hoạch sử dụng đất và đề xuất các loại cây trồng cạn tiềm năng đã được trình bày cho lãnh đạo huyện Bắc Bình và tất cả các xã trong vùng tưới PR-PT trong hội thảo tại UBND huyện Bắc Bình. Cuối cùng, trong cuộc họp JCC lần thứ 2 vào ngày 3 tháng 11 năm 2016, kế hoạch sử dụng đất cho cây trồng cạn đã được phê duyệt như là một kế hoạch tổng thể cho vùng tưới PRPT.

2) Kế hoạch sử dụng đất cho cây trồng cạn đề xuất bởi VNUA

Cây trồng hàng năm được đề xuất với diện tích trồng theo mùa vụ của các xã liên quan được thể hiện trong Bảng 2.2.1. Cây trồng dài ngày và cây lâu năm được đề xuất theo từng xã được thể hiện trong Bảng 2.2.2 và 2.2.3.

Bảng 2.2.1. Đề xuất cây trồng hàng năm và diện tích trồng theo từng xã

(ĐVT: ha)

| Cây trồng | Vụ Đông - Xuân | | | | | | | |
|-------------|----------------|--------------|------------|--------------|--------------|----------------|-------------|----------------|
| | Bình An | Hải Ninh | Lương Sơn | Phan Lâm | Phan Thanh | Sông Bình | Sông Lũy | Tổng |
| Cây bạc hà | 240,1 | 106,0 | 0,0 | 33,3 | 149,7 | 558,4 | 0,0 | 1.087,4 |
| Rau đậu | 42,9 | 38,4 | 0,0 | 27,8 | 0,0 | 115,0 | 0,0 | 224,0 |
| Bắp | 191,6 | 0,0 | 0,0 | 97,4 | 157,3 | 751,9 | 59,0 | 1.257,1 |
| Dưa | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 58,3 | 119,4 | 39,8 | 217,5 |
| Rau | 174,2 | 24,1 | 0,0 | 216,8 | 16,6 | 236,3 | 0,0 | 667,9 |
| Tổng | 648,7 | 168,4 | 0,0 | 375,2 | 381,9 | 1.780,9 | 98,8 | 3.454,0 |
| | Vụ Hè - Thu | | | | | | | |
| Rau đậu | 544,5 | 130,1 | 0,0 | 347,4 | 381,9 | 1.612,4 | 98,8 | 3.115,0 |
| Bắp | 14,3 | 38,4 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 14,3 | 0,0 | 67,0 |
| Dưa | 28,6 | 0,0 | 0,0 | 27,8 | 0,0 | 100,7 | 0,0 | 157,0 |
| Rau | 28,6 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 31,8 | 0,0 | 60,4 |
| Tổng | 615,9 | 168,4 | 0,0 | 375,2 | 381,9 | 1.759,2 | 98,8 | 3.399,4 |
| | Vụ Thu | | | | | | | |
| Cây bạc hà | 207,3 | 106,0 | 0,0 | 33,3 | 149,7 | 536,6 | 0,0 | 1.032,8 |
| Bắp | 71,0 | 0,0 | 0,0 | 61,2 | 145,2 | 328,2 | 59,0 | 664,6 |
| Dưa | 120,5 | 0,0 | 0,0 | 252,9 | 70,4 | 545,6 | 39,8 | 1.029,3 |
| Rau | 96,5 | 62,4 | 0,0 | 27,8 | 16,6 | 207,5 | 0,0 | 410,9 |
| Khoai lang | 120,6 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 141,3 | 0,0 | 261,8 |
| Tổng | 615,9 | 168,4 | 0,0 | 375,2 | 381,9 | 1.759,2 | 98,8 | 3.99,4 |

Chú giải: Rau bao gồm rau ăn lá, dưa leo, cà chua, bầu, bí và ớt v.v..., Rau đậu bao gồm đậu nành, đậu xanh, đậu phộng và mè. Dưa bao gồm dưa hấu và dưa lấy hạt

Bảng 2.2.2. Đề xuất cây trồng dài ngày và diện tích trồng theo từng xã

(ĐVT: ha)

| Cây trồng | Bình An | Hải Ninh | Lương Sơn | Phan Lâm | Phan Thanh | Sông Bình | Sông Lũy | Tổng |
|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|-------------|----------------|
| Mì | 32,5 | 53,8 | 24,2 | 51,2 | 137 | 416,8 | 0 | 715,5 |
| Thuốc lá | 0 | 0 | 0 | 126,2 | 49,3 | 38,7 | 0 | 214,2 |
| Mía | 49,3 | | | | | 326,2 | 64,4 | 439,9 |
| Tổng | 81,8 | 53,8 | 24,2 | 177,4 | 186,3 | 781,7 | 64,4 | 1.369,6 |

Bảng 2.2.3. Đề xuất cây trồng lâu năm và diện tích trồng theo từng xã

(ĐVT: ha)

| Cây trồng | Bình An | Hải Ninh | Lương Sơn | Phan Lâm | Phan Thanh | Sông Bình | Sông Lũy | Tổng |
|-------------|--------------|-------------|--------------|--------------|--------------|----------------|-------------|----------------|
| Nha đam | 0 | 0 | 0 | 0 | 69,6 | 88 | 0 | 157,6 |
| Mãng tây | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 67 | 0 | 67 |
| Chuối | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 50,1 | 0 | 50,1 |
| Điều | 0 | 0 | 0 | 120,6 | 0 | 155,5 | 0 | 276,1 |
| Cam quýt | 86,1 | 52,5 | 84,6 | 0 | 12,3 | 296,7 | 0 | 532,2 |
| Mãng cầu | 0 | 0 | 0 | 28,2 | 0 | 24,6 | 15,2 | 68,0 |
| Thanh Long | 186,7 | 0 | 29,4 | 17 | 0 | 383,2 | 0 | 616,3 |
| Ổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 27,6 | 0 | 27,6 |
| Mít | 0 | 0 | 0 | 12 | 0 | 54,1 | 0 | 66,1 |
| Xoài | 0 | 0 | 0 | 62 | 0 | 27,1 | 27,7 | 116,8 |
| Chùm ngây | 10 | 0 | 0 | 0 | 212,4 | 38 | 0 | 260,4 |
| Đu đủ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 58,7 | 0 | 58,7 |
| Cỏ | 46,8 | 0 | 0 | 0 | 0 | 308,8 | 0 | 355,6 |
| Tổng | 329,6 | 52,5 | 114,0 | 239,8 | 294,3 | 1.579,5 | 42,9 | 2.652,6 |

Chú giải: Họ Cam quýt bao gồm cam, bưởi, quýt, chanh

3) Kế hoạch trồng trọt trong vùng tưới PR-PT

Dựa trên kế hoạch sử dụng đất do VNUA thực hiện, các cuộc thảo luận với các bên liên quan đã được tổ chức để hướng dẫn chuẩn bị kế hoạch canh tác mới cho diện tích 10.500ha của vùng tưới PR-PT với những điểm chính sau.

- Kế hoạch trồng trọt cơ bản cho cây trồng cạn được lập cho ba loại cây trồng; (i) cây ngắn ngày

(cây hàng năm), (ii) cây dài ngày và (iii) cây lâu năm trên diện tích bông vải 5.030ha thể hiện trong Sơ đồ 2.2.1.

- Diện tích bông vải 2.220 ha vụ Đông – Xuân thể hiện trong Sơ đồ 2.2.1 có thể chuyển thành diện tích trồng lúa.

Kế hoạch canh tác được lập thông qua các cuộc trao đổi thể hiện trong bảng 2.2.4.

Bảng 2.2.4. Kế hoạch canh tác trong vùng tưới PRPT

| Đất trồng và loại cây trồng | | | Diện tích trồng (ha) | | | | |
|-----------------------------|---------------|------------------|----------------------|---------------------|---------------------|-----|-----|
| | | | Đông - Xuân | Hè-Thu | Vụ mùa | | |
| Đất lúa | Lúa | Lúa | 3.550 | 3.550 | | | |
| | | Tổng | <u>3.550</u> | <u>3.550</u> | | | |
| Đất cây trồng cạn | Cây ngắn ngày | Bắp | 1.250 | 60 | 620 | | |
| | | Rau | 600 | 50 | 400 | | |
| | | Đậu | 200 | 2.000 | | | |
| | | Dưa | 200 | 140 | 1.010 | | |
| | | Khoai lang | | | 220 | | |
| | | Tổng | <u>2.250</u> | <u>2.250</u> | <u>2.250</u> | | |
| | Cây dài ngày | Bạc hà (vụ Xuân) | 500 | 500 | 500 | | |
| | | Bạc hà (vụ Thu) | 500 | 500 | 500 | | |
| | | Mì | 700 | 700 | 700 | | |
| | | Thuốc lá | 200 | 200 | 200 | | |
| | | Mía | 400 | 400 | 400 | | |
| | | Cỏ voi | 300 | 300 | 300 | | |
| | | Nha đam | 120 | 120 | 120 | | |
| | | Mãng tây | 50 | 50 | 50 | | |
| | | Chùm ngây | 220 | 220 | 220 | | |
| | | Chuối | 50 | 50 | 50 | | |
| | | Đu đủ | 50 | 50 | 50 | | |
| | | Tổng | <u>3.090</u> | <u>3.090</u> | <u>3.090</u> | | |
| | | Đất cây lâu năm | Cây lâu năm | Thanh long | 600 | 600 | 600 |
| | | | | Điều | 250 | 250 | 250 |

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

| | | | | | |
|--|------------------|-------------|---------------|---------------|--------------|
| | | Cam quýt | 520 | 520 | 520 |
| | | Mãng cầu | 60 | 60 | 60 |
| | | Ổi | 20 | 20 | 20 |
| | | Xoài | 100 | 100 | 100 |
| | | Mít | 60 | 60 | 60 |
| | | Tổng | 1.610 | 1.610 | 1.610 |
| | Tổng cộng | | 10.500 | 10.500 | 6.950 |

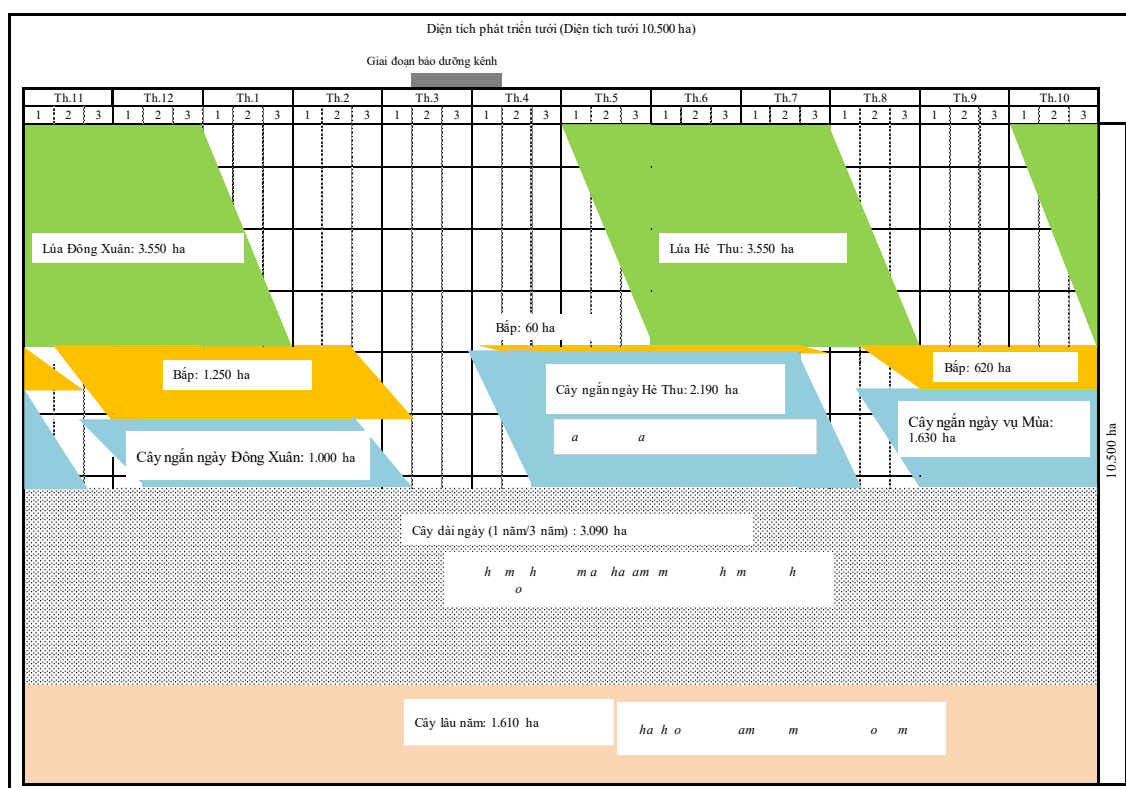
Chú giải: Rau bao gồm Dưa leo, Cà chua, cải xanh, Ổt, Bí đao, Bí ngô.

Đậu bao gồm: Đậu nành, Đậu phộng, Đậu xanh, Mè. Dưa bao gồm Dưa hấu.

(2) Xây dựng kế hoạch tưới tiêu tổng thể cho vùng tưới PR-PT

1) Cơ cấu cây trồng

Đối với việc lập kế hoạch cơ cấu cây trồng, ta đã xác định được; (i) lúa được trồng 3.550 ha trong cả hai mùa Đông Xuân và Hè Thu, (ii) các loại cây trồng cạn ngắn hạn (cây hàng năm) 2.250 ha trong mỗi vụ Đông Xuân, Xuân Hạ và vụ Thu, (iii) các loại cây trồng dài hạn 3.090 ha và cây trồng lâu năm 1.610 ha là cây trồng quanh năm. Dựa trên quy hoạch này, cơ cấu cây trồng cho vùng tưới PR-PT được thiết kế như minh họa trong Sơ đồ 2.2.2.



Sơ đồ 2.2.2. Cơ cấu cây trồng trong vùng tưới PR-PT

Một vấn đề quan trọng cần được xem xét khi lập cơ cấu cây trồng cho vùng tưới PR-PT đó là lập

kế hoạch ngừng cung cấp nước tưới cho khu vực trong một số ngày từ tháng 3 đến đầu tháng 4 để bảo dưỡng, sửa chữa các công trình thủy lợi như kênh và cống lấy nước. Hoạt động này được gọi là “Thời gian bảo trì bảo dưỡng kênh” thể hiện trong Sơ đồ 2.2.2.

2) Nhu cầu nước tưới

Nhu cầu nước tưới cho mỗi loại cây trồng; lúa, cây trồng ngắn hạn, cây trồng dài hạn và cây lâu năm được ước tính để nghiên cứu cân bằng nước như trong Bảng 2.2.5. Đối với lúa, nhu cầu nước tưới nó được ước tính trên cơ sở 10 ngày trong giai đoạn thiết kế chi tiết.

Bảng 2.2.5. Nhu cầu đơn vị nước ước tính

| Nhu cầu nước ước tính | | | | | | | | | | ĐVT: lít/s/ha | |
|-----------------------|---|--------|--------|----------------------------|--------|--------|----------------------------|--------|----------------------------|-----------------|----------------|
| Tháng/ Mỗi 10 ngày | | Vụ Đ-X | Vụ Đ-X | Vụ Đ-X cây ngắn ngày | Vụ H-T | Vụ H-T | Vụ H-T cây ngắn ngày | Vụ mùa | Vụ mùa cây ngắn ngày | Cây dài ngày | Cây lâu năm |
| | | Lúa* | Bắp | | Lúa* | Bắp | | Bắp | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| T.11 | 1 | 0,96 | - | - | - | - | - | 0,44 | 0,35 | 0,47 | 0,24 |
| | 2 | 0,96 | 0,11 | - | - | - | - | 0,12 | 0,35 | 0,55 | 0,34 |
| | 3 | 0,98 | 0,16 | - | - | - | - | 0,08 | 0,02 | 0,47 | 0,33 |
| T.12 | 1 | 1,01 | 0,22 | - | - | - | - | 0,01 | - | 0,41 | 0,32 |
| | 2 | 1,03 | 0,45 | - | - | - | - | - | - | 0,37 | 0,32 |
| | 3 | 1,06 | 0,56 | 0,05 | - | - | - | - | - | 0,33 | 0,31 |
| T.1 | 1 | 1,08 | 0,76 | 0,18 | - | - | - | - | - | 0,31 | 0,30 |
| | 2 | 1,06 | 0,62 | 0,29 | - | - | - | - | - | 0,28 | 0,31 |
| | 3 | 0,55 | 0,71 | 0,31 | - | - | - | - | - | 0,27 | 0,32 |
| T.2 | 1 | - | 0,08 | 0,44 | - | - | - | - | - | 0,28 | 0,33 |
| | 2 | - | 0,83 | 0,59 | - | - | - | - | - | 0,29 | 0,34 |
| | 3 | - | 0,70 | 0,58 | - | - | - | - | - | 0,24 | 0,35 |
| T.3 | 1 | - | 0,37 | 0,64 | - | - | - | - | - | 0,20 | 0,36 |
| | 2 | - | 0,07 | 0,57 | - | - | - | - | - | 0,18 | 0,37 |
| | 3 | - | - | 0,62 | - | - | - | - | - | 0,17 | 0,37 |
| T.4 | 1 | - | - | 0,49 | - | - | - | - | - | 0,17 | 0,39 |
| | 2 | - | - | 0,29 | - | - | 0,04 | - | - | 0,15 | 0,40 |
| | 3 | - | - | 0,08 | - | - | 0,17 | - | - | 0,18 | 0,39 |
| T.5 | 1 | - | - | - | 0,35 | - | 0,08 | - | - | 0,09 | 0,19 |
| | 2 | - | - | - | 1,18 | - | 0,08 | - | - | 0,10 | 0,09 |

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

| | | | | | | | | | | | |
|------|---|------|---|---|------|------|------|------|------|------|------|
| | 3 | - | - | - | 1,32 | 0,02 | 0,23 | - | - | 0,11 | 0,10 |
| T.6 | 1 | - | - | - | 0,82 | 0,21 | 0,32 | - | - | 0,10 | 0,08 |
| | 2 | - | - | - | 0,80 | 0,33 | 0,30 | - | - | 0,13 | 0,07 |
| | 3 | - | - | - | 0,79 | 0,32 | 0,26 | - | - | 0,15 | 0,07 |
| T.7 | 1 | - | - | - | 0,65 | 0,31 | 0,15 | - | - | 0,18 | 0,07 |
| | 2 | - | - | - | 0,65 | 0,23 | 0,07 | - | - | 0,21 | 0,06 |
| | 3 | - | - | - | 0,67 | 0,08 | - | - | - | 0,21 | 0,08 |
| T.8 | 1 | - | - | - | 0,71 | - | - | - | 0,03 | 0,23 | 0,07 |
| | 2 | - | - | - | 0,69 | - | - | - | 0,00 | 0,23 | 0,08 |
| | 3 | - | - | - | 0,25 | - | - | - | 0,00 | 0,22 | 0,08 |
| T.9 | 1 | - | - | - | - | - | - | - | 0,00 | 0,18 | 0,05 |
| | 2 | - | - | - | - | - | - | - | 0,01 | 0,19 | 0,04 |
| | 3 | - | - | - | - | - | - | 0,02 | 0,05 | 0,20 | 0,05 |
| T.10 | 1 | 0,32 | - | - | - | - | - | 0,06 | 0,13 | 0,23 | 0,05 |
| | 2 | 1,11 | - | - | - | - | - | 0,06 | 0,14 | 0,26 | 0,04 |
| | 3 | 1,14 | - | - | - | - | - | 0,10 | 0,27 | 0,34 | 0,12 |

Ghi chú: * Báo cáo thiết kế, NIPPON KOEI; Nhu cầu nước tưới cao nhất vào mùa khô và mùa mưa.

Nhu cầu đơn vị nước tưới đỉnh điểm xảy ra ở cả lúa vụ Đông Xuân và lúa vụ Hè Thu khi việc chuẩn bị đất và gieo cấy được lên lịch. So cả hai vụ thì nhu cầu 1,32lít/s/ha trong vụ Hè Thu xảy ra vào 10 ngày cuối tháng 5 và cao hơn một chút so với vụ lúa Đông Xuân diễn ra vào 10 ngày đầu của tháng 1, như trong Bảng 2.2.5. Tổng nhu cầu nước tưới ròng tối đa cho vùng tưới PR-PT là 6,67m³/s, diễn ra vào khoảng thời gian 10 ngày đầu tháng 1 như trong Biểu đồ 2.2.3.



Biểu đồ 2.2.3. Nhu cầu nước tưới ròng của vùng tưới PRPT

3) Kiểm tra cân bằng nước

① Phân tích cân bằng nước của kế hoạch ban đầu (trồng bông vải) và năng lực tưới của kênh

Lưu lượng xả tối đa và nhu cầu nước của kế hoạch ban đầu là 20,7m³/s vào 10 ngày giữa tháng 1, thể hiện trong Sơ đồ 2.2.1. Mặt khác, lưu lượng xả sẵn có là khoảng 21,0 m³/giờ (độ tin cậy 75%) trong tháng 1 (Xem Tài liệu đính kèm 7.4), cao hơn một chút so với nhu cầu nước và lưu lượng xả được thiết kế. Dựa trên nhu cầu nước cao nhất của nghiên cứu cân bằng nước trong kế hoạch ban đầu, hệ thống kênh như kênh chính Đông, kênh cấp 1 (D2 - D14), và các kênh cấp 2 đã được thiết kế và xây dựng .

② Nghiên cứu cân bằng nước của kế hoạch canh tác điều chỉnh

Năng lực kênh hiện tại được thiết kế và xây dựng là 21,0 m³/s theo nhu cầu nước tối đa dựa trên nghiên cứu cân bằng nước của kế hoạch canh tác ban đầu. Theo đó, với kế hoạch tưới tiêu điều chỉnh, nhu cầu nước tối đa của kế hoạch trồng trọt sửa đổi không vượt quá nhu cầu nước trong kế hoạch ban đầu. Nghiên cứu cân bằng nước của kế hoạch điều chỉnh cho thấy nhu cầu nước tối đa ở cấp nội đồng được ước tính là 6,67m³/s, thấp hơn so với nhu cầu nước của Kế hoạch ban đầu (6,75 m³/s) như trong Bảng 2.2.6. Điều này cho thấy kế hoạch canh tác điều chỉnh phù hợp với năng lực hệ thống kênh hiện hữu.

Bảng 2.2.6. So sánh nhu cầu nước tưới tối đa giữa các kế hoạch canh tác ban đầu và sau khi điều chỉnh

| Thời điểm | Kế hoạch ban đầu* | | | | Kế hoạch điều chỉnh | | | |
|---------------|----------------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------------|
| | 10 ngày giữa tháng 1 | | | | 10 ngày đầu tháng 1 | | | |
| Đất/Cây trồng | Cây trồng | Nhu cầu đơn vị nước tưới (lit/s/ha) | Diện tích trồng (ha) | Nhu cầu nước tưới (lit/s) | Cây trồng | Nhu cầu đơn vị nước tưới (lit/s/ha) | Diện tích trồng (ha) | Nhu cầu nước tưới (lit/s) |
| Đất lúa | Lúa vụ Đ-X | 1,06 | 1.330 | 1.410 | Lúa vụ Đ-X | 1,08 | 3.550 | 3.834 |
| | Bông vải | 0,61 | 2.220 | 1.354 | | | | |
| Đất cây màu | Cây trồng cạn vụ Đ-X | 0,58 | 770 | 447 | Bắp | 0,76 | 1.250 | 950 |
| | Bông vải | 0,61 | 5.030 | 3.068 | Cây ngắn ngày | 0,44 | 1.000 | 440 |
| | | | | | Cây dài ngày | 0,31 | 3.090 | 958 |
| Đất cây | Cây lâu | 0,41 | 1.150 | 472 | Cây lâu | 0,30 | 1.610 | 483 |

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

| | | | | | | | |
|-----------|-----|--|--------|-------|--|--------|-------|
| lâu năm | năm | | | năm | | | |
| Tổng cộng | | | 10.500 | 6.750 | | 10.500 | 6.665 |

Ghi chú: *Báo cáo thiết kế, NIPPON KOEI.

Quá trình tính toán trên đã được thảo luận với các đơn vị có liên quan. Kế hoạch sửa đổi được đánh giá là phù hợp và thực tế.

4) Tưới tiêu trong tương lai bằng cách sử dụng Hồ Sông Lũy và đề xuất xây dựng ao chứa nhỏ

Hồ Sông Lũy⁴ đang được xây dựng ở thượng nguồn Công trình đầu mối Sông Lũy. Công trình sẽ được đưa vào sử dụng vào năm 2021 có thể giúp ổn định cấp nước cho vùng tưới PR-PT. Bên cạnh đó, mạng lưới kênh đã được xây dựng. Mặc dù năng lực cung cấp nước tối đa không thể tăng thêm, lưu lượng qua công lấy nước sẽ ổn định. Để thúc đẩy tưới tiêu tốt hơn, việc xây dựng các ao nhỏ trữ nước sẽ rất có ích trong việc giữ nước lấy từ Công trình đầu mối. Người dân có thể giữ nước để chủ động tưới nước cho ruộng của mình mà không bị phụ thuộc vào lịch lấy nước từ kênh.

2.3. Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 3

2.3.1. Thành lập Tổ công tác về thủy lợi

(1) Thành lập Ban chỉ đạo Phát triển nông nghiệp dự án tưới PR-PT

1) Mục đích thành lập

Ban chỉ đạo Phát triển nông nghiệp dự án tưới PR-PT (Sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo) được thành lập nhằm mục đích giải quyết các vấn đề chung trong lĩnh vực nông nghiệp bao gồm phương diện canh tác cây trồng và thủy lợi hướng tới phát triển nền nông nghiệp toàn diện tại vùng tưới PR-PT, với sự tham gia của cán bộ chuyên trách thuộc từng đơn vị liên quan trong vùng tưới PR-PT, chia sẻ các vấn đề đang gặp phải của từng đơn vị thông qua cơ chế trao đổi các ý kiến, hiểu sâu hơn, xây dựng mối liên hệ chặt chẽ giữa các đơn vị liên quan.

2) Các bước chuẩn bị thành lập

Như đã nêu tại mục 2.7.1(1), Ban chỉ đạo được thành lập nhằm giải quyết các vấn đề nông nghiệp chung trong lĩnh vực nông nghiệp tại vùng tưới PR-PT. Tuy nhiên mục tiêu ban đầu của dự án chỉ là thành lập một Ban chỉ đạo nhằm nâng cao năng lực quản lý nước tưới (thủy lợi) trong vùng tưới PR-PT. Do đó, trước khi thành lập Ban chỉ đạo, Dự án đã tổ chức họp bàn với các đơn vị quản lý thủy lợi như IMC Bình Thuận, Chi nhánh công ty tại Bắc Bình và các Trạm thủy nông trực thuộc Công ty cũng như các Trạm thủy nông trực thuộc Chi nhánh công ty để trao đổi ý kiến liên quan đến vấn đề nâng cao năng lực quản lý nước tưới, đề nghị các đơn vị phối hợp triển khai hoạt động liên quan trong dự án HTKT, giai đoạn 2.

⁴ ; Dung tích: 100 triệu M³; Chiều dài đập 1km (300m bê tông, 700m đập đất), Chiều cao đập: 36,6m; 3 cửa lấy nước (8m × 9m), 6 cửa xả lũ (B=60m, Q=1.331m³/s), Chi phí xây dựng; ¥7,500 triệu, Cơ quan thực hiện: Bộ NN, SPO7, Đơn vị quản lý vận hành: IMC)

Đến tháng 9/2017, các bên liên quan đã đi đến thống nhất thành lập Ban chỉ đạo chuyên trách ở cấp độ cơ sở (trực tiếp triển khai công việc cụ thể). Tuy nhiên, theo đề xuất của các cấp chính quyền và các Ban ngành chuyên môn phía đối tác Việt Nam, Ban chỉ đạo này không chỉ có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề liên quan đến mảng thủy lợi mà bao quát cả các vấn đề chung trong lĩnh vực nông nghiệp. Theo đó, ngày 12/1/2018, “Ban chỉ đạo Phát triển nông nghiệp vùng dự án PR-PT” đã được thành lập.

3) Cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ 1

Ngày 12/3/2018, cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ 1 được tổ chức với sự chủ trì của ông Phạm Văn Nam – PCT. UBND tỉnh Bình Thuận. Cuộc họp thông qua mục đích thành lập và nội dung hoạt động của Ban chỉ đạo; đồng thời thành lập Tổ công tác phụ trách các vấn đề về sản xuất cây trồng (Tổ công tác về nông nghiệp) và Tổ công tác phụ trách các vấn đề về nâng cao năng lực quản lý nước tưới (Tổ công tác về thủy lợi). Cuộc họp còn trao đổi về các vấn đề cụ thể cũng như phương án giải quyết và kế hoạch triển khai công việc v.v.

(2) Tổ công tác về thủy lợi

1) Họp lần thứ 1

Ngày 11/9/2018, Dự án tổ chức họp Tổ công tác về thủy lợi lần thứ 1. Trong cuộc họp này, mục đích và phương hướng hoạt động của Tổ công tác được thảo luận, đồng thời chia sẻ những vấn đề khó khăn của các cơ quan quản lý thủy lợi. Nội dung trao đổi trong cuộc họp được tóm tắt trong bảng 2.3.1 dưới đây.

Bảng 2.3.1. Họp Tổ công tác về Thủy lợi lần thứ 1

| Cơ quan/ Tổ chức | Vấn đề khó khăn |
|------------------|---|
| Chi cục PTNT | <ul style="list-style-type: none"> - V/v xây dựng kênh cấp 3, hiện đang đấu thầu gói thầu số 2, thuộc giai đoạn 1, dự kiến triển khai thi công từ giữa tháng 10. Dự toán công trình: 70 tỷ đồng. Kinh phí cho giai đoạn 2 khoảng 71 tỷ đồng đang chờ UBND tỉnh phê duyệt; - Gặp khó khăn trong công tác vận động hiến đất. Có lần mời 74 hộ dân họp nhưng chỉ có 7 hộ dự họp v.v. |
| IMC Bình Thuận | <ul style="list-style-type: none"> - Có những khu tưới chưa kết nối với kênh tiêu (thoát nước); - Tổ HTDN trong vùng tưới chưa hoạt động hiệu quả; - Việc thu phí nội đồng không thuận lợi; - Có hộ dân không muốn tham gia Tổ HTDN; - Chưa có người vận hành các cửa lấy nước; - Việc quản lý hệ thống kênh thông qua xã, trách nhiệm quản lý chưa rõ ràng; - Trong năm nay, do thiếu nước, lưu lượng xả từ thủy điện Đại |

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

| | |
|--|---|
| | Ninh chỉ đạt 5m ³ /s. |
| Thị trấn Lương Sơn | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ HTDN hoạt động kém hiệu quả vì kế hoạch tưới (phân bổ nước) không rõ ràng; - Cần hỗ trợ để phát huy hiệu quả các tuyến kênh đất. |
| Xã Bình An | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ HTDN hoạt động kém hiệu quả |
| Xã ái Ninh | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ HTDN hoạt động kém hiệu quả; - Phân bổ nước tưới chưa hợp lý; - Không thu được phí nội đồng. |
| Ông Phước – PGĐ. Sở NN&PTNT (Chủ trì cuộc họp) | <ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề hiện nay gồm: chậm trễ trong việc xây dựng kênh cấp 3, Tổ HTDN hoạt động kém hiệu quả, khu tưới chưa kết nối với hệ thống kênh tiêu, vấn đề thiếu nước; - Các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện chỉ đạo của PCT. UBND tỉnh để cải thiện các vấn đề trên; - Triển khai thực hiện các giải pháp theo đề xuất của JICA; - UBND huyện phối hợp UBND các xã, IMC Bình Thuận và IME Bắc Bình nỗ lực hỗ trợ việc thành lập các Tổ HTDN; - Chi cục PTNT phối hợp với UBND các xã xúc tiến vận động hiến đất làm kênh; - Chi cục PTNT gấp rút đề xuất bố trí kinh phí xây dựng kênh cấp 3; - Chi cục PTNT phối hợp IMC Bình Thuận tổ chức khảo sát thực địa để điều chỉnh lộ tuyến kênh cấp 3; - IMC Bình Thuận và Chi cục Thủy lợi phối hợp làm rõ vấn đề quản lý kênh và quyết định đơn vị chịu trách nhiệm quản lý chính thức; - IMC Bình Thuận và chi nhánh Bắc Bình cùng UBND huyện nỗ lực hỗ trợ các chính sách tiết kiệm nước tưới; - IMC và UBND huyện tổ chức khảo sát các khu tưới chưa kết nối kênh tiêu để đề xuất bố trí kinh phí; - BQL Dự án và JICA phối hợp biên soạn tài liệu tập huấn. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

2) Tập huấn cho cán bộ thuộc IMC Bình Thuận và chi nhánh Bắc Bình

① Tổ chức tập huấn quản lý nước

Căn cứ kết quả cuộc họp Tổ công tác về thủy lợi, Dự án tổ chức tập huấn về quản lý nước trong

vùng tưới PR-PT cho các cán bộ thuộc IMC Bình Thuận và chi nhánh Bắc Bình. Theo kết quả khảo sát, các cán bộ lãnh đạo của công ty có tham gia các lớp tập do tỉnh tổ chức có mời giảng viên từ Bộ NN&PTNT..., tuy nhiên tập huấn về thao tác vận hành cửa lấy nước v.v. dành cho các cán bộ cấp cơ sở, quản lý trực tiếp hệ thống chỉ được tổ chức trong nội bộ công ty. Tập huấn nội bộ công ty chỉ đơn thuần là cán bộ lâu năm có kinh nghiệm hướng dẫn lại thao tác vận hành và bảo dưỡng, chưa đề cập đến các kiến thức cơ bản về cơ cấu tổng thể và cách thức vận hành, bảo dưỡng hệ thống tưới PR-PT. Vì vậy, cần thiết phải nâng cao năng lực quản lý nước cho các cán bộ trực tiếp vận hành hệ thống ở cấp cơ sở, trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống kênh, cách thức điều tiết nước, cách bảo dưỡng hệ thống... để họ nắm bắt được nguyên lý hoạt động của hệ thống cũng như hiểu được ý nghĩa của những thao tác họ vận hành hàng ngày. Do đó, dự án tổ chức các lớp tập huấn cơ bản dành cho các đối tượng là cán bộ trực tiếp vận hành, bảo dưỡng hệ thống thủy lợi tại cấp cơ sở nói trên.

② Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn

Tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng công trình hiện nay không đề cập đến phương pháp kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình cụ thể cũng như không đề cập đến phương pháp tu sửa công trình cụ thể, mà chỉ liệt kê những hạng mục công việc cần thực hiện một cách khái quát, không có tính thiết thực. Do vậy, dự án đã biên soạn lại tài liệu hướng dẫn này theo hướng bổ sung các phương pháp kiểm tra đánh giá hiện trạng công trình và phương pháp tu sửa công trình cụ thể, cũng như thêm vào hình ảnh, bảng biểu nhằm giúp cán bộ sử dụng tài liệu dễ hiểu và dễ áp dụng hơn.

③ Biên soạn tài liệu, giáo trình tập huấn

Cán bộ IMC Bình Thuận và chi nhánh Bắc Bình phụ trách biên soạn bản thảo, sau đó dự án JICA dựa trên tài liệu hướng dẫn sẵn có, tổng hợp lại để hoàn thiện tài liệu, giáo trình dùng cho tập huấn.

④ Tổ chức tập huấn lần thứ 1

Ngày 18/1/2019, dự án tổ chức tập huấn quản lý nước lần thứ 1 dựa trên tài liệu tập huấn đã biên soạn. Trong lần tập huấn này, dự án có mời ông Shinmori Yasuyuki từ Hiệp hội cải tạo đất Ishigaki, Nhật Bản đến làm giảng viên, cũng như tư vấn, chia sẻ các kinh nghiệm về quản lý nước. Chương trình tập huấn bao gồm bài giảng trong buổi sáng bao gồm các nội dung: khái quát hệ thống tưới PR-PT, ôn lại các nội dung trong tài liệu hướng dẫn và thảo luận về các phương pháp kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, phương pháp tu sửa công trình cụ thể. Buổi chiều là nội dung thực hành, ông Shinmori trực tiếp hướng dẫn thực hành đo lưu lượng nước và tu sửa các hư hỏng nhỏ trên kênh bê tông. Kết quả khảo sát lấy ý kiến sau buổi tập huấn cho thấy hơn 90% học viên tham gia đã nâng cao năng lực kỹ thuật thông qua lớp tập huấn.

3) Tăng cường hoạt động của Tổ HTDN

① Khảo sát các Tổ HTDN hoạt động có hiệu quả

Trong chương trình khảo sát Tổ HTDN hoạt động có hiệu quả trong tỉnh, dự án đã đến thăm và làm việc với Trạm thủy nông Tam Giác và Tổ HTDN Hàm Liêm. Tổ HTDN Hàm Liêm có khoảng 500 hộ nông dân là thành viên với cây trồng chính là lúa và thanh long. Hoạt động của Tổ được duy

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

trì nhờ vào nguồn thu phí nội đồng từ các thành viên để phục vụ các công tác chính như vận hành cửa lấy nước, lập kế hoạch tưới luân phiên, cắt cỏ, nạo vét kênh mương (3 lần/ năm), thu phí nội đồng...

Tổ HTDN Hàm Liêm khác với các Tổ HTDN trong vùng tưới PR-PT ở chỗ thành viên trong tổ là các hộ dân sinh sống lâu đời tại địa phương, lãnh đạo Tổ là người có uy tín, quan hệ rộng trong thôn nên phát huy tốt tính cộng đồng trong công tác quản lý tổ, và toàn bộ thành viên tổ đều tự nguyện đóng góp phí nội đồng.

② Việc thu phí nội đồng

Thời điểm hiện tại, trong vùng tưới PR-PT chưa có bất kỳ Tổ HTDN nào tổ chức thu phí nội đồng. Mặt khác, vì các thành viên trong Tổ sinh sống không tập trung nên khó khăn trong việc tổ chức thu phí đồng bộ.

2.4. Hoạt động liên quan đến Kết quả đầu ra 4

2.4.1. Tổ chức đào tạo giảng viên nguồn (TOT)

Dự án tổ chức các buổi họp (hội thảo) cán bộ nông nghiệp, khuyến nông (ALM: Agriculture Leader's Meeting) định kỳ mỗi tháng 1 lần, trong đó có nội dung hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây trồng mới và tập huấn về quản lý tưới tiêu. Bảng 2.4.1 dưới đây là kết quả tổ chức các lớp TOT liên quan đến hoạt động nông nghiệp và thủy lợi dự án đã triển khai.

Bảng 2.4.1. Họp cán bộ nông nghiệp khuyến nông

| Số lần | Ngày tổ chức | Người tham dự | Nội dung |
|-----------|--------------|---------------|---|
| Lần thứ 1 | 13/12/2016 | 13 | Dự án TCPRPTII, dự án bạc hà và kỹ thuật canh tác bạc hà |
| Lần thứ 2 | 13/1/2017 | 8 | Sản xuất giống và kỹ thuật trồng bạc hà; kỹ thuật ủ phân |
| Lần thứ 3 | 21/2/2017 | 14 | Tham quan mô hình trồng măng tây khu vực Đà Lạt, mô hình ủ phân, mô hình nông nghiệp tiên tiến, chợ nông sản... |
| Lần thứ 4 | 17/3/2017 | 12 | Những điều cán bộ nông nghiệp, khuyến nông cần lưu ý trong hoạt động khuyến nông (Có cấp phát tài liệu) |
| Lần thứ 5 | 14/4/2017 | 11 | Các loại phương pháp tưới, đặc điểm và chi phí từng loại |
| Lần thứ 6 | 25/5/2017 | | Giới thiệu về mô hình thử nghiệm |
| Lần thứ 7 | 30/6/2017 | | Kỹ thuật canh tác và hạch toán thu chi sản xuất bạc hà; phòng trừ sâu bệnh... |
| Lần thứ 8 | 27/7/2017 | | Cách triển khai canh tác tại mô hình thử nghiệm |
| Lần thứ 9 | 25/8/2017 | | Kết quả thu hoạch đậu phộng |

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

| | | | |
|------------|------------|----|--|
| Lần thứ 10 | 28/9/2017 | | Kết quả thu hoạch ớt |
| Lần thứ 11 | 10/11/2017 | 14 | Sử dụng nguồn nước tưới |
| Lần thứ 12 | 8/12/2017 | 18 | Đề xuất kế hoạch canh tác cho vụ tiếp theo; khảo sát lấy ý kiến về mùa vụ năm sau |
| Lần thứ 13 | 24/1/2018 | | Báo cáo canh tác/ thu hoạch đậu phộng; canh tác bạc hà; giải thích chương trình hỗ trợ canh tác cây trồng mới |
| Lần thứ 14 | 25/1/2018 | 12 | Thuốc BVTV/ Phân bón |
| Lần thứ 15 | 26/1/2018 | 8 | Thuốc BVTV/ Phân bón |
| Lần thứ 16 | 15/4/2018 | 18 | Hệ thống tưới cho cây trồng cạn và canh tác khoai mì |
| Lần thứ 17 | 22/5/2018 | 21 | Canh tác ớt và bạc hà |
| Lần thứ 18 | 14/6/2018 | 16 | Canh tác ớt; khảo sát lấy ý kiến về cây trồng mới |
| Lần thứ 19 | 13/7/2018 | 12 | Canh tác và kênh tiêu thụ ớt, giới thiệu cây kiệu |
| Lần thứ 20 | 31/8/2018 | 11 | Canh tác măng tây |
| Lần thứ 21 | 4/10/2018 | 11 | Cách bán ớt và kiệu (đơn vị thu mua trình bày); đại diện đơn vị thu mua 1 người, đại diện báo chí địa phương 1 người |
| Lần thứ 22 | 2/11/2018 | 12 | Kỹ thuật canh tác và thu hoạch kiệu; Chọn hộ đăng ký trồng kiệu |
| Lần thứ 23 | 18/1/2019 | 12 | Kỹ thuật tưới trên khoai mì |
| Lần thứ 24 | 22/3/2019 | 13 | Kỹ thuật tưới trên khoai mì; So sánh hiệu quả về năng suất và lợi nhuận giữa canh tác có tưới và không tưới |
| Lần thứ 25 | 19/4/2019 | 15 | Sản xuất giống măng tây và ớt |
| Lần thứ 26 | 4/7/2019 | 20 | Báo cáo kết thúc hợp đồng tư vấn, quản lý mô hình của Đại học Đà Lạt; đề xuất phương hướng nhân rộng trong tương lai |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

Bảng 2.4.2. Tổ chức sự kiện nhân rộng cây trồng mới

| Số lần | Ngày tổ chức | Người tham dự | Nội dung |
|-----------|--------------|---------------|--|
| Lần thứ 1 | 15/11/2018 | 14 | Tập huấn kỹ thuật canh tác cho các hộ dân tham gia mô hình thử nghiệm bạc hà, hướng tới nhân rộng |
| Lần thứ 2 | 10/1/2019 | 53 | GAP cơ bản, VietGAP |
| Lần thứ 3 | 21/3/2019 | 18 | Tham quan mô hình nông hộ trồng bạc hà; giới thiệu bạc hà và các sản phẩm làm từ bạc hà ở khu vực khác (Cấp phát sản phẩm quảng bá bạc hà) |
| Lần thứ 4 | 15/8/2019 | 14 | Tập huấn kỹ thuật canh tác cho các hộ dự kiến trồng ớt và bạc hà |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

Bảng 2.4.3. Tập huấn quản lý tưới tiêu

| Số lần | Ngày tổ chức | Người tham dự | Nội dung |
|-----------|--------------|---------------|--|
| Lần thứ 1 | 16/8/2018 | 15 | Biên soạn bản đồ quản lý tưới tiêu dành cho cán bộ IME Bắc Bình |
| Lần thứ 2 | 15/1/2019 | 15 | Phương pháp duy tu các hư hỏng kết cấu của công trình đầu mối và các tuyến kênh cấp 1 |
| Lần thứ 3 | 16/1/2019 | 15 | Phương pháp duy tu các hư hỏng kết cấu công trình thủy lợi |
| Lần thứ 4 | 18/1/2019 | 15 | Thực hành phương pháp sửa chữa hư hỏng bê tông tại thực địa |
| Lần thứ 5 | 21/1/2019 | 8 | Hoạt động quản lý nước trong tương lai |
| Lần thứ 6 | 4/4/2019 | 15 | Kế hoạch tưới tổng thể vùng tưới PR-PT và thao tác vận hành cống, cửa lấy nước... dành cho cán bộ IME Bắc Bình |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

2.5. Các hoạt động khác

2.5.1. Hoạt động quảng bá

(1) Phát hành Bản tin hàng tháng

Dự án phát hành bản tin liên quan đến hoạt động của theo các buổi họp (hội thảo) nông nghiệp khuyến nông định kỳ hàng tháng, cấp phát cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan, UBND xã. Ngoài ra, các bản tin cũng được dán tại bảng thông báo của hội trường thôn – nơi người dân thường xuyên tập trung để nhận thông báo – nhằm quảng bá hoạt động tổ chức họp (hội thảo) nông nghiệp, khuyến nông.

(2) Biên soạn tài liệu giới thiệu hoạt động dự án, tờ rơi (tờ bướm)

Chúng tôi đã biên soạn tập tài liệu nhằm giới thiệu các hoạt động của dự án. Trong thời gian đầu triển khai dự án, tập tài liệu tổng hợp những điểm khái quát về dự án, sau đó cứ mỗi nửa năm, chúng tôi cập nhật, chỉnh sửa nội dung các hoạt động đã à đang triển khai (Xem Tài liệu đính kèm 9.2).

Bên cạnh những quyển sổ tay hướng dẫn kỹ thuật canh tác, chúng tôi còn biên soạn các loại tờ rơi (cỡ giấy A4) với những thông tin cơ bản, ngắn gọn về phương pháp canh tác cây trồng mới và bạc hà để cấp phát cho đối tác liên quan và nông dân tham dự hội thảo, tập huấn...(Xem Tài liệu đính kèm 9.3).

(3) Đăng tin trên báo địa phương

Dự án mời phóng viên báo Bình Thuận đến dự họp (hội thảo) nông nghiệp khuyến nông định kỳ hàng tháng để lấy tin, viết bài đăng báo giới thiệu về các hộ nông dân tham gia canh tác thử nghiệm cây trồng mới.

(4) Cấp phát các sản phẩm bạc hà

Nhằm giúp người dân hiểu biết hơn về cây bạc hà và khuyến khích họ tích cực tham gia trồng bạc

hà diện tích nhỏ, ngày 21/3/2019, dự án đã tổ chức sự kiện giới thiệu, nhân rộng bạc hà. Trong sự kiện này có sự tham gia của đại diện các bên liên quan ở tỉnh, huyện, cán bộ nông nghiệp xã doanh nghiệp Việt Nam và các hộ dân trong vùng. Chúng tôi cấp phát cho người tham dự các sản phẩm làm từ bạc hà như tinh dầu bạc hà (loại tinh dầu bán tại thị trường Nhật Bản và loại tinh dầu do doanh nghiệp Việt Nam chiết xuất), chai xịt bạc hà, trà bạc hà...nhằm giúp người tham cảm nhận sâu sắc hơn về cây bạc hà. Ngoài ra, sự kiện cũng lồng ghép tham quan thực tế tại mô hình trồng bạc hà thử nghiệm thành công với sự hỗ trợ từ dự án.

CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

3.1. Các đơn vị liên quan trong dự án

Các hoạt động triển khai và kết quả đầu ra của dự án có liên quan đến các đơn vị, tổ chức trên nhiều lĩnh vực khác nhau, trước hết là các cơ quan hành chính nhà nước (chính quyền địa phương) các cấp tỉnh, huyện và xã. Ngoài ra, các doanh nghiệp Nhật Bản, các doanh nghiệp sản xuất, phân phối, chế biến nông sản... tại địa phương cũng đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động nhân rộng của dự án liên quan đến các khâu canh tác sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản.

Bảng 3.1.1 dưới đây thể hiện các vùng dự án xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp và các cơ quan chuyên trách, các doanh nghiệp tư nhân và một số đơn vị khác có liên quan đến hoạt động của dự án. Chuyên gia JICA, thành viên BQL dự án, Trung tâm KT&DVNN huyện (trước đây là Trạm Khuyến nông), doanh nghiệp sản xuất, phân phối, chế biến nông sản và Đại học Đà Lạt phối hợp triển khai các công việc cụ thể tại vùng dự án. Ban lãnh đạo BQL dự án và Văn phòng JICA Việt Nam phụ trách quản lý, điều phối tổng quan các hoạt động của dự án.

Bảng 3.1.1. Các cơ quan chuyên trách và doanh nghiệp tư nhân và các đơn vị liên quan đến hoạt động tại các KTĐ dự án

| Vùng dự án | Cơ quan hành chính | Cơ quan chuyên môn | | | Doanh nghiệp tư nhân | Đơn vị khác |
|-----------------|---|--------------------|--|------------------------------------|---|---|
| | UBND | Bộ NN&PTNT | Sở NN&PTNT | Xã | | |
| KTĐ 1 | -UBND tỉnh; -UBND huyện -UBND xã. | -CPO | -GD/PGD; -Phó trưởng Chi cục Thủy lợi; -TP. Phòng quản lý công trình, Chi cục Thủy lợi; -Phòng Kế hoạch - Tài chính -Trung tâm Khuyến nông; -Chi cục TT - BVTV; -Trung tâm Kỹ thuật và DVNN huyện (trực thuộc UBND huyện). | -CBNN xã Bình An; | -DN chế biến bạc hà tại Nhật Bản; -DN thương mại Nhật Bản; -DN Việt Nam; - DN tư vấn dịch vụ nông nghiệp tại địa phương. - DN thu mua chế biến nông sản | - VP JICA Việt Nam; - Chuyên gia JICA; -Đại học Đà Lạt; -VNUA. |
| KTĐ 2 | | | | -CBNN xã Sông Bình | | |
| Vùng tưới PR-PT | | | | -CBNN 6 xã còn lại trong vùng tưới | | |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

3.2. Các vấn đề, phương pháp giải quyết và bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện dự án

3.2.1. Mô hình nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà (KTĐ 1)

Doanh nghiệp Việt Nam triển khai trồng bạc hà tại KTĐ của dự án từ năm 2017, trong vụ trồng đầu tiên cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi, tuy nhiên sang vụ thứ 2 bệnh hại phát sinh rất nhiều. Nhận xét ban đầu cho rằng do trong điều kiện mùa mưa, môi trường độ ẩm cao nên nấm bệnh dễ xuất hiện; tuy nhiên sang mùa khô tình hình bệnh hại vẫn tiếp diễn nghiêm trọng. Vấn đề khó khăn hiện

**CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

nay là hiện tượng ngó bạc hà không nảy mầm được mà bị thổi đi sau khi trồng dẫn đến kế hoạch trồng 3 vụ/năm không thể thực hiện được. Ngoài ra, trong số diện tích quy hoạch làm đất canh tác bạc hà, đã hoàn thành công tác khai hoang hơn nửa diện tích, tuy nhiên vẫn còn phải tiếp tục công tác san ủi, hoàn thiện mặt bằng. Đối với diện tích chưa canh tác, một phần cần phải tốn công dọn sỏi đá với số lượng lớn. Để cải tạo đất canh tác, cần bổ sung các nguyên liệu hữu cơ nhằm tăng độ phì nhiêu cho đất cũng như đề ra biện pháp phòng bệnh hiệu quả là những việc cấp bách trước mắt. Dự án bắt đầu triển khai nhân rộng mô hình canh tác bạc hà cho người dân trong vùng, tuy nhiên vẫn chưa hình thành được một chuỗi giá trị hoàn chỉnh. Các vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm được nêu cụ thể ở Bảng 3.2.1 dưới đây.

Bảng 3.2.1. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến hoạt động xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp có tưới trên cây bạc hà

| Hoạt động | Trồng thử nghiệm bạc hà có tưới tại mô hình |
|---------------------|---|
| Vấn đề | - Cải tạo điều kiện thổ nhưỡng tại mô hình cũng như toàn bộ KTĐ (Đất không thấm nước tốt sau tưới, khi khô đất bị kết cứng bề mặt). |
| Giải pháp | - Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cách làm than trấu; - Trồng thử nghiệm bạc hà tại mô hình của dự án. Cụ thể bao gồm các thử nghiệm như xử lý ngó bạc hà bằng thuốc diệt nấm; cải tạo môi trường đất bằng cách bổ sung chế phẩm vi sinh, bón thêm than trấu; đặt rơm dưới tầng đất canh tác... |
| Bài học kinh nghiệm | - Tỷ lệ nảy mầm tăng cao nhờ lớp che phủ hữu cơ trên tầng đất mặt; - Tại một số lô đất có độ pH tương đối cao, bệnh hại ít xuất hiện; - Các cây cùng họ với bạc hà trồng bằng hạt như húng quế, tía tô sinh trưởng, phát triển tốt trên lô đất trước đây trồng bạc hà bị bệnh nhiều. Các loại cây trồng có bộ rễ ăn sâu, rộng dưới mặt đất sẽ sinh trưởng phát triển tốt. Thân ngầm (ngó) bạc hà chỉ bò lan dưới mặt đất khoảng 5cm nên dễ bị tác động bởi điều kiện nhiệt độ và độ ẩm. - Trong giai đoạn cây bắt đầu nảy mầm, việc xới xáo đất giữa hàng trồng giúp cây phát triển tốt hơn. |
| Hoạt động | Hoạt động thực tiễn tại KTĐ dựa trên kết quả mô hình |
| Vấn đề | - Nhìn chung còn nhiều lô chưa hoàn thiện công tác san ủi, chuẩn bị mặt bằng sản xuất. Trước khi triển khai trồng bạc hà, cần gấp rút cải thiện điều kiện thoát nước và cải tạo môi trường thổ nhưỡng. |
| Giải pháp | - Cũng có những lô cần phải dọn dẹp sỏi đá với số lượng lớn; tuy nhiên nên ưu tiên san ủi, hoàn thiện mặt bằng đất canh tác đối với các lô có điều kiện triển khai thuận lợi; - Thử nghiệm trồng phân xanh để cải tạo đất tại KTĐ. |
| Bài học kinh | - Khó để trồng bạc hà – có bộ rễ phát triển cạn – trong điều kiện đất cứng; |

CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

| | |
|---------------------|--|
| nhận | <ul style="list-style-type: none"> - Cần tiếp tục công tác dọn đá sỏi để giảm tải cho máy móc nông nghiệp như máy cày... - Trong các loại phân xanh, cây bắp cho sinh khối khô cao nhất nên có tác dụng cải tạo đất hiệu quả, tuy nhiên nếu sau cây vùi không quản lý độ ẩm đất phù hợp thì thân bắp khó phân hủy. |
| Hoạt động | Tư vấn toàn diện về phương thức sản xuất nông nghiệp |
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp Việt Nam chưa lập được kế hoạch hàng năm trong đó thể hiện rõ các công đoạn sản xuất gồm: sản ủ, chuẩn bị đất; trồng bạc hà; chiết xuất tinh dầu; nhân rộng sản xuất; - Một số loại thuốc BVTV Cty Việt Nam đang sử dụng không nằm trong danh mục kiểm tra dư lượng thuốc BVTV của công ty đối tác tại Nhật; - Doanh nghiệp Việt Nam không ghi chép lại khối lượng công việc đã thực hiện để có căn cứ giải trình nguyên nhân chậm trễ tiến độ như do máy móc hư hỏng... - Bệnh thối đen trên bạc hà chưa có biện pháp phòng trừ hiệu quả. |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn file điện tử có thể nhập liệu khối lượng công việc thực hiện hàng ngày trên máy tính; - Biên soạn bảng đối chiếu tính phù hợp của các loại thuốc BVTV đang lưu hành trên địa bàn đối với canh tác bạc hà; - Các bảng tổng hợp nội dung công việc thực hiện; bảng tổng hợp tình hình sử dụng máy móc nông nghiệp; bảng tổng hợp thuốc BVTV đã sử dụng trong tháng được thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng Nhật để các bên dễ dàng theo dõi. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Cần nâng cao nhận thức về việc sử dụng đúng thuốc BVTV; - Sự hợp tác giữa doanh nghiệp Nhật Bản và doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp không chỉ đòi hỏi chia sẻ các mục tiêu xúc tiến dự án, mà còn chia sẻ hiện trạng và hướng dẫn phương pháp lập kế hoạch xúc tiến dự án. |
| Hoạt động | Nhân rộng mô hình phát triển nông nghiệp có trên cây trồng cận cho các hộ dân tham gia trồng bạc hà |
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình nhân rộng, cần hỗ trợ hộ nông dân trồng bạc hà thành công và đào tạo họ trở thành nông dân mẫu điển hình. |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thử nghiệm canh tác bạc hà tại KTĐ 2; - Hỗ trợ các hộ nông dân tham gia chương trình khuyến nông của Trung tâm Khuyến nông tỉnh; - Tiến hành phân tích mẫu đất của các hộ tham gia mô hình và tư vấn về thổ nhưỡng; - Cung cấp giống và phân bón cho một số hộ nông dân muốn trồng thử bạc hà với |

**CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

| | |
|---------------------|--|
| | <p>quy mô nhỏ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát sinh kế nông hộ để đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình canh tác bạc hà và tìm ra giải pháp cắt giảm chi phí sản xuất. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Việc vận chuyển giống bạc hà từ miền Bắc vào không đảm bảo chất lượng giống; - Vào đầu mùa mưa (khoảng tháng 5 – tháng 6), người dân bận trồng khoai mì nên không chủ động trong việc thuê nhân công trồng bạc hà; - Thời điểm trước và sau Tết Nguyên Đán, người dân thường không chú trọng các khâu chăm sóc như làm cỏ... (do bận việc nhà); - Một số trường hợp hộ dân không trồng do cung cấp giống trễ, hoặc đúng vào thời điểm họ bận những công việc khác... - Cần có chính sách hỗ trợ người dân (giống, máy trồng, phân bón, kỹ thuật trồng...) cho đến khi họ thuận thực về trình độ kỹ thuật canh tác. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

3.2.2. Mô hình nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn (KTĐ 2)

Trong nhân rộng cây trồng cạn mới tại KTĐ 2, cần xúc tiến hoạt động trình diễn cho hộ dân các kết quả đạt được tại mô hình thử nghiệm canh tác. Các vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến hoạt động này được đề cập trong Bảng 3.2.2 dưới đây.

Bảng 3.2.2. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến hoạt động xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn

| Hoạt động | Thử nghiệm canh tác có tưới tại ruộng thử nghiệm |
|---------------------|---|
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Chưa làm rõ các số liệu như mức độ đầu tư, lợi nhuận, thị trường tiêu thụ... nên các hộ dân chưa tích cực quan tâm, tham gia mô hình. |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Nhằm khuyến khích người dân đầu tư hệ thống tưới cho sản xuất, dự án thử nghiệm canh tác khoai mì có tưới, chứng minh hiệu quả của nước tưới cho năng suất cao hơn; - Thử nghiệm canh tác cây kiệu – loại cây trồng được cho là có nhu cầu bao tiêu sản phẩm từ doanh nghiệp thu mua. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Dừng canh tác nha đam do không phù hợp, phát sinh nhiều bệnh; - Dễ phát sinh bệnh hại nếu canh tác các loại cây trồng cạn như rau màu... liên tục nhiều vụ trên cùng thửa đất. Do đó, đối với ớt và kiệu, nên trồng trước hoặc sau mùa mưa, đồng thời nên trồng luân canh cây đậu phộng vào mùa khô. |
| Hoạt động | Hoạt động thực tiễn tại KTĐ dựa trên kết quả mô hình |
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ nông dân đăng ký trồng thử nghiệm các loại cây trồng cạn mới trong dự án còn ít. |

CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

| | |
|---------------------|--|
| Giải pháp | - Hỗ trợ cấp giống cây ốt, măng tây, bạc hà và kiệu để khuyến khích người dân tham gia canh tác thử nghiệm. |
| Bài học kinh nghiệm | - Chương trình khuyến nông của các cơ quan chuyên trách có vai trò quan trọng trong việc khuyến khích sự quan tâm của người dân đối với mô hình cây trồng mới, tuy nhiên cần triển khai theo nguyện vọng thời vụ của người dân; - Nhu cầu tiêu thụ ốt lớn trong cả năm, nhưng thị trường địa phương quy mô nhỏ, nếu diện tích sản xuất tăng lên, khả năng giá bán sẽ giảm mạnh; - Măng tây với số lượng thu hoạch ít sẽ không tìm được kênh tiêu thụ; - Người dân tại địa phương có ý thức đoàn kết cao, nhưng chưa có kinh nghiệm trong việc sản xuất và bán nông sản theo hình thức nhóm sản xuất; - Một số trường hợp người dân lo ngại ống phun để lại trên đất canh tác sẽ bị lấy trộm vào buổi tối. Do đó, các hộ dân muốn đầu tư hệ thống béc phun vì có thể tháo đầu tưới mang về nhà bảo quản; - Việc nhân rộng mô hình cây trồng mới cho người dân trong KTĐ nên được thực hiện vào mùa mưa, nhu cầu nước tưới không cao. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

3.2.3. Nhân rộng cây trồng mới cho người dân

Trong hoạt nhân rộng cây trồng mới cho toàn bộ vùng dự án, vì còn hạn chế về điều kiện kinh tế nên bước đầu vẫn lấy cơ cấu cây trồng truyền thống có sẵn trong khu vực làm nền tảng, sau đó từng bước thúc đẩy nhân rộng canh tác hướng tới các thị trường quy mô nhỏ trước.

Các vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm rút ra từ các hoạt động thực tế dự án đã triển khai liên quan đến nội dung này được đề cập trong Bảng 3.2.3 dưới đây.

Bảng 3.2.3. Vấn đề, giải pháp, bài học kinh nghiệm và đề xuất liên quan đến hoạt động nhân rộng cây trồng cạn cho người dân

| Hoạt động | Nhân rộng bạc hà gắn kết đảm bảo đầu ra tiêu thụ, hướng tới hình thành vùng sản xuất chuyên canh |
|--------------|---|
| Vấn đề | - Bệnh hại phát sinh tại KTĐ 1, giá mua thấp nên người dân chưa quan tâm đến mô hình bạc hà; - Khó để tăng thu nhập (lợi nhuận) cho các hộ dân trồng bạc hà. |
| Giải pháp | - Khảo sát chi phí sản xuất và năng suất để tìm ra mấu chốt giúp tăng thu nhập cho người dân; - Đào tạo các hộ dân đáp ứng trình độ kỹ thuật sản xuất giống. |
| Bài học kinh | - Đối với các hộ dân lần đầu tham gia trồng bạc hà, do chưa nắm bắt kỹ thuật canh tác nên rủi ro không có lợi nhuận khá cao; |

**CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

| | |
|---------------------|--|
| kinh nghiệm | - Có khả năng triển khai mô hình sản xuất giống cho các hộ lân cận KTD 2. |
| Đề xuất | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các hộ lần đầu tham gia trồng bạc hà, phải đảm bảo cung cấp cho họ nguồn giống tốt, không nhiễm bệnh; - Cần tổ chức chọn hộ đăng ký trồng bạc hà lần đầu vào thời điểm để trồng nhất trong năm, tránh trồng vào các thời điểm nhiệt độ cao, nóng ẩm, mưa nhiều dễ phát sinh bệnh hại; - Lựa chọn thời điểm thích hợp để hợp đồng sản xuất giống với các hộ đã có kinh nghiệm trồng bạc hà nhằm cung cấp nguồn giống đảm bảo cho việc nhân rộng ra các hộ dân thông thường; - Các cơ quan chuyên trách duy trì phối hợp cùng doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập kế hoạch chọn hộ, kế hoạch sản xuất giống, xem xét phương thức và giá cả thu mua phù hợp để người dân tăng thu nhập (kể cả các hộ tham gia lần đầu). |
| Hoạt động | Ứng dụng mô hình canh tác thử nghiệm để nhân rộng cây trồng cận mới |
| Vấn đề | - Tăng số lượng nông dân tham gia canh tác cây trồng mới |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ cung cấp giống và tổ chức tập huấn kỹ thuật canh tác cho các hộ dân quan tâm đến sản xuất cây trồng cận mới; - Thuê nông dân trẻ, có quan tâm đến canh tác cây trồng mới trong vùng làm quản lý mô hình, đào tạo về phương pháp sử dụng hệ thống tưới và kỹ thuật canh tác. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Các loại rau màu, đặc biệt ớt có nhu cầu tiêu thụ lớn trong cả năm, nhưng thị trường địa phương nhỏ lẻ, biến động giá cả tương đối lớn. Tuy nhiên, nếu bán được với giá bình quân, người dân vẫn có thu nhập ổn định; - Người dân không có kinh nghiệm sản xuất giống (ươm cây con); - Đối với các hộ dân không có điều kiện đầu tư ao trữ nước, thiết bị tưới... rất khó tham gia canh tác cây trồng mới. |
| Đề xuất | <ul style="list-style-type: none"> - Nên sử dụng mô hình thử nghiệm để sản xuất và cung ứng giống nhiều loại rau màu khác nhau với số lượng nhỏ, phù hợp với quy mô thị trường địa phương; - Hợp đồng với một vài hộ dân nhiệt tình, tích cực trong KTD hoặc khu vực lân cận, không có điều kiện đầu tư hệ thống tưới, cho thuê một phần đất mô hình để canh tác thử nghiệm cây trồng mới dưới sự hướng dẫn của cán bộ phụ trách mô hình. |
| Hoạt động | Thúc đẩy hình thành vùng sản xuất chuyên canh trên cơ sở nông dân canh tác cây trồng đáp ứng theo nhu cầu thị trường |
| Vấn đề | - Khó khăn trong việc người dân nắm bắt nhu cầu thị trường, thành lập nhóm sản xuất trong vùng, canh tác có hợp đồng bao tiêu với doanh nghiệp/ thương lái. |

CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

| | |
|---------------------|---|
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Thử nghiệm canh tác cây kiệu tại mô hình vì đây là loại cây trồng có doanh nghiệp trong nước quan tâm, đặt vấn đề thu mua; - Tạo cơ hội để doanh nghiệp thu mua nông sản và nông dân trong vùng gặp gỡ, trao đổi thông tin, khuyến khích nông dân tự nguyện tham gia canh tác. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Nông dân rất quan tâm đến việc tìm hiểu, nắm bắt thông tin và kết nối với các doanh nghiệp/ thương lái thu mua nông sản; - Với giá hợp đồng doanh nghiệp đưa ra, trong trường hợp sản xuất ổn định với năng suất tối đa, người dân vẫn có lợi nhuận, nhưng trường hợp người dân lần đầu tham gia canh tác, chưa có kinh nghiệm nên không đảm bảo chắc chắn về năng suất, dẫn đến không có sự quan tâm. |
| Đề xuất | <ul style="list-style-type: none"> - Trong tương lai, có những yếu tố bất ổn về giá cả đối với những loại cây trồng chính, do vậy người dân cần duy trì canh tác cây trồng mới bắt đầu từ quy mô nhỏ nhằm từng bước ứng phó với vấn đề biến động giá cả thị trường; - Nông dân cần thay đổi nhận thức từ “Trồng cây gì có lợi nhuận cao?” sang “Trồng cây gì, trồng như thế nào để có lợi nhuận cao?” và “Cần những gì để làm được điều đó?”. Các cơ quan chuyên trách có vai trò quan trọng trong việc kết nối nông dân với các doanh nghiệp/ thương lái thu mua, phân phối nông sản nhằm giúp người dân thay đổi nhận thức về chuỗi giá trị nông sản. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

3.2.4. Xây dựng kênh cấp 3

Tại KTĐ 1, Dự án xây dựng tuyến kênh cấp 3 D14-6-1, tại KTĐ 2, xây dựng tuyến kênh cấp 3 D8-19-1 và kênh D8-19-2. Các tuyến kênh cấp 4 tại KTĐ 2 do các Tổ HTDN tự xây dựng. Các vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng hệ thống kênh cấp 3 được nêu trong Bảng 3.2.4 dưới đây.

Bảng 3.2.4. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng kênh cấp 3

| Hoạt động | Vận động hiến đất |
|-----------|--|
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Cần phải vận động người dân đồng thuận hiến đất để thi công kênh cấp 3, tuy nhiên việc xác minh các chủ sở hữu đất (quyền sử dụng đất) mất nhiều thời gian; - Đối với trường hợp người dân không đồng thuận hiến đất, phải chủ động đề ra các biện pháp xử lý; - Cần xác minh phạm vi diện tích thuộc khu vực đã ỏ chức đền bù trong dự án tưới PR-PT. |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định của Nhà nước Việt Nam, khi thi công kênh cấp 3 phải vận động người dân hiến đất làm kênh (không đền bù), do vậy dự án đã sớm triển khai công tác xác minh chủ sở hữu (quyền sử dụng đất) đối với các thửa đất có tuyến kênh |

**CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

| | |
|----------------------------|---|
| | <p>đi qua;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án tổ chức vận động người dân đồng thuận hiến đất để xây dựng tuyến kênh cấp 3 D8-19-1 thuộc KTĐ 2. Trong các cuộc họp dân để giải thích về thiết kế kênh ban đầu, một số hộ phản đối vì sau khi hiến đất, đất canh tác bị biến dạng do kênh cắt ngang; do vậy chúng tôi đã điều chỉnh lại lộ tuyến phù hợp hơn. Các hộ dân khác cũng nêu ý kiến phản đối việc làm kênh, tuy nhiên sau khi nghe giải thích tường tận về lợi ích mang lại từ nguồn nước tưới cũng như đưa ra số liệu diện tích hiến đất cụ thể v.v. tất cả các hộ dân đã nhất trí đồng thuận hiến đất phục vụ công tác thi công tuyến kênh; - Đối với tuyến kênh D8-19-2, ban đầu dự kiến cũng sẽ tổ chức vận động hiến đất; tuy nhiên sau khi xác minh được phần diện tích đền bù kênh cấp 2 dự án PR-PT còn thừa, chúng tôi điều chỉnh lại thiết kế để tận dụng diện tích đã đền bù này, không cần vận động người dân hiến đất. |
| <p>Bài học kinh nghiệm</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trong dự án lần này, sau khi hoàn thiện hồ sơ thiết kế tất cả các tuyến mới bắt đầu tổ chức họp dân vận động hiến đất. Công tác vận động hiến đất mất nhiều thời gian, do vậy nên chủ động xúc tiến các thủ tục liên quan đến công tác này ngay trong giai đoạn hoàn thành thiết kế lộ tuyến; - Theo kết quả thiết kế lộ tuyến, trường hợp tuyến kênh đi qua làm thay đổi hình dạng thửa đất, nên chủ động trao đổi riêng với các hộ dân này, thăm dò ý kiến xem họ đồng thuận hay phản đối sau đó mới đi vào thiết kế chi tiết; - Trong khảo sát đo đạc địa chính ban đầu, trên bản đồ không thể hiện phạm vi đền bù kênh cấp 2 của dự án tưới PR-PT. Việc này là do dữ liệu về đất đai của Cơ quan chuyên môn Sở TN-MT chưa cập nhật thông tin về phạm vi đất đã đền bù trong dự án tưới PR-PT. Sau này khi xây dựng kênh cấp 3, cần phải xem xét tuyến kênh dự kiến thi công có nằm trong phạm vi đã đền bù do dự án tưới PR-PT thực hiện hay không. |
| Hoạt động | Thiết kế, thi công |
| <p>Vấn đề</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thiết kế kênh cấp 3, có thể do công ty tư vấn thiết kế địa phương đã quen thiết kế các kênh tưới cho ruộng lúa nên thiết kế có xu hướng hạ thấp cao độ tuyến kênh. Trường hợp thi công kênh tưới cho cây trồng cạn, nên thiết kế kênh có cao độ cao để có thể sử dụng nguồn nước theo nhiều mục đích khác nhau; - Trong vùng dự án, cơ bản sử dụng cửa lấy nước bằng sắt nên rất khó để người dân vận hành phù hợp, cần phải lắp đặt các cửa lấy nước dễ dàng thao tác hơn. Ngoài ra, cửa lấy nước bằng sắt có rủi ro bị mất trộm; - Theo quy định của Nhà nước Việt Nam, các tuyến kênh cấp 4 dự kiến được thiết kế là kênh đất. Tuy nhiên tại KTĐ 2 các hộ dân cho rằng việc xây dựng kênh cấp |

CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

| | |
|---------------------|---|
| | 4 là kênh đất sẽ rất khó để vận hành và bảo dưỡng. |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Dự án họp bàn, trao đổi tại thực địa với công ty tư vấn thiết kế, giải thích cho họ hiểu rằng kênh cấp 3 trong KTĐ sẽ tưới cho cây trồng cạn nên cần nâng cao độ kênh đến mức có thể; - Dự án quyết định sử dụng sản phẩm cửa lấy nước bằng nhựa của một công ty Nhật ó ự k é h ợ p ó ể s ả á s ả phẩm ử ả ó ... b ả h ựa V ệ Nam để lắp đặt cho các tuyến kênh trong KTĐ. Các cửa lấy nước này có ưu điểm là dễ dàng vận hành, bảo dưỡng; có thể thao tác đóng mở bằng tay đơn giản và giảm thiểu rủi ro mất trộm; - Kênh cấp 4 do người dân tự xây dựng, do vậy Dự án làm thử nghiệm một tuyến kênh mô hình trong đó có các phân đoạn kênh ống, kênh bê tông, kênh gạch và kênh đất để người dân tự lựa chọn loại kênh phù hợp. Kết quả là người dân chọn làm kênh bê tông. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Cần họp bàn với công ty tư vấn thiết kế địa phương, giải thích tường tận về mục đích sử dụng của từng tuyến kênh để đưa ra thiết kế phù hợp, hiệu quả tránh trường hợp thiết kế theo thói quen thường lệ dẫn tới tốn công điều chỉnh lại thiết kế cho phù hợp với điều kiện thực tế; - Các cơ quan chuyên môn và các đơn vị tư vấn địa phương đánh giá cao về sản phẩm cửa lấy nước bằng nhựa và mong muốn đưa vào sử dụng cho các tuyến kênh cấp 3 trong tương lai. Tuy nhiên, sau 1 năm lắp đặt tại KTĐ, một số tay cầm của phai đóng mở bị hư hỏng. Nguyên nhân được cho là do một số trẻ em chặn bò tại khu vực nghịch phá; - Kênh cấp 4 do người dân tự xây dựng, nên việc thiết kế một tuyến kênh mẫu để người dân tham quan, học hỏi. Từ đó, người dân chủ động lựa chọn kênh bê tông là hợp lý. |
| Hoạt động | Tổ HTDN |
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Tại vùng tưới PR-PT, đa phần các hộ dân di cư từ nhiều vùng khác đến khai hoang đất làm nông, họ không sống tập trung theo khu vực mà tổ chức sản xuất riêng lẻ. Hơn nữa, ngoài cây lúa nước, người dân chủ yếu trồng cây khoai mì phụ thuộc nước trời, hệ thống thủy lợi chưa phát huy được hiệu quả cấp nước. Một phần trước nay chưa xảy ra cạnh tranh về nước tưới nên người dân trong khu vực không nhận thức được vấn đề quyền lợi trong việc sử dụng nước; - Việc chậm trễ thi công hệ thống kênh cấp 3 toàn vùng dẫn đến diện tích quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo kế hoạch ban đầu vẫn chưa đi vào hoạt động. Vì vậy, đến thời điểm hiện tại, nguồn nước tưới vẫn chưa được phân phối đều đặn đến các khu vực cuối kênh. Do đó, người dân nhầm tưởng rằng nguồn nước từ hệ thống |

**CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

| | |
|----------------------------|---|
| | <p>kênh rất dồi dào, không cần thiết phải phân phối nước theo hình thức luân phiên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân làm nông riêng lẻ nên không ý thức được rằng kênh mương là tài sản dùng chung, họ tự ý chặn nước sử dụng theo nhu cầu cá nhân. Như vậy có thể nói rằng hầu như người dân hoàn toàn không có quan niệm về việc tự mình phải vận hành, bảo dưỡng hệ thống kênh; - Không thể thu phí thủy lợi nội đồng. |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích cho người dân hiểu được quyền lợi của việc sử dụng nước, và để đảm bảo quyền lợi này người dân hưởng dân phải tham gia vào Tổ HTDN; - Giải thích về cách điều tiết nước luân phiên, Tổ HTDN sẽ quyết định cách thức điều tiết nước và quản lý công trình thủy lợi thuộc khu vực hưởng lợi; - Giải thích cho người dân hiểu rằng công trình kênh mương là tài sản dùng chung của mọi người; - Người dân phải chi trả chi phí thủy lợi nội đồng để vận hành và bảo dưỡng kênh mương; - Chúng tôi giải thích những điều trên tại hội thảo thành lập Tổ HTDN và tổ chức các buổi tập huấn sau khi Tổ HTDN đã đ ợc thành lập và đi vào hoạt động. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Cần giải thích cho người dân hiểu rằng sau khi hệ thống kênh cấp 3 trong vùng tưới hoàn thiện thi công và đưa vào sử dụng, người dân sẽ chuyển đổi từ canh tác cây khoai mì sử dụng nước trời sang các loại cây trồng cạn khác và có khả năng sẽ xảy ra việc cạnh tranh nguồn nước tưới; do vậy cần thiết phải vận hành và bảo dưỡng kênh một các hợp lý, điều tiết nước theo hình thức luân phiên để đảm bảo quyền lợi sử dụng của mỗi hộ dân. Ngoài ra, cần giải thích thêm là để vận hành, bảo dưỡng hệ thống kênh mương, người dân phải nộp thủy lợi phí nội đồng. Tuy nhiên, do trước đây chưa có tiền lệ về các vấn đề cạnh tranh nước tưới nên cần phải tiếp tục giải thích rõ ràng, tường tận để người dân hiểu rõ hơn về vai trò quan trọng của Tổ HTDN. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

3.2.5. Lựa chọn loại kênh nội đồng phù hợp với canh tác cây trồng cạn

Dự án đã chọn lựa loại kênh nội đồng phù hợp với tưới cho cây trồng cạn từ các mô hình kênh đã thử nghiệm cũng như xem xét các tiêu chí như loại cây trồng cạn người dân canh tác, điều kiện kinh tế của người dân, khả năng mất trộm... (Xem Tài liệu đính kèm 2.6. Lựa chọn phương pháp phù hợp cho cây trồng cạn).

Bảng 3.2.5 dưới đây đề cập một số vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến nội dung này.

Bảng 3.2.5. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến hoạt động xây dựng kênh nội đồng phù hợp với tưới cho cây trồng cạn

| Hoạt động | Lựa chọn phương pháp tưới |
|---------------------|---|
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh dự án tưới PR-PT là hệ thống kênh mở, nên không thể áp dụng phương pháp tưới phun sử dụng áp lực nước tự nhiên được; - Có hộ dân có khả năng đầu tư thiết bị tưới, nhưng cũng có hộ hoàn toàn không đủ khả năng đầu tư; - Trường hợp không có người canh giữ ban đêm, các thiết bị tưới như máy bơm v.v có khả năng bị mất trộm. |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Với đặc thù của hệ thống kênh tưới PR-PT, phương pháp tưới cho cây trồng cạn trong vùng chỉ có thể là tưới tự chảy (trọng lực) hoặc tưới phun có sử dụng áp lực máy bơm; - Khi đề xuất thiết bị tưới cho người dân, cần xem xét tình hình kinh tế của từng hộ, từ đó đưa ra một số loại hình thiết bị tưới để người dân có thể lựa chọn phù hợp với khả năng đầu tư của họ; - Trường hợp nhà người dân gần đất canh tác có thể sử dụng máy bơm, nhưng trường hợp nhà xa đất thì phải áp dụng tưới tự chảy (trọng lực). |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Để canh tác loại cây trồng mang lại thu nhập cao cần thiết phải có hệ thống tưới áp dụng, dễ vận hành. Tuy nhiên, hệ thống kênh PR-PT chỉ có kênh mở, nên không thể áp dụng tưới phun sử dụng áp lực dòng nước được. Trong tương lai, Việt Nam cần nghiên cứu phát triển hệ thống kênh ống; - Ban đầu chúng tôi cho rằng đa số người dân có khả năng đầu tư hệ thống tưới áp lực vì hầu hết các hộ trồng thanh long đều áp dụng tưới béc phun. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chỉ một phần người dân có khả năng đầu tư, đa số còn lại chưa có điều kiện để đầu tư hệ thống tưới này; - Sau khi trao đổi thông tin với người dân chúng tôi mới biết rằng trong khu vực thường xảy ra mất cắp các thiết bị tưới có giá trị. Việc này gây cản trở rất lớn cho người dân khi đầu tư thiết bị tưới mới, do vậy cần cải thiện vấn đề an ninh trong khu vực. Có thể tận dụng hình thức hoạt động của Tổ HTDN để tổ chức thường xuyên giám sát tài sản của các tổ viên. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

3.2.6. Thành lập và hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo Phát triển nông nghiệp dự án tưới PR-PT

Ban chỉ đạo quản lý nước được thành lập với tên chính thức là Ban chỉ đạo Phát triển nông nghiệp dự án tưới PR-PT (Ban chỉ đạo), chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề chung trong lĩnh vực nông nghiệp trong vùng tưới, trong đó chia ra Tổ công tác về thủy lợi và Tổ công tác về nông nghiệp. Bảng 3.2.6 dưới đây trình bày một số vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm đối với hoạt động của Tổ

**CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

công tác về thủy lợi và Tổ công tác về nông nghiệp.

Bảng 3.2.6. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm liên quan đến việc thành lập và hỗ trợ hoạt động của các Tổ công tác

| Hoạt động | Ban chỉ đạo |
|---------------------|--|
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có một cơ chế để các cán bộ phụ trách liên quan trong vùng tưới thường xuyên gặp mặt, trao đổi, liên lạc thông tin, phối hợp trong công việc với nhau; - Ban chỉ đạo cần tiếp tục được tổ chức và hoạt động ngay cả sau khi kết thúc dự án |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Ban đầu, chúng tôi dự kiến chỉ thành lập một Ban chỉ đạo phụ trách về thủy lợi, tuy nhiên theo đề xuất của các cấp chính quyền, sở ban ngành chuyên môn phía Việt Nam, dự án đã hành lập Ban chỉ đạo Phát triển nông nghiệp vùng dự án PR-PT nhằm tạo cơ chế phối hợp tốt hơn giữa các cán bộ phụ trách liên quan trong vùng tưới PR-PT. Ban chỉ đạo bao gồm cả cán bộ phụ trách mảng thủy lợi lẫn cán bộ mảng canh tác cây trồng (nông nghiệp), từ đó xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, cùng nhau bàn bạc, giải quyết các vấn đề chung một cách toàn diện trong lĩnh vực nông nghiệp tại vùng tưới PR-PT; - Sau khi dự án HTKT kết thúc, chúng tôi vẫn kỳ vọng Ban chỉ đạo tiếp tục duy trì hoạt động, các đơn vị tham gia thấu hiểu được sự quan trọng và tính hiệu quả của cơ chế chia sẻ thông tin, cùng nhau bàn bạc, giải quyết vấn đề thông qua các cuộc họp của Ban chỉ đạo. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Chúng tôi cho rằng việc thành lập Ban chỉ đạo nói trên là cần thiết và mang lại hiệu quả vì trước đây chưa có một cơ chế để các cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực có cơ hội gặp mặt, cùng nhau chia sẻ thông tin, giải quyết vấn đề. Dự án nỗ lực hỗ trợ để Ban chỉ đạo có thể tiếp tục duy trì hoạt động kể cả sau khi kết thúc dự án. |
| Hoạt động | Tổ công tác về thủy lợi |
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh tiêu (thoát nước) trong vùng tưới PR-PT; - Kết cấu kênh trong vùng tưới PR-PT; - Tập huấn cho cán bộ IME Bắc Bình; - Lập kế hoạch tưới mới dựa trên kế hoạch trồng trọt; - Xúc tiến thành lập Tổ THPTDN và tập huấn cho Tổ THPTDN. |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn cho cán bộ IME và Tổ THPTDN; đồng thời soạn thảo Kế hoạch tưới dựa trên kế hoạch trồng trọt và soạn thảo Sổ tay hướng dẫn Vận hành & bảo dưỡng công trình. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Cần tổ chức vận hành, bảo dưỡng công trình theo định kỳ, dựa trên hướng dẫn của Sổ tay. |

CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

| Hoạt động | Tổ công tác về nông nghiệp |
|---------------------|---|
| Vấn đề | - Kế hoạch trồng trọt (cơ cấu cây trồng) mới; - Nhân rộng mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng mới. |
| Giải pháp | - Tiếp tục bàn bạc, thảo luận đề ra giải pháp dựa trên thành quả của dự án. |
| Bài học kinh nghiệm | - Cần tiếp tục tổ chức các buổi họp thảo luận về hoạt động cụ thể hướng tới hoàn thành mục tiêu tổng thể của dự án. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

3.2.7. Xây dựng kế hoạch trồng trọt và kế hoạch tưới tiêu tổng thể trong vùng tưới

Kế hoạch trồng trọt được xây dựng để người dân có thể chọn các loại cây trồng cạn, kể cả các loại cây trồng mới để canh tác sau khi kênh cấp 3 được xây dựng (Xem mục 2.8.1. Xây dựng Kế hoạch trồng trọt trong vùng tưới PR-PT). Mặt khác, diện tích canh tác cây trồng cạn được thiết kế dựa trên nghiên cứu cân bằng nước bao gồm diện tích trồng lúa. Để xây dựng kế hoạch tưới tiêu tổng thể, cần chú ý đến những hạn chế của hệ thống kênh tưới hiện có như kênh chính, kênh cấp 1, kênh cấp 2 đã được xây dựa trên kế hoạch canh tác cây bông vải trước đây... Theo đó, kế hoạch tưới tiêu phải được thiết kế sao cho công suất không vượt quá năng lực tưới tiêu của hệ thống kênh hiện có (Xem mục 2.8.2. Kế hoạch tưới tiêu tổng thể cho vùng tưới PR-PT). Đối với việc sử dụng các hồ chứa hiện có, chính quyền địa phương đã có kế hoạch sử dụng nguồn nước này để tưới cho những khu vực khác ngoài vùng tưới PR-PT. Vì vậy, nguồn nước từ Công trình đầu mối Sông Lũy là nguồn nước tưới duy nhất cho vùng tưới PRPT. Quá trình nghiên cứu trên được triển khai để xây dựng Kế hoạch canh tác và Kế hoạch tưới tiêu. Những vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm trong quá trình lập kế hoạch được tổng hợp trong Bảng 3.2.7 dưới đây.

Bảng 3.2.7. Vấn đề, giải pháp và bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng kế hoạch canh tác thực tế và kế hoạch tưới tiêu tổng thể

| Hoạt động | Xây dựng kế hoạch trồng trọt cây trồng cạn |
|------------------|--|
| Vấn đề | - Hầu hết diện tích vùng tưới PR-PT là đất chưa khai hoang. Để canh tác được, người dân cần dọn dẹp mặt bằng, loại bỏ đá sỏi và cải tạo đất. Với thực trạng hệ thống kênh cấp 3 chưa phát triển, thiếu kỹ thuật canh tác người dân không có động lực để đầu tư khai hoang đất canh tác; - Hầu hết người dân trong vùng tưới PRPT đang canh tác chủ yếu dựa vào nước trời, và không quen với canh tác cây trồng cạn có tưới. Nhiều hộ dân sinh sống xa đất canh tác của mình vì vậy khó giới thiệu cho họ những loại cây trồng mới đòi hỏi cần phải quản lý, chăm sóc hằng ngày; - Với tình hình như vậy, khó có thể giới thiệu cho người dân những loại cây trồng mới đòi hỏi kỹ thuật canh tác tiên tiến. |
| Giải pháp | - Kế hoạch trồng trọt được xây dựng để người dân có thể chọn lựa loại cây trồng |

**CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ, GIẢI PHÁP VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

| | |
|---------------------|---|
| | <p>phù hợp với kinh nghiệm, kỹ thuật canh tác và khả năng đầu tư của mình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại cây trồng hiện tại trong vùng tưới PR-PT và khu vực xung quanh được đưa vào vào trong kế hoạch trồng trọt; - Những loại cây trồng cạn được giới thiệu trong dự án cũng được đưa vào kế hoạch trồng trọt điều chỉnh với giả định rằng diện tích của chúng sẽ được mở rộng trong tương lai. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Các loại cây trồng cạn dự kiến sẽ được giới thiệu cho người dân dựa trên kinh nghiệm, kỹ thuật canh tác và điều kiện vị trí; - Ngoài ra, các loại cây trồng có thể được liệt kê dựa trên điều kiện đầu tư và điều kiện tài chính của người dân và thị trường mua bán; - Để thực hiện kế hoạch canh tác trong vùng tưới PRPT, cần có sự hỗ trợ để cải tạo đất, máy móc để dọn mặt bằng canh tác và những hỗ trợ liên tục để phổ biến nhân rộng kinh nghiệm, kỹ thuật trồng trọt. |
| Hoạt động | Xây dựng kế hoạch tưới tiêu tổng thể |
| Vấn đề | <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng và năng lực kênh đã được thiết kế và xây dựng dựa trên cơ cấu cây trồng ban đầu là bông vải; - Hệ thống kênh được xây dựng là loại kênh hở vì vậy nước bị tổn thất tương đối nhiều và việc sử dụng nước không hiệu quả; - Hồ Sông Lũy với dung tích 100 triệu m³ đang được xây dựng phía thượng nguồn Công trình đầu mối Sông Lũy và sẽ đưa vào vận hành trong năm 2021. Vì vậy lưu lượng nước về Công trình đầu mối có thể sẽ thay đổi tuy nhiên lưu lượng của cống lấy nước và năng lực hệ thống kênh không thể thay đổi vì công trình đã xây dựng xong. |
| Giải pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Cần phải đảm bảo tính toán sao cho nhu cầu nước tưới cho từng vụ và diện tích của từng loại cây trồng trong kế hoạch điều chỉnh không được vượt quá nhu cầu nước tưới trong kế hoạch ban đầu (trồng bông vải); - Năng lực tưới tối đa của các công trình thủy lợi và hệ thống kênh không thể thay đổi, vì vậy kế hoạch canh tác cần được xây dựng sao cho thời điểm nhu cầu nước đỉnh điểm của từng loại cây trồng không trùng nhau. |
| Bài học kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có sự chênh lệch cao độ giữa cống lấy nước tại Công trình đầu mối và khu vực hưởng lợi, một số đoạn kênh cần lắp đặt ống để giảm tổn thất trong quá trình tải nước và sử dụng nước có hiệu quả; - Để phát triển việc tưới tiêu cho cây trồng cạn hiệu quả hơn, chúng tôi đề xuất xây dựng các ao điều tiết trong khu vực hưởng lợi để bổ sung nước trong những lúc nhu cầu nước cao điểm. |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

CHƯƠNG 4. MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH MỤC TIÊU DỰ ÁN

4.1. Tổ chức đánh giá cuối kỳ

Hội đồng đánh giá Nhật Việt đã tổ chức đánh giá cuối kỳ dự án từ ngày 15 – 26/10/2018. Hội đồng đánh giá gồm 3 thành viên phía Nhật Bản và 1 thành viên phía Việt Nam đã tiến hành phỏng vấn các bên liên quan, khảo sát thực địa, kiểm tra tài liệu... và soạn thảo báo cáo đánh giá. Kết quả đánh giá và kiến nghị đã được phê duyệt tại cuộc họp Ban điều phối chung (JCC) lần 5 vào ngày 26/10/2018. Dưới đây là kết quả của đợt đánh giá cuối kỳ.

4.1.1. Khái quát kết quả đánh giá

Trong dự án, Sở NN&PTNT phối hợp cùng nhóm thực hiện dự án triển khai xây dựng mô hình nông nghiệp có tưới trên cây trồng cạn, đề ra đối sách ứng phó với các vấn đề như chậm trễ tiến độ, tình hình sâu bệnh hại, hạn hán thiếu nước... và đang biên soạn kế hoạch tưới tổng thể cho vùng tưới PR-PT.

Mặt khác, có những hộ nông dân tích cực tham gia hoạt động của dự án, nhưng cũng có nhiều hộ chưa tham gia tích cực với nhiều lý do khác nhau, do vậy thời gian triển khai dự án đến tháng 3/2019 quá ngắn để đạt được mục tiêu là các hộ nông dân có bán sản phẩm và thu lợi nhuận từ canh tác cây trồng cạn.

Do đó, trong cuộc họp JCC lần 5, nhóm thực hiện dự án đề xuất gia hạn dự án thêm 8 tháng (đến tháng 11/2019), tuy nhiên phía UBND tỉnh Bình Thuận đề nghị gia hạn dự án **đến tháng 12/2019** để khớp với năm tài khóa tại Việt Nam và được sự đồng thuận, nhất trí từ phía Văn phòng JICA Việt Nam.

4.1.2. Mức độ hoàn thành mục tiêu của dự án

Bảng 4.1.1 dưới đây thể hiện mức độ hoàn thành mục tiêu của dự án theo Ma trận thiết kế dự án (PDM) tại thời điểm đánh giá cuối kỳ.

Bảng 4.1.1. Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án theo PDM

| Chỉ số đánh giá | Tình hình hoàn thành mục tiêu |
|--|--|
| Chỉ số 1: Năng lực quản lý nước của các bên liên quan gồm Tổ HTDN, IMC, IME, UBND xã, ở NN&PTNT trong vùng tưới PR-PT được nâng cao. | Chỉ số này được kỳ vọng là đến thời điểm tháng 2/2019, thông qua các lớp tập huấn về quản lý với sự tham dự của các cán bộ thuộc các bên liên quan như đã đề cập ở cột bên trái, nâng cao được hiểu biết về tầm quan trọng của việc quản lý nước. Bên cạnh đó, tình hình vận hành, bảo dưỡng kênh cấp 3 của Tổ HTDN tùy thuộc vào việc tác động của các bên liên quan đến hoạt động của Tổ HTDN, do đó <u>chỉ số đánh giá này chỉ đạt một phần.</u> |

CHƯƠNG 4. MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH MỤC TIÊU DỰ ÁN

| | |
|---|---|
| <p>Chỉ số 2: Trên 50 cán bộ cấp thôn, xã trong vùng tưới PR-PT như cán bộ khuyến nông xã trưởng thôn, Chủ tịch hội Nông dân xã, Chủ tịch mặt trận xã tham gia các hội thảo nhằm chia sẻ kiến thức và kỹ năng của mô hình tưới nông nghiệp cho cây hoa màu thuộc khu vực kênh cấp ba (kênh nội đồng) cũng như các hoạt động canh tác nông nghiệp khác.</p> | <p>Thông qua các buổi họp (hội thảo) nông nghiệp, khuyến nông (ALM), cung cấp kiến thức và kỹ thuật cho hơn 98 cán bộ và hộ dân đã tham gia. Do đó, <u>chỉ số đánh giá này đã được hoàn thành.</u></p> |
|---|---|

Nguồn: Báo cáo đánh giá cuối kỳ của JICA.

4.1.3. Mức độ hoàn thành kết quả đầu ra của dự án

Bảng 4.1.2 dưới đây thể hiện mức độ hoàn thành kết quả đầu ra của dự án theo PDM tại thời điểm đánh giá cuối kỳ.

Bảng 4.1.2. Mức độ hoàn thành mục tiêu đầu ra theo PDM

| | |
|------------------|--|
| Kết quả đầu ra 1 | <p>Các mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại hệ thống kênh cấp 3 (Kênh nội đồng) được phát triển: <u>Hoàn thành một phần.</u></p> <p>1) Tại KTĐ 1, hoạt động bắt đầu trễ hơn 6 tháng so với kế hoạch ban đầu. Hiện nay, doanh nghiệp Việt Nam đang triển khai xây dựng mô hình sản xuất và chế biến bạc hà. Hoạt động tại KTĐ 2 cũng triển khai trễ 9 tháng, hiện nay dự án đang xây dựng các mô hình canh tác ớt, nha đam, đậu phộng, măng tây, kết quả sơ bộ cho thấy ớt, đậu phộng và măng tây có tính phù hợp về canh tác.</p> <p>2) Hoạt động vận hành, bảo dưỡng kênh cấp 3 của Tổ HTDN không được triển khai do không thu được phí quản lý nội đồng.</p> |
| Kết quả đầu ra 2 | <p>Kế hoạch quản lý nước tổng thể cho vùng tưới PR-PT được xây dựng: <u>Hoàn thành một phần.</u></p> <p>Xây dựng phương pháp tưới dựa trên kết hoạch trồng trọt đã được phê duyệt tại cuộc JCC, tháng 11/2016. Dự kiến hoàn thành kế hoạch quản lý tưới trước tháng 12/2018.</p> |
| Kết quả đầu ra 3 | <p>Năng lực quản lý nước tổng thể trong vùng tưới PR-PT được tăng cường: <u>Hoàn thành cơ bản.</u></p> <p>Dự kiến sẽ có 21/30 cán bộ (70%) tham gia vào hoạt động.</p> |
| Kết quả đầu ra 4 | <p>Năng lực nhân rộng mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại kênh tưới cấp 3 (kênh nội đồng) cho toàn bộ vùng tưới PR-PT được tăng cường: <u>Hoàn thành.</u></p> <p>Dự án đang biên soạn các tài liệu hướng dẫn canh tác cây trồng cạn có tưới, hoạt động nhân rộng, quản lý nước... dự kiến hoàn thành trước tháng 3/2019.</p> |

Nguồn: Báo cáo đánh giá cuối kỳ của JICA.

4.1.4. Kết quả đánh giá cuối kỳ với 5 tiêu chí đánh giá

Bảng 4.1.3 dưới đây thể hiện kết quả đánh giá cuối kỳ với 5 tiêu chí đánh giá.

Bảng 4.1.3. Kết quả đánh giá cuối kỳ với 5 tiêu chí đánh giá

| | |
|-----------------------|--|
| <p>Tính phù hợp</p> | <p>Tương đối</p> <p>1) Dự án phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội quốc gia (2016 – 2020) và Tầm nhìn trung dài hạn về hợp tác nông nghiệp giữa Việt Nam và Nhật Bản, trong đó chính phủ Nhật Bản hỗ trợ Việt Nam (2015). Kế hoạch triển khai dự án thuộc đối tượng của chương trình xóa đói giảm nghèo (2017).</p> <p>2) Dự án phù hợp với chính sách phát triển cây trồng cạn của Sở NN&PTNT và nhu cầu kỹ thuật của cán bộ nông nghiệp, khuyến nông cấp huyện. Bên cạnh đó, cũng phù hợp với nhu cầu nắm bắt kỹ thuật về cây trồng cạn của nông dân.</p> <p>3) Mặc dù các hoạt động của dự án được triển khai phù hợp với chính sách của Nhà nước Việt Nam... tuy nhiên Ma trận thiết kế dự án (PDM) không làm rõ những hoạt động như vậy, do đó đã có vấn đề khi nhìn từ góc độ “tính phù hợp với kế hoạch”.</p> |
| <p>Tính hiệu quả</p> | <p>Tương đối</p> <p>1) Mục tiêu dự án chỉ đạt được một phần. Thông qua các lớp tập huấn quản lý nước, trình độ của cán bộ liên quan kỳ vọng được nâng cao, tuy nhiên cần có những hướng dẫn cụ thể, thích hợp về vận hành, bảo dưỡng kênh cấp 3 do Tổ HTDN thực hiện.</p> <p>2) Những hoạt động thực tiễn về canh tác cây trồng cạn có tưới đã và đang góp phần tạo nên tính hiệu quả từ việc tạo cơ hội để các bên liên quan chia sẻ kiến thức và kỹ thuật.</p> |
| <p>Tính hiệu suất</p> | <p>Tương đối</p> <p>1) 4 kết quả đầu ra đã hoàn thành về cơ bản.</p> <p>2) Có thời điểm chuyên gia phía Nhật Bản đã không được điều động một cách phù hợp.</p> |
| <p>Tính ảnh hưởng</p> | <p>Tương đối</p> <p>1) Mục tiêu tổng thể (vận hành, bảo dưỡng thích hợp cho 274 khu tưới kênh cấp 3 (10.500ha)), xét theo chính sách duy trì xây dựng kênh của UBND tỉnh và Sở NN&PTNT thì dự kiến sẽ hoàn thành ở mức độ nào đó. Bên cạnh đó, việc vận hành bảo dưỡng kênh của Tổ HTDN cần có những chỉ đạo, hướng dẫn hợp lý.</p> <p>2) Có những ảnh hưởng tích cực như Trung tâm Khuyến nông xây dựng mô hình bậc hà và đập phông ngoài khu thí điểm, doanh nghiệp sản xuất và chế biến bậc hà xuất đọt hàng tinh dầu đầu tiên sang Nhật, doanh nghiệp sản xuất cửa lấy nước thành lập văn phòng đại diện tại Tp. HCM...; và những ảnh hưởng</p> |

| | |
|---------------|--|
| | <p>tiêu cực như giá đất tăng do việc xây dựng kênh, làm giảm đi sự quan tâm của người dân đối với dự án hợp tác kỹ thuật.</p> |
| Tính bền vững | <p>Tương đối</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Về mặt chính sách: Tỉnh Bình Thuận chủ trương tiếp tục phát triển nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp có tưới tại vùng tưới PR-PT trong tương lai. 2) Về mặt thể chế: UBND tỉnh Bình Thuận và Sở NN thể hiện quyết tâm trong việc duy trì sản xuất cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh. 3) Về mặt tài chính: UBND tỉnh Bình Thuận cam kết phân bổ 80 tỷ đồng để xây dựng kênh. Trong đó, 15 tỷ đã được giải ngân, 20 tỷ sẽ được giải ngân trong năm 2019, và 45 tỷ sẽ được giải ngân từ 2020 đến 2021. Hàng năm UBND tỉnh giao ngân sách cho Sở NN, Sở NN phân bổ ngân sách thực hiện hoạt động khuyến nông cho Trung tâm Khuyến nông để tiếp tục thực hiện công tác thúc đẩy cây trồng cạn. 4) Tính sở hữu của nhóm mục tiêu: Nông dân chia sẻ kiến thức và kỹ năng với nhau trong quá trình tham gia hoạt động của dự án. Mặt khác, việc thu phí quản lý nội đồng để Tổ HTDN vận hành, bảo dưỡng kênh không rõ ràng trong tương lai. 5) Tính sở hữu của thành phần tư nhân: Doanh nghiệp tư nhân của Việt Nam sản xuất và chế biến bạc hà thể hiện quyết tâm muốn tiếp tục và mở rộng việc trồng cây bạc hà Nhật. Tuy nhiên, việc tiếp tục hợp tác, đầu tư với các đối tác Nhật Bản chưa rõ ràng. 6) Về mặt kỹ thuật: Sở NN coi thành quả của dự án là cơ sở để xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp cho vùng tưới PR-PT trong tương lai. Cán bộ nông nghiệp tiếp tục phát huy, áp dụng những kiến thức và kinh nghiệm mới vào công việc, cũng như mong muốn các tài liệu hướng dẫn nhân rộng cây trồng được sớm phát hành. |

Nguồn: Báo cáo đánh giá cuối kỳ của JICA.

4.2. Điều chỉnh chỉ số đánh giá trong PDM tại cuộc họp JCC lần 5

Sau khi xác nhận tình hình tiến độ thực hiện dự án được báo cáo tại cuộc họp JCC lần 5 vào ngày 26/10, Ban điều phối chung trên cơ sở tham khảo các nội dung đề xuất của đoàn đánh giá cuối kỳ, đã đi đến kết luận gia hạn thời gian thực hiện dự án thêm 9 tháng. Hơn nữa, Ban điều phối chung quyết định điều chỉnh nội dung PDM và PO như bảng 4.2.1 dưới đây nhằm thúc đẩy hoạt động của dự án trong thời gian gia hạn cũng như đánh giá sau khi dự án kết thúc, hướng tới hoàn thành mục tiêu tổng thể.

Bảng 4.2.1. Điều chỉnh chỉ số đánh giá trong PDM

| Trước điều chỉnh | Sau điều chỉnh |
|--|--|
| <p>[Hoạt động]</p> <p>1-9. Tổ chức hội thảo cho cán bộ khuyến nông xã, trưởng thôn, Chủ tịch Hội nông dân xã, Chủ tịch Mặt trận xã trong vùng tưới PR-PT để chia sẻ kiến thức và kỹ thuật về quản lý nước cũng như phương pháp canh tác.</p> <p>4-1. Tổng hợp và xem xét những kinh nghiệm thu được từ hoạt động 1, 2 và 3.</p> <p>4-2. Biên soạn các hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo nhằm phát triển hệ thống quản lý nước hiệu quả.</p> | <p>[Hoạt động] (Bổ sung/ Chỉnh sửa)</p> <p>1-9. Cung cấp hỗ trợ tư vấn cần thiết cho các công ty tư nhân về việc sản xuất, mua bán sản phẩm cây trồng cạn được dự án giới thiệu.</p> <p>1-10. Chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm quản lý nước và trồng trọt</p> <p>4-1. Biên soạn các hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo nhằm phát triển hệ thống quản lý nước hiệu quả.</p> <p>4-2. Tổ chức đào tạo giảng viên nguồn (TOT: Hợp cán bộ khuyến nông, tập huấn trong nước cho nông dân)</p> |
| <p>[Chỉ số đánh giá]</p> <p>Mục tiêu tổng thể:</p> <p>Các kênh cấp 3 trong 274 khu tưới cấp 3 được vận hành và bảo dưỡng đúng cách (trên cả diện tích 10.500ha)</p> | <p>[Chỉ số đánh giá]</p> <p>Mục tiêu tổng thể: (Chỉnh sửa/ Bổ sung)</p> <p>1. Các kênh cấp 3 trong 274 khu tưới cấp 3 được vận hành và bảo dưỡng đúng cách (trên cả diện tích 10.500ha)</p> <p>2. Cây trồng cạn được canh tác trên diện tích 70ha trong vùng tưới PR-PT</p> |
| <p>[Phương tiện đánh giá xác minh]</p> <p>Mục tiêu tổng thể: Báo cáo của dự án tưới PR-PT</p> | <p>[Phương tiện đánh giá xác minh]</p> <p>Mục tiêu tổng thể: (Bổ sung)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của dự án tưới PR-PT - Phòng vấn Sở NN&PTNT - Phòng vấn Tổ HTDN (mẫu) - Số liệu thống kê của Sở NN&PTNT |
| <p>Mục đích dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tập huấn (Đánh giá mức độ hiểu biết của cán bộ được tập huấn), Các báo cáo Dự án - Báo cáo tập huấn, báo cáo dự án <p>Kết quả đầu ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo dự án - Báo cáo dự án (Ghi chép công việc, phân công cán bộ) - Kế hoạch vận hành và bảo dưỡng công trình thủy lợi - Biên bản hội nghị, hội thảo, Các báo cáo Dự án - Các hướng dẫn và báo cáo, các báo cáo Dự án | <p>Mục đích dự án: (Chỉnh sửa)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Dự án, phòng vấn hộ dân <p>Kết quả đầu ra (Chỉnh sửa/ Bổ sung)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Báo cáo Dự án 1.2. Báo cáo Dự án (Ghi chép công việc, phân công cán bộ) 2.1. Kế hoạch vận hành, bảo dưỡng các công trình thủy lợi 3.1. Biên bản kiểm tra, báo cáo Dự án 4.1. Phòng vấn cán bộ Trạm khuyến nông, báo cáo Dự án, các tài liệu hướng dẫn được biên soạn hoàn chỉnh. 4.2. Phòng vấn hộ dân |

CHƯƠNG 4. MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH MỤC TIÊU DỰ ÁN

| | |
|--|--|
| [Giả định quan trọng] Mục đích dự án ... | [Giả định quan trọng] Mục đích dự án: (Bổ sung) 4. Tất cả các kênh cấp 3 trong vùng tưới PR-PT được xây dựng 5. Công tác vận hành bảo dưỡng kênh cấp 3 được thực hiện bởi Tổ HTDN để trồng lúa |
| Lý do điều chỉnh chỉ số đánh giá: Đoàn đánh giá cuối kỳ của JICA và Các Sở ban ngành liên quan của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam xem xét và thống nhất điều chỉnh để PDM có tính logic và rõ ràng hơn như trên, nhằm triển khai hiệu quả các kết quả hoạt động trong thời gian còn lại của dự án. | |

Nguồn: Báo cáo đánh giá cuối kỳ của JICA.

4.3. Những việc cần làm theo khuyến nghị của đoàn đánh giá cuối kỳ

Đối với các khuyến nghị của đoàn đánh giá cuối kỳ, nhóm thực hiện dự án đã chia sẻ những vấn đề khó khăn với các cơ quan liên quan và cùng nhau thảo luận để tìm ra giải pháp. Bảng 4.3.1 dưới đây là những khuyến nghị đối với dự án và phản hồi cho những khuyến nghị đó. Cơ bản chúng tôi đã triển khai các đối sách cho những khuyến nghị này, tuy nhiên liên quan đến việc tìm kiếm các doanh nghiệp tư nhân có khả năng tham gia mở rộng sản xuất bạc hà và việc tổ chức các sự kiện nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, vẫn còn một số vấn đề chưa được giải quyết về mặt phát triển bền vững trong tương lai.

Bảng 4.3.1. Đề xuất của đoàn đánh giá cuối kỳ và phản hồi của dự án

| Khuyến nghị | Tình hình phản hồi | Thời gian |
|--|--|---|
| ① Gia hạn thời gian thực hiện dự án thêm 8 tháng, tổ chức tập huấn TOT để nâng cao năng lực nhân rộng canh tác cây trồng cạn | <ul style="list-style-type: none"> Sau đợt đánh giá cuối kỳ, dự án đã tổ chức 5 lần họp (hội thảo) cán bộ nông nghiệp khuyến nông, tổ chức 4 sự kiện liên quan đến cây trồng mới và cơ chế nhân rộng, tổ chức 5 lớp tập huấn TOT về quản lý nước và phương pháp tưới cho cây trồng cạn nhằm nâng cao năng lực nhân rộng cây trồng cạn cho các đối tác phía Việt Nam | Đến khi kết thúc dự án (Cuối tháng 12/2019) |
| ② Điều chỉnh PDM, thiết lập lại mục tiêu có tính logic và rõ ràng hơn | <ul style="list-style-type: none"> Phối hợp cùng đoàn đánh giá cuối kỳ của JICA điều chỉnh lại PDM một cách logic và rõ ràng hơn, để có thể thực hiện một cách hiệu quả các kết quả hoạt động trong thời gian còn lại của dự án | Phê duyệt trong cuộc họp JCC lần 5, ngày 26/10/2018 |

CHƯƠNG 4. MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH MỤC TIÊU DỰ ÁN

| | | |
|--|---|--|
| <p>③ Trung tâm Khuyến nông duy trì hoạt động nhân rộng, phổ biến phương pháp canh tác cây trồng cạn cho địa phương</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Dự án tiếp tục đề nghị Trung tâm Khuyến nông đưa các loại cây trồng cạn mới của dự án vào chương trình hỗ trợ nhân rộng mô hình khuyến nông hàng năm sử dụng nguồn vốn của “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”. Ngoài ra, Trung tâm KT&DVNN huyện – đơn vị trực thuộc UBND huyện Bắc Bình nhận bàn giao và quản lý mô hình thử nghiệm của dự án, trong năm sau Trung tâm đảm bảo kinh phí để triển khai hoạt động thử nghiệm canh tác, duy trì nhân rộng phương pháp canh tác cây trồng cạn | <p>Tiếp tục duy trì kể cả sau khi kết thúc dự án</p> |
| <p>④ Tìm kiếm các doanh nghiệp tư nhân có khả năng tham gia mở rộng canh tác bạc hà</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Tại Việt Nam có khoảng 6 doanh nghiệp chế biến và buôn bán các sản phẩm làm từ bạc hà (không kể doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào dự án), tuy nhiên các doanh nghiệp này không trực tiếp canh tác bạc hà mà chỉ nhập khẩu tinh dầu từ các nước khác như Ấn Độ... Hơn nữa, thường các doanh nghiệp này sản xuất, chế biến và buôn bán nhiều loại thảo dược khác nhau, bạc hà chỉ là một trong những mặt hàng của họ | <p>Tiếp tục duy trì kể cả sau khi kết thúc dự án</p> |
| <p>⑤ Tổ chức các sự kiện để nâng cao nhận thức cộng đồng</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Dự án đã tổ chức sự kiện giới thiệu, cấp phát các sản phẩm bạc hà trong vùng dự án với mục đích giúp người dân làm quen và hiểu biết hơn về cây bạc và khuyến khích họ bắt đầu trồng với diện tích nhỏ | <p>Tiếp tục duy trì kể cả sau khi kết thúc dự án</p> |

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

4.4. Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án

Trước khi dự án kết thúc, nhóm thực hiện dự án đã tiến hành kiểm chứng mức độ hoàn thành các chỉ số đánh giá mục tiêu. Kết quả được thể hiện trong Bảng 4.4.1 dưới đây. Nội dung chi tiết được tổng hợp trong Báo cáo khảo sát kết thúc dự án, Tài liệu đính kèm 9.1.

(1) Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án

Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án được thể hiện trong Bảng 4.4.1. Trong tổng số 40 hộ dân có đất trong khu thí điểm 2, chỉ có 3 hộ và 5 hộ có đất ngoài khu thí điểm đã bán sản phẩm và thu được lợi nhuận từ canh tác cây trồng mới. Kết quả canh tác thử nghiệm cây trồng mới cho thấy có 8/25 hộ tham gia có lợi nhuận từ canh tác, tuy nhiên không được tính vào mức độ đạt mục tiêu của dự án.

Bảng 4.4.1. Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án

| Hạng mục | Chỉ số đánh giá | Mức độ hoàn thành |
|--|---|---|
| <p>Mục đích Dự án:</p> <p>Phương pháp nhân rộng hệ thống quản lý nước hiệu quả trong vùng tưới PR-PT, bao gồm cả tưới tiêu cho cây trồng cạn dựa trên kế hoạch mùa vụ thích hợp, được xây dựng.</p> | <p>20 Nông dân (*) bán sản phẩm và có lợi nhuận từ việc canh tác cây trồng do Dự án giới thiệu.</p> | <p>Trong tổng số 40 hộ dân có đất canh tác trong KTĐ 2, có 3 hộ nông dân bán sản phẩm và có lợi nhuận từ việc canh tác cây trồng do Dự án giới thiệu. Ngoài ra, vùng lân cận KTĐ 2, có 5 hộ nông dân canh tác cây trồng do Dự án giới thiệu, bán sản phẩm và có lợi nhuận nhưng không tính vào chỉ số đánh giá.</p> |

* 20 Nông dân: Trong số 40 nông dân sở hữu đất, những người này có thể quản lý nước hàng ngày trong 2 khu thí điểm.

(2) Mức độ hoàn thành kết quả đầu ra của dự án

Mức độ hoàn thành kết quả đầu ra của dự án được thể hiện trong Bảng 4.4.2. Đối với kết quả đầu ra 1, hệ thống kênh cấp 3 chưa được xây dựng toàn bộ nên kết quả đầu ra chỉ hoàn thành một phần. Kết quả đầu ra 2 đến 4, đã được hoàn thành.

Bảng 4.4.2. Mức độ hoàn thành kết quả đầu ra của dự án

| Hạng mục | Chỉ số đánh giá | Kết quả thực hiện |
|---|---|--|
| <p>Kết quả đầu ra 1</p> <p>1. Các mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại hệ thống kênh cấp 3 (Kênh nội đồng) được phát triển.</p> | <p>1.1. Thực hành canh tác tưới tiêu cho cây màu được triển khai tại các khu thí điểm.</p> <p>1.2. Các kênh cấp 3 được WUG vận hành và bảo dưỡng đúng cách.</p> | <p>1.1. Tại các khu thí điểm, canh tác tưới tiêu cho cây màu được triển khai áp dụng cho bạc hà và một số cây trồng cạn khác</p> <p>1.2. Trong 10.620ha của vùng tưới PRPT, hệ thống kênh cấp 3 được xây dựng cho diện tích 8.361ha, một phần đã được đưa vào sử dụng. Dự kiến đến năm 2020 sẽ hoàn thành toàn bộ hệ thống kênh cấp 3 trong vùng tưới.</p> |
| <p>Kết quả đầu ra 2</p> <p>2. Kế hoạch quản lý nước tổng thể cho vùng tưới PRPT được xây dựng.</p> | <p>2.1 Kế hoạch vận hành, bảo dưỡng tổng thể các công trình thủy lợi trong vùng tưới PRPT được soạn thảo.</p> | <p>2.1 Đã soạn thảo kế hoạch vận hành, bảo dưỡng tổng thể các công trình thủy lợi trong vùng tưới PRPT (Xem Tài liệu đính kèm 7.4)</p> |
| <p>Kết quả đầu ra 3</p> <p>3. Năng lực quản lý nước tổng thể trong vùng tưới PR-PT được tăng cường.</p> | <p>3.1 Trên 70% cán bộ liên quan đến Dự án tưới PR-PT thuộc IMC, IME, Sở NN nắm được nội dung tập huấn.</p> | <p>3.1 Theo kết quả khảo sát ý kiến sau lớp tập huấn quản lý nước, 77% cán bộ trả lời nắm bắt được nội dung tập huấn và sẽ áp dụng vào hoạt động công việc trong tương lai.</p> |

| | | |
|--|---|--|
| <p>Kết quả đầu ra 4 4. Năng lực nhân rộng mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại kênh tưới cấp 3 (kênh nội đồng) cho toàn bộ vùng tưới PRPT được tăng cường.</p> | <p>4.1 Hai cán bộ trạm khuyến nông Bắc Bình hướng dẫn nông dân trong các cuộc tập huấn về cây trồng cạn do Dự án giới thiệu. 4.2 Nhiều nông dân có thể hướng dẫn cho nhau về cây trồng cạn do Dự án giới thiệu.</p> | <p>4.1 Hai cán bộ Trung tâm KT&DVNN huyện Bắc Bình (trước đây là Trạm KN) đã 5 lần đứng lớp hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây trồng cạn cho nông dân trong các buổi tập huấn 4.2 Trong số 23 nông dân tham gia trồng cây trồng cạn, có 15 nông dân đã hướng dẫn kỹ thuật canh tác cho các hộ lân cận</p> |
|--|---|--|

Nguồn: Nhóm thực hiện dự án JICA.

4.5. Đề xuất nhằm hoàn thành mục tiêu dự án

Mục tiêu dự án đã không đạt được trong thời gian thực hiện dự án, nguyên nhân chính là do nông dân còn thiếu kinh nghiệm canh tác, khoảng cách đi lại xa từ nơi ở của người dân đến đất canh tác dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, chăm sóc cây trồng. Ngoài ra, người dân chưa có kinh nghiệm bán nông sản ra thị trường nên còn nhiều vấn đề khó khăn trong việc thu lợi nhuận từ bán sản phẩm cây trồng mới. Do đó, phía Việt Nam cần có những hỗ trợ người dân trong việc bán nông sản đối với các loại cây trồng mới.

Phía Việt Nam cần tiếp tục triển khai các hoạt động sau khi dự án kết thúc như đối với các loại cây trồng cạn mới, cần thúc đẩy việc kết nối nông dân và đơn vị thu mua chế biến nông sản; đối với canh tác bậc hà, cần xây dựng cơ chế sản xuất và cung ứng giống, đồng thời xác lập phương thức và giá cả thu mua phù hợp với lợi ích của cả người dân và doanh nghiệp Việt Nam. Nhóm thực hiện dự án đã biên soạn Kế hoạch hoạt động sau khi dự án kết thúc (bản thảo) (Xem Tài liệu đính kèm 9.4) và trình cho phía Việt Nam trong cuộc họp JCC lần 6 để thảo luận cho ý kiến dựa trên bản thảo này. Đối với đề xuất này, Phía Việt Nam thống nhất sẽ thành lập một đơn vị thực hiện mới, nhằm triển khai các hoạt động dựa trên nội dung đề xuất của nhóm thực hiện dự án.

CHƯƠNG 5. ĐỀ XUẤT HƯỚNG TỐI MỤC TIÊU TỔNG THỂ

Dưới đây là những đề xuất dựa trên bài học rút ra từ những hoạt động của dự án dành cho Sở NN&PTNT là đơn vị thực hiện các hoạt động sau khi dự án kết thúc.

5.1. Đảm bảo kinh phí và hoạt động cụ thể

Nhóm tư vấn dự án đã iên soạn Kế hoạch hoạt động nhằm duy trì các hoạt động sau khi dự án kết thúc. Tuy nhiên, đơn vị thực hiện là BQL dự án cũng sẽ giải tán sau khi dự án kết thúc, do đó cần thành lập một đơn vị thực hiện mới thay thế. Trong thời gian sắp tới, hy vọng phía đối tác Việt Nam sẽ thiết lập một hệ thống trong đó có sự tham gia một đơn vị chủ chốt cùng các bên liên quan, từ đó lập kế hoạch hoạt động cụ thể.

Nhằm hoàn thành mục tiêu tổng thể, đơn vị thực hiện mới được thành lập phải phát huy hiệu quả vai trò của mình trong việc triển khai cụ thể các hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động chi tiết do phía Việt Nam đề ra. Hơn nữa, để triển khai kế hoạch hoạt động này cần đảm bảo nguồn kinh phí nhất định. Trong thời gian thực hiện dự án, Trung tâm Khuyến nông – đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT – đã sử dụng nguồn kinh phí từ “Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới” để triển khai các mô hình nhân rộng bạc hà, trong đó có hỗ trợ chi phí giống và vật tư nông nghiệp. Theo đó, trong tương lai phía Việt Nam cần tiếp tục đề xuất nguồn kinh phí này để duy trì hoạt động nhân rộng.

Tuy nhiên, nguồn kinh phí hỗ trợ nói trên chỉ dừng lại ở giai đoạn canh tác cây trồng, nhìn từ quan điểm mục tiêu của dự án là nâng cao thu nhập từ cây trồng, chúng tôi nhận thấy chưa có những hỗ trợ đầy đủ, thiết thực cho giai đoạn bán nông sản. Do vậy, phía Việt Nam cần tạo thêm nhiều cơ hội tiếp cận, kết nối, trao đổi thông tin.. giữa doanh nghiệp/ thương lái thu mua, phân phối, chế biến nông sản và người sản xuất (nông dân) thông qua các chương trình tập huấn, đào tạo... và phải đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động ổn định, liên tục.

5.2. Đào tạo nguồn nhân lực trong hoạt động nhân rộng

Cơ quan, tổ chức được phân công làm đơn vị thực hiện, cụ thể hóa kế hoạch hoạt động sau khi dự án kết thúc sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai hoạt động của dự án. Đơn vị thực hiện này cần nắm bắt những hoạt động dự án đã triển khai, dựa trên những bài học kinh nghiệm đã đúc kết được, tiếp tục triển khai hoạt động cụ thể, trong đó hoạt động nhân rộng mô hình đóng vai trò chính yếu. Mặt khác, để triển khai hoạt động nhân rộng cây trồng cận cho vùng tưới, số lượng cán bộ phụ trách nông nghiệp, khuyến nông hiện nay chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Như trong chương 1 đã nêu, cán bộ khuyến nông cấp huyện đóng vai trò chủ chốt trong việc nhân rộng cây trồng cận, tuy nhiên hiện nay chỉ có 2 cán bộ huyện được biên chế phụ trách mảng khuyến nông. Do đó, để triển khai nhân rộng cây trồng cận trong tương lai, cần có sự phối kết hợp nhân sự giữa các cơ quan khuyến nông và cơ quan liên quan đến BVTV. Cán bộ nông nghiệp tại UBND các xã hiện đang đóng vai trò hỗ trợ các cơ quan khuyến nông cấp tỉnh, huyện; nhưng khi nhân rộng cây trồng ở quy mô lớn trong tương lai, cần bổ sung thêm số lượng cán bộ phụ trách. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát kết thúc dự án cho thấy đã có sự giao lưu, hỗ trợ lẫn nhau mặt kỹ thuật giữa các hộ nông dân tham gia canh tác thử nghiệm trong

chương trình của dự án; vì vậy trong tương lai cần tiếp tục sử dụng và đào tạo những hộ nông dân này để phát huy hiệu quả nhân rộng. Cần kết hợp giữa đào tạo nhân lực và sử dụng các loại tài liệu hướng dẫn do dự án biên soạn để tập huấn về kỹ thuật và tăng cường khả năng bán nông sản của người dân.

Ngoài ra, mô hình thử nghiệm tại KTĐ 2 đã được bàn giao cho Trung tâm KT&DVNN huyện quản lý, do đó trong tương lai cần tiếp tục sử dụng mô hình để tổ chức tập huấn, phổ biến kỹ thuật canh tác... Trung tâm Khuyến nông tỉnh nên lập kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo cán bộ phụ trách nông nghiệp cho cấp huyện, cấp xã.

Về nhân rộng bạc hà, các cơ quan chuyên trách trong hệ thống khuyến nông cùng với doanh nghiệp Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc nhân rộng mô hình cho người dân. Trong tương lai, cần duy trì cơ chế liên lạc, phối hợp, thảo luận giữa các bên liên quan để hoàn thiện hệ thống nhân rộng canh tác.

5.3. Vai trò của các đối tác khối tư nhân trong dự án

Các đối tác khối tư nhân đã tích cực tham gia vào các hoạt động của dự án. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện dự án, vai trò và trách nhiệm của khu vực tư nhân (Doanh nghiệp Việt Nam hoạt động tại KTĐ 1 của dự án) không được định nghĩa rõ ràng, minh bạch nên kết quả và mục tiêu của khối tư nhân đã không được nhận thức rõ ràng. Do đó, nhằm hướng tới mục tiêu tổng thể, trong các hoạt động triển khai sau khi dự án kết thúc, cần định nghĩa rõ ràng và phân công nhiệm vụ hoạt động của khối tư nhân trong điều khoản tham chiếu (TOR).

5.4. Sự cần thiết nâng cao năng lực cộng đồng

Để đảm bảo sự hỗ trợ kỹ thuật lâu dài từ việc xây dựng các công trình thủy lợi đến sử dụng hiệu quả các công trình, cần xác nhận quan điểm phát triển của chính quyền địa phương các cấp huyện, xã và quan điểm của cộng đồng người hưởng lợi trong khu vực. Dự án này ban đầu được bắt đầu với mục đích xây dựng các công trình thủy lợi (vốn vay) và quản lý nước, đến nay đã trải qua 20 năm từ khi lập kế hoạch xây dựng và hoàn thành thiết kế. Trong dự án này, trọng tâm là sử dụng hiệu quả các cơ sở hạ tầng được xây dựng bằng vốn vay, nhưng trong quá trình thực hiện dự án, có rất ít khảo sát về vai trò và nhu cầu thực tế của cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, những khảo sát này rất cần thiết để lập kế hoạch và thực hiện dự án hiệu quả. Để đạt được mục tiêu chung, điều quan trọng là phải có một kế hoạch rõ ràng để hỗ trợ và hướng dẫn các nông dân hưởng lợi mục tiêu nhằm nâng cao năng lực của nông dân hưởng lợi từ dự án.

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT, GIAI ĐOẠN 2
TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM BÁO CÁO KẾT THÚC DỰ ÁN

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 1. PDM (BẢN MỚI NHẤT)

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 2. SƠ ĐỒ TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHI TIẾT (PO)

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 4. BIỂU THỜI GIAN CHUYÊN GIA TƯ VẤN LÀM VIỆC TẠI DỰ ÁN (THEO TỪNG GIAI ĐOẠN)

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 5. KẾT QUẢ TỔ CHỨC TẬP HUẤN

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 6. BIÊN BẢN CUỘC HỌP BAN ĐIỀU PHỐI CHUNG (JCC) V.V

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 7. CÁC TÀI LIỆU, BÁO CÁO KỸ THUẬT (HƯỚNG DẪN)

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 8. TÀI LIỆU BỔ SUNG CHO PHẦN BÁO CÁO CHÍNH

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 9. KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

【TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 7. CÁC TÀI LIỆU, BÁO CÁO KỸ THUẬT】

7.1. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ CANH TÁC TẠI KHU THÍ ĐIỂM

7.2. HỆ THỐNG TƯỚI NỘI ĐỒNG TRONG KHU THÍ ĐIỂM

7.3. KẾ HOẠCH TRỒNG TRỌT TỔNG THỂ CHO VÙNG TƯỚI PR-PT

7.4. KẾ HOẠCH TƯỚI TỔNG THỂ CHO VÙNG TƯỚI PR-PT

7.5. CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU TẬP HUẤN VỀ QUẢN LÝ NƯỚC

7.6. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT CANH TÁC VÀ HƯỚNG DẪN NHÂN RỘNG CÂY TRỒNG

【TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 8. TÀI LIỆU BỔ SUNG CHO PHẦN BÁO CÁO CHÍNH】

8.1. BẢNG MẪU NHẬP LIỆU BÁO CÁO NGÀY

8.2. BẢNG MẪU TỔNG KẾT BÁO CÁO THÁNG

8.3. BẢNG ĐỐI CHIẾU THUỐC BVTV PHÙ HỢP CÓ BÁN TẠI TP. PHAN THIẾT

8.4. GIÁ BÁN CÁC LOẠI NÔNG SẢN

8.5. HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA HỘ NÔNG DÂN TỪ CANH TÁC THỬ NGHIỆM CÂY TRỒNG MỚI

【TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 9. KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC】

9.1. BÁO CÁO KHẢO SÁT KẾT THÚC DỰ ÁN

9.2. TÀI LIỆU THUYẾT MINH DỰ ÁN

9.3. ẨM PHẨM DÀNH CHO NÔNG DÂN

9.4. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG (BẢN THẢO)

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 1. MA TRẬN THIẾT KẾ DỰ ÁN (PDM)

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 2. SƠ ĐỒ TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG (PO)

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 4. BIỂU THỜI GIAN CHUYÊN GIA TƯ
VẤN LÀM VIỆC TẠI DỰ ÁN (THEO TỪNG GIAI ĐOẠN)

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 5. KẾT QUẢ TỔ CHỨC TẬP HUẤN

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 6. BIÊN BẢN CUỘC HỌP BAN ĐIỀU PHỐI
CHUNG (JCC) V.V

Sơ đồ Ma trận thiết kế Dự án

Tên Dự án: Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí – Phan Thiết giai đoạn II

Phiên bản số 5

Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Thuận

Ngày 26/10/2018

Nhóm đối tượng hưởng lợi: Các cán bộ cấp Tỉnh, Huyện, Xã (Sở Nông nghiệp, UBND huyện, UBND xã). Cán bộ Công ty khai thác công trình thủy lợi (IMC/IME) và người dân canh tác trong các khu thí điểm

Thời gian thực hiện Dự án: 3 năm, từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 11 năm 2019 (Chuyên gia Nhật đến Việt Nam vào tháng 11 năm 2015) (+ 9 tháng gia hạn)

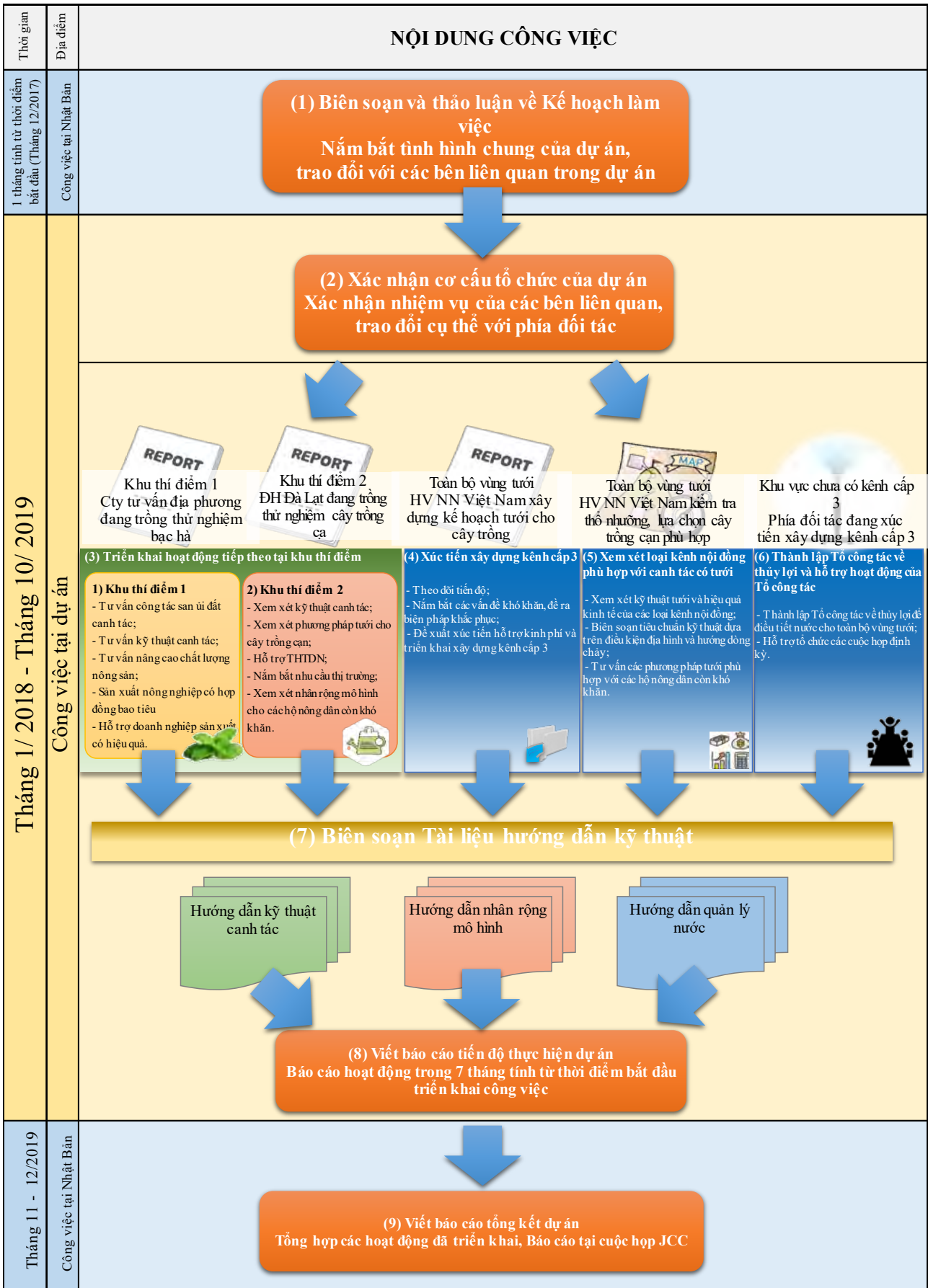
Địa điểm thực hiện: Huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

Khu vực thực hiện mô hình: Xã Sông Bình và Bình An trong vùng tưới của Dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết (10.500ha)

| Mô tả tổng quát | Chỉ số đánh giá | Phương tiện đánh giá xác minh | Giả định quan trọng | Kết quả | Ghi chú |
|---|---|--|--|--|---------|
| Mục tiêu tổng thể Kết quả của dự án tưới Phan Rí – Phan Thiết (PRPTIP) được nâng cao. | 1. Các kênh cấp 3 trong 274 khu tưới cấp 3 được vận hành và bảo dưỡng đúng cách (trên cả diện tích 10.500ha) 2. Cây trồng cạn được canh tác trên diện tích 70ha trong vùng tưới PRPT. | Các báo cáo của Dự án tưới PRPT Phòng vấn Sở Nông nghiệp & PTNT Phòng vấn Tổ h p tác dùng nước (mẫu) Số liệu thống kê của Sở Nông nghiệp & PTNT | | | |
| Mục đích Dự án Phương pháp nhân rộng hệ thống quản lý nước hiệu quả trong vùng tưới Phan Rí Phan Thiết, bao gồm cả tưới tiêu cho cây trồng cạn dựa trên kế hoạch mùa vụ thích hợp, được xây dựng. | 1. 20 Nông dân(*) bán sản phẩm và có lợi nhuận từ việc canh tác cây trồng do Dự án giới thiệu. | Báo cáo Dự án, phỏng vấn hộ dân | 1. Chính sách quốc gia và cấp tỉnh về nông nghiệp và phát triển nông thôn cho khu vực PRPT không thay đổi đáng kể. 2. Các cán bộ được đào tạo tiếp tục phục vụ ở các vị trí tương ứng của họ. 3. Thời tiết khắc nghiệt không xảy ra liên tiếp. 4. Tất cả các kênh cấp 3 trong vùng tưới PRPT được xây dựng 5. Công tác vận hành bảo dưỡng kênh cấp 3 được thực hiện bởi Tổ HTDN đã trồng lúa | | |
| Kết quả đầu ra 1. Các mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại hệ thống kênh cấp 3 (Kênh nội đồng) được phát triển. 2. Kế hoạch quản lý nước tổng thể cho vùng tưới Phan Rí Phan Thiết được xây dựng. 3. Năng lực quản lý nước tổng thể trong vùng tưới PRPT được tăng cường. 4. Năng lực nhân rộng mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại kênh tưới cấp 3 (kênh nội đồng) cho toàn bộ vùng tưới PRPT được tăng cường. | 1.1 Thực hành canh tác tưới tiêu cho cây màu được triển khai tại các khu thí điểm. 1.2 Các kênh cấp 3 được WUG vận hành và bảo dưỡng đúng cách 2.1 Kế hoạch vận hành, bảo dưỡng tổng thể các công trình thủy lợi trong vùng tưới PRPT được soạn thảo. 3.1 Trên XX% cán bộ liên quan đến Dự án tưới PRPT thuộc IMC, IME, Sở NN&PTNT nắm được nội dung tập huấn. 4.1 Hai cán bộ trạm khuyến nông Bắc Bình hướng dẫn nông dân trong các buổi tập huấn về cây trồng cạn do Dự án giới thiệu. 4.2 Nông dân được tập huấn hiểu được kỹ thuật canh tác một số cây trồng cạn do Dự án giới thiệu và có thể hướng dẫn cho nhau. | 1.1 Báo cáo Dự án 1.2 Báo cáo Dự án (Ghi chép công việc, phân công cán bộ) 2.1 Kế hoạch vận hành, bảo dưỡng các công trình thủy lợi 3.1 Biên bản kiểm tra, báo cáo Dự án 4.1 Phòng vấn cán bộ Trạm khuyến nông, báo cáo Dự án, các tài liệu hướng dẫn được biên soạn hoàn chỉnh. 4.2 Phỏng vấn hộ dân | 1. Nguồn nhân lực và vốn đối ứng bố trí cho công tác nhân rộng, phổ biến mô hình được đảm bảo bởi các tổ chức có trách nhiệm. 2. Nhân sự được phân công của phía đối tác tích cực tham gia các hoạt động Dự án. 3. Các thông số quy hoạch của vùng tưới PRPT không thay đổi lớn. 4. Thời tiết khắc nghiệt không xảy ra liên tiếp. 5. Không có tranh chấp hoặc xung đột lớn xảy ra giữa các nông dân tại các khu vực thí điểm. 6. Giá nông sản (cây trồng cạn) không giảm mạnh | Tất cả các khu thí điểm làm mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn đã được xây dựng. Tất cả các WUG đã được thành lập và tổ chức các hội thảo về quản lý nước. Tổ khuyến nông đã được thành lập và đang tổ chức các buổi hội thảo cho cán bộ đối tác và nông dân. Kế hoạch mùa vụ cây trồng cạn tạm thời đã được xây dựng. | |

| Hoạt động | Đầu vào | | Giả định quan trọng |
|--|--|--|--|
| | Phía Nhật Bản | Phía Việt Nam | |
| 1-1 Lựa chọn khu thí điểm. 1-2 Tiến hành khảo sát cơ bản về thực trạng trong khu thí điểm. 1-3 Thành lập Tổ hợp tác dùng nước (WUG) cho mỗi khu thí điểm. 1-4 Xây dựng kế hoạch mùa vụ cho khu thí điểm với sự tham gia của WUG. 1-5 Lựa chọn phương pháp tưới tiêu cho cây trồng cạn phù hợp cho mỗi khu thí điểm. 1-6 Điều chỉnh thiết kế và xây dựng kênh cấp 3 trong khu thí điểm với sự hỗ trợ của WUG. 1-7 Giám sát vận hành và bảo dưỡng kênh cấp 3 bởi WUG. 1-8 Thực hành canh tác cây trồng cạn có tưới tại khu thí điểm cho WUG/người dân. 1-9 Cung cấp hỗ trợ tư vấn cần thiết cho các công ty tư nhân về việc sản xuất, mua bán sản phẩm cây trồng cạn được Dự án giới thiệu. 1-10 Chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm quản lý nước và trồng trọt 2-1 Xây dựng kế hoạch mùa vụ cho toàn bộ vùng quy hoạch cây trồng cạn trong vùng tưới PRPT. 2-2 Xây dựng kế hoạch tưới tiêu tổng thể cho vùng tưới PRPT có xem xét đến việc tiết kiệm nước bằng cách áp dụng phương pháp tưới phù hợp cho cây trồng cạn và tận dụng các hồ chứa hiện có. 2-3 Xây dựng kế hoạch tổng thể cho công tác vận hành và bảo dưỡng các công trình thủy lợi trong vùng tưới PRPT. 3-1 Thành lập Ban chỉ đạo nâng cao năng lực quản lý nguồn nước vùng tưới PRPT, bao gồm các WUG, IMC, IME, UBND xã, Sở Nông nghiệp v.v... 3-2 Chuẩn bị chương trình và tài liệu tập huấn để chia sẻ thông tin và kỹ thuật quản lý nước. 3-3 Tổ chức hội thảo cho những thành viên Tổ chức quản lý nước. 3-4 Giám sát việc vận hành và bảo dưỡng trong vùng tưới PRPT dựa trên kế hoạch tưới tiêu có xem xét nhu cầu nước của mỗi WUG. 4-1 Biên soạn các hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo nhằm phát triển hệ thống quản lý nước hiệu quả. 4-2 Tiến hành tập huấn cho tập huấn viên (Hợp cán bộ khuyến nông, tập huấn trong nước cho nông dân) | 1. Cử chuyên gia dài hạn (1) Cố vấn trưởng/quản lý nước/ các vấn đề về môi trường và xã hội (2) Chuyên gia về tưới tiêu cho cây trồng cạn (3) Điều phối Dự án/Phổ biến nhân rộng/ Phát hành 2. Cử chuyên gia ngắn hạn (1) Khuyến nông (cây trồng cạn) (2) Chuyên gia về các lĩnh vực khác nếu cần 3. Tập huấn cho cán bộ Việt Nam 4. Cung cấp trang thiết bị 5. Chi phí tại địa phương (Hội thảo, tập huấn, xây dựng mô hình tại khu thí điểm v.v.) | 1. Cử nhân sự phía đối tác (Sở Nông nghiệp, UBND huyện, UBND xã, Công ty/xí nghiệp khai thác công trình Thủy lợi v.v... 2. Cung cấp văn phòng làm việc và các tiện nghi 3. Bố trí kinh phí đối ứng | 1. Nhân sự phía đối tác được phân công phù hợp. Điều kiện tiên quyết Vùng tưới Phan Rí - Phan Thiết được đảm bảo là đất sản xuất nông nghiệp. <Các vấn đề và giải pháp> |

Dự án Phát triển nông nghiệp vùng tưới PR-PT BẢN TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG



Kế hoạch Hoạt động

Phiên bản 2

Ngày 3/11/2016

Giám sát

Tên Dự án: Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát triển nông nghiệp vùng tưới Phan Ri – Phan Thiết giai đoạn II

Table with columns: Năm (1-10), Ghi chú, Các vấn đề, Giải pháp. Rows include: Đầu vào, Chuyên gia, Trang thiết bị, Tập huấn tại Nhật Bản, Tập huấn trong nước/đào tạo tại nước thứ ba.

Hoạt động

Chỉ tiết hoạt động

Đầu ra 1: Các mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại hệ thống kênh cấp 3 (kênh nội đồng) được phát triển.

Table with columns: Năm (1-10), Đơn vị chịu trách nhiệm (Nhật Bản, Việt Nam), Kết quả, Vấn đề và giải pháp. Rows include: 1-1 Lựa chọn khu thí điểm, 1-2 Tiến hành khảo sát cơ sở về thực trạng, 1-3 Thành lập Tổ hợp tác dùng nước (WUG) cho mỗi khu thí điểm, 1-4 Xây dựng kế hoạch mùa vụ cho khu thí điểm, 1-5 Lựa chọn phương pháp tưới tiêu cho cây trồng cạn, 1-6 Điều chỉnh thiết kế và xây dựng kênh cấp 3, 1-7 Giám sát vận hành và bảo dưỡng kênh cấp 3, 1-8 Thực hành canh tác cây trồng cạn có tưới, 1-9 Tổ chức hội thảo cho người dân.

Đầu ra 2: Kế hoạch quản lý nước tổng thể cho vùng tưới PRPT được xây dựng.

Table with columns: Năm (1-10), Đơn vị chịu trách nhiệm, Kết quả, Vấn đề và giải pháp. Rows include: 2-1 Xây dựng kế hoạch trồng trọt cho toàn bộ vùng quy hoạch, 2-2 Xây dựng kế hoạch tưới tiêu tổng thể, 2-3 Xây dựng kế hoạch tổng thể cho công tác vận hành và bảo dưỡng các công trình thủy lợi.

Đầu ra 3: Năng lực quản lý nước tổng thể trong vùng tưới PRPT được tăng cường.

Table with columns: Năm (1-10), Đơn vị chịu trách nhiệm, Kết quả, Vấn đề và giải pháp. Rows include: 3-1 Thành lập tổ chức quản lý nước cho toàn khu tưới PRPT, 3-2 Chuẩn bị chương trình và tài liệu tập huấn, 3-3 Tổ chức hội thảo cho những thành viên Tổ chức quản lý nước, 3-4 Giám sát việc vận hành và bảo dưỡng trong vùng tưới PRPT.

Đầu ra 4: Năng lực phổ biến nhân rộng mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại kênh tưới cấp 3 (kênh nội đồng) cho toàn bộ vùng tưới PRPT được tăng cường.

Table with columns: Năm (1-10), Đơn vị chịu trách nhiệm, Kết quả, Vấn đề và giải pháp. Rows include: 4-1 Tổng hợp và xem xét những kinh nghiệm thu được từ hoạt động 1, 2 và 3, 4-2 Biên soạn các hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo nhằm phát triển hệ thống quản lý nước hiệu quả.

Thời gian thực hiện/ Giai đoạn

Table with columns: Năm (1-10), Ghi chú, Các vấn đề, Giải pháp. Rows include: Kế hoạch, Thực hiện.

Kế hoạch giám sát

Table with columns: Năm (1-10), Ghi chú, Các vấn đề, Giải pháp. Rows include: Ban điều phối chung, Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết, Trình bày giám sát, Đoàn giám sát từ Nhật Bản, Cùng giám sát, Giám sát sau Dự án, Báo cáo tài liệu, Báo cáo kết thúc Dự án, Quan hệ công chúng, Thông cáo báo chí.

Kế hoạch Hoạt động

Phiên bản 3
Ngày 30/5/2017

Tên Dự án: Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí – Phan Thiết giai đoạn II

| Đầu vào | | Giám sát | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ghi chú | Các vấn đề | Giải pháp | |
|--|--|-------------------------|--|--|--|-------|--|--|--|-------|--|--|--|-------|--|--|--|-------|--|--|--|-------|--|--|--|-------|--|--|--|------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------------|
| | | Năm 1 | | | | Năm 2 | | | | Năm 3 | | | | Năm 4 | | | | Năm 5 | | | | Năm 6 | | | | Năm 7 | | | | | | | |
| | | Đơn vị chịu trách nhiệm | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Kết quả | Vấn đề và giải pháp | | |
| | | Nhật Bản / Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Chuyên gia | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cố vấn trưởng/quản lý nước/ các vấn đề về môi trường và xã hội | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tưới tiêu cây trồng cạn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Điều phối viên Dự án/ Phó biến nhân rộng/ Phát hành | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khuyến nông (Tưới tiêu cây trồng cạn) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trang thiết bị | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tập huấn tại Nhật | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Quản lý tưới tiêu cho cây trồng cạn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tập huấn trong nước/đào tạo tại các thứ ba | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tham quan học tập các Dự án khác của JICA (VD. Lâm Đồng và Nghệ An) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hoạt động | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Chi tiết hoạt động | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Đầu ra 1: Các mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại hệ thống kênh cấp 3 (kênh nội đồng) được phát triển. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1-1 Lựa chọn khu thí điểm. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL | Đã hoàn thành | |
| 1-2 Tiến hành khảo sát cơ sở về thực trạng trong khu thí điểm. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Huyện Bắc Bình + xã | Đã hoàn thành | |
| 1-3 Thành lập Tổ hợp tác dùng nước (WUG) cho mỗi khu thí điểm. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | xã +IME | Đang triển khai | Chậm tiến độ <bổ sung thành viên BQL> |
| 1-4 Xây dựng kế hoạch mùa vụ cho khu thí điểm với sự tham gia của WUG. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Trung tâm khuyến nông | Đang triển khai | Chậm tiến độ <bổ sung thành viên BQL> |
| 1-5 Lựa chọn phương pháp tưới tiêu cho cây trồng cạn phù hợp cho mỗi khu thí điểm. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Trung tâm khuyến nông | Đang triển khai | Chậm tiến độ <bổ sung thành viên BQL> |
| 1-6 Điều chỉnh thiết kế và xây dựng kênh cấp 3 trong khu thí điểm với sự hỗ trợ của WUG. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME | Đang triển khai | |
| 1-7 Giám sát vận hành và bảo dưỡng kênh cấp 3 bởi WUG. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | IME | Đang triển khai | |
| 1-8 Thực hành canh tác cây trồng cạn có tưới tại khu thí điểm cho WUG/người dân. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Trung tâm khuyến nông | Đang triển khai | |
| 1-9 Tổ chức hội thảo cho người dân đang canh tác trong vùng tưới PRPT để chia sẻ kiến thức và kỹ thuật về quản lý nước cũng như phương pháp canh tác. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME | Đang triển khai | |
| Đầu ra 2: Kế hoạch quản lý nước tổng thể cho vùng tưới PRPT được xây dựng. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2-1 Xây dựng kế hoạch trồng trọt cho toàn bộ vùng quy hoạch cây trồng cạn trong vùng tưới PRPT. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Trung tâm khuyến nông | Đã hoàn thành | |
| 2-2 Xây dựng kế hoạch tưới tiêu tổng thể cho vùng tưới PRPT có xem xét đến việc tiết kiệm nước bằng cách áp dụng phương pháp tưới phù hợp cho cây trồng cạn và tận dụng các hồ chứa hiện có. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | IMC +IME +Trung tâm khuyến nông | Đang triển khai | |
| 2-3 Xây dựng kế hoạch tổng thể cho công tác vận hành và bảo dưỡng các công trình thủy lợi trong vùng tưới PRPT. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | IMC +IME | Chưa thực hiện | |
| Đầu ra 3: Năng lực quản lý nước tổng thể trong vùng tưới PRPT được tăng cường. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3-1 Thành lập tổ chức quản lý nước cho toàn khu tưới PRPT, bao gồm các WUG, IMC, IME, UBND xã, Sở nông nghiệp v.v... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | UBND Bắc Bình | Chưa thực hiện | |
| 3-2 Chuẩn bị chương trình và tài liệu tập huấn để chia sẻ thông tin và kỹ thuật quản lý nước. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME | Chưa thực hiện | |
| 3-3 Tổ chức hội thảo cho những thành viên Tổ chức quản lý nước. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME | Chưa thực hiện | |
| 3-4 Giám sát việc vận hành và bảo dưỡng trong vùng tưới PRPT dựa trên kế hoạch tưới tiêu có xem xét nhu cầu nước của mỗi WUG. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | IME | Chưa thực hiện | |
| Đầu ra 4: Năng lực phổ biến nhân rộng mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tại kênh tưới cấp 3 (kênh nội đồng) cho toàn bộ vùng tưới PRPT được tăng cường. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4-1 Tổng hợp và xem xét những kinh nghiệm thu được từ hoạt động 1, 2 và 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL+ | Chưa thực hiện | |
| 4-2 Biên soạn các hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo nhằm phát triển hệ thống quản lý nước hiệu quả. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME +Trung tâm khuyến nông | Chưa thực hiện | |
| Thời gian thực hiện / Giai đoạn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Kế hoạch giám sát | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Giám sát | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban điều phối chung | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trình bản giám sát | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Đoàn giám sát từ Nhật Bản | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cùng giám sát | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Giám sát sau Dự án | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Báo cáo/tài liệu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Báo cáo kết thúc Dự án | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Quan hệ công chúng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thông cáo báo chí | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Kế hoạch H ạ động

Phiên bản 4
Ngày 22/3/2018

Tên Dự án: Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát triển nông nghiệp vùng tưới Phan Ri – Phan Thiết giai đoạn II

| Đầu vào | Năm | Năm 1 | | | | Năm 2 | | | | Năm 3 | | | | Năm 4 | | | | Năm 5 | | | | Năm 6 | | | | Năm 7 | | | | Ghi chú | Các vấn đề | Giải pháp |
|--|------------|----------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|---------|------------|-----------|
| | | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | | | |
| | | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Chuyên gia | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cố vấn trưởng/quản lý nước/ các vấn đề về môi trường và xã hội | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tưới tiêu cây trồng cạn | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Điều phối viên Dự án/ Phó biến nhân rộng/ Phát hành | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khuyến nông (Tưới tiêu cây trồng cạn) | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trang thiết bị | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổ huấn tạ Nhậ Bản | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổ huấn trong nước đào tạ tạ nước thứ ba | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Hoạt động | Năm | Năm 1 | | | | Năm 2 | | | | Năm 3 | | | | Năm 4 | | | | Năm 5 | | | | Năm 6 | | | | Năm 7 | | | | Đơn vị chịu trách nhiệm | Kết quả | Vấn đề và giải pháp |
|-----------|-----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|----------|----------|--|--|-------------------------|---------|---------------------|
| | | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | Nhật Bản | Việt Nam | | | | | |

Đầu ra 1: Các mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tạ hệ thống kênh cấp 3 (kênh nội đồng) được phát triển .
:The upper row shows pilot site 1, lower shows pilot site 2?

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|------------|-----------------------|-----------------|---------------------------------------|
| 1-1 Lựa chọn khu thí điểm. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL | Đã hoàn thành | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1-2 Tiến hành khảo sát cơ sở về thực trạng trong khu thí điểm. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Huyện Bắc Bình + xã | Đã hoàn thành | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1-3 Thành lập Tổ hợp tác dùng nước (WUG) cho mỗi khu thí điểm. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | xã +IME | Đã hoàn thành | Chậm tiến độ <bổ sung thành viên BQL> |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1-4 Xây dựng kế hoạch mùa vụ cho khu thí điểm với sự tham gia của WUG. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Trung tâm khuyến nông | Đang triển khai | Chậm tiến độ <bổ sung thành viên BQL> |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1-5 Lựa chọn phương pháp tưới tiêu cho cây trồng cạn phù hợp cho mỗi khu thí điểm. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Trung tâm khuyến nông | Đang triển khai | Chậm tiến độ <bổ sung thành viên BQL> |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1-6 Điều chỉnh thiết kế và xây dựng kênh cấp 3 trong khu thí điểm với sự hỗ trợ của WUG. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME | Đã hoàn thành | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1-7 Giám sát vận hành và bảo dưỡng kênh cấp 3 bởi WUG. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | IME | Đang triển khai | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1-8 Thực hành canh tác cây trồng cạn có tưới tại khu thí điểm cho WUG/người dân. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Trung tâm khuyến nông | Đang triển khai | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1-9 Tổ chức hội thảo cho cán bộ khuyến Nông xã, trưởng thôn, Chủ tịch hội Nông dân xã, Chủ tịch mặt trận xã trong vùng tưới PRPT để chia sẻ kiến thức và kỹ thuật về quản lý nước cũng như phương pháp canh tác. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME | Đang triển khai | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Đầu ra 2: Kế hoạch quản lý nước tổng thể cho vùng tưới PRPT được xây dựng.

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 2-1 Xây dựng kế hoạch trồng trọt cho toàn bộ vùng quy hoạch cây trồng cạn trong vùng tưới PRPT. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | Trung tâm khuyến nông | Đang triển khai | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2-2 Xây dựng kế hoạch tưới tiêu tổng thể cho vùng tưới PRPT có xem xét đến việc tiết kiệm nước bằng cách áp dụng phương pháp tưới phù hợp cho cây trồng cạn và tận dụng các hồ chứa hiện có. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | IMC +IME +Trung tâm khuyến nông | Đang triển khai | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2-3 Xây dựng kế hoạch tổng thể cho công tác vận hành và bảo dưỡng các công trình thủy lợi trong vùng tưới PRPT. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | IMC +IME | Chưa thực hiện | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Đầu ra 3: Năng lực quản lý nước tổng thể trong vùng tưới PRPT được tăng cường.

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|------------|---------------|----------------|--|
| 3-1 Thành lập tổ chức quản lý nước cho toàn khu tưới PRPT, bao gồm các WUG, IMC, IME, UBND xã, Sở nông nghiệp v.v... | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | UBND Bắc Bình | Đã hoàn thành | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3-2 Chuẩn bị chương trình và tài liệu tập huấn để chia sẻ thông tin và kỹ thuật quản lý nước. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME | Chưa thực hiện | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3-3 Tổ chức hội thảo cho những thành viên Tổ chức quản lý nước. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME | Chưa thực hiện | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3-4 Giám sát việc vận hành và bảo dưỡng trong vùng tưới PRPT dựa trên kế hoạch tưới tiêu có xem xét nhu cầu nước của mỗi WUG. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | IME | Chưa thực hiện | |
| | Điều chỉnh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Đầu ra 4: Năng lực phổ biến nhân rộng mô hình nông nghiệp có tưới cho cây trồng cạn tạ kênh tưới cấp 3 (kênh nội đồng) cho toàn bộ vùng tưới PRPT được tăng cường.

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|------------|---------------------------------|----------------|--|
| 4-1 Tổng hợp và xem xét những kinh nghiệm thu được từ hoạt động 1, 2 và 3 | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL+ | Chưa thực hiện | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4-2 Biên soạn các hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo nhằm phát triển hệ thống quản lý nước hiệu quả. | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chuyên gia | BQL +IME +Trung tâm khuyến nông | Chưa thực hiện | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Thời gian thực hiện/ iai đoạ

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Kế hoạch giám sát | Năm | Năm 1 | | | | Năm 2 | | | | Năm 3 | | | | Năm 4 | | | | Năm 5 | | | | Năm 6 | | | | Năm 7 | | | | Ghi chú | Các vấn đề | Giải pháp |
|---------------------------------------|----------|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|--|--|--|---------|------------|-----------|
| | | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | | | | | | | |
| Giám sát | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ban điều phối chung | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Xây dựng kế hoạch h hoạt động chi tiế | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trình bản giám sát | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Đoàn giám sát từ Nhậ Bản | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cùng giám sát | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Giám sát sau Dự án | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Báo cáo/tài liệu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Báo cáo kết thúc Dự án | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Quan hệ công chúng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thông cáo báo chí | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

KẾT QUẢ TỔ CHỨC TẬP HUẤN

| STT | Năm | Mục đích tập huấn | Địa điểm | Lịch trình | | Số người tham gia | Đối tượng tập huấn | Ghi chú |
|-----|------|--|----------|--------------|---------------|-------------------|---|---------|
| | | | | Ngày bắt đầu | Ngày kết thúc | | | |
| 1 | 2016 | Tham quan Đại học Đà Lạt và các mô hình hộ nông dân tiên tiến tại Đà Lạt nhằm nâng cao hiểu biết về các loại cây trồng cận mới | Việt Nam | 21/02/2016 | 23/02/2016 | 18 người | Phòng Nông nghiệp, Sở NN&PTNT, Trung tâm/ Trạm Khuyến nông, Phòng Nông nghiệp huyện Bắc Bình, cán bộ khuyến nông 8 xã vùng tưới PR-PT | |
| 2 | 2016 | Tiếp cận thực tế với canh tác nông nghiệp, hoạt động khuyến nông, bán nông sản, phương pháp tưới tại Nhật Bản, từ đó hiểu biết hơn về quan điểm của chuyên gia JICA cũng như phương hướng hoạt động của dự án, nhằm khuyến khích các cán bộ tham gia tích cực hơn vào các hoạt động của dự án tại địa phương | Nhật Bản | 03/09/2016 | 12/09/2016 | 11 người | Thành viên BQL dự án, Trợ lý văn phòng dự án | |
| 3 | 2017 | Nhằm giúp các cán bộ kỹ thuật liên quan cấp tỉnh, huyện nâng cao hiểu biết về kỹ thuật canh tác, phương pháp tưới cho cây trồng cận, cách quản lý nước có sự tham gia của người dân tại Nhật Bản | Nhật Bản | 01/07/2017 | 13/07/2017 | 13 người | Thành viên BQL dự án, Trợ lý văn phòng dự án | |
| 4 | 2018 | Tổ chức lớp tập huấn với sự tham gia của 2 giảng viên là ông Nguyễn Văn Hiến (Trung tâm KN-KN Bình Thuận) và ông Hoàng (Chỉ cục TT và BVTV Bình Thuận) với đề tài tập huấn là "Phân bón và thuốc BVTV" dành cho các đối tượng là cán bộ khuyến nông xã. Nội dung bài giảng gồm các kiến thức cơ bản về thổ nhưỡng, cách sử dụng phân bón và thuốc BVTV hợp lý v.v. | Việt Nam | 25/01/2018 | 26/01/2018 | 13 người | Cán bộ khuyến nông 8 xã vùng tưới PR-PT | |

Nguồn: Nhóm chuyên gia tư vấn dự án JICA.

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
GIỮA
CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN
VÀ
CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VỀ
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT,
GIAI ĐOẠN II
DO NHẬT BẢN TÀI TRỢ
(Cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ nhất)

Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (dưới đây gọi tắt là “JICA”) – Văn phòng tại Việt Nam và các cơ quan liên quan đã tiến hành cuộc họp thảo luận chi tiết kế hoạch của Dự án Phát Triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí – Phan Thiết, giai đoạn II (dưới đây được gọi tắt là “Dự án”).

Kết thúc cuộc thảo luận, Văn phòng đại diện JICA và các cơ quan liên quan đã đồng ý các nội dung đính kèm như là phụ lục cho Biên bản thảo luận (RD).

Bình Thuận, ngày 09 tháng 03 năm 2016



Ông KAKIOKA Naoki
Phó trưởng đại diện
Văn phòng tại Việt Nam
Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản



Ông NGUYỄN ĐỨC HÒA
Phó chủ tịch
Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận



Ông NGUYỄN HỮU PHƯỚC
Phó Giám đốc
Sở Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn
Bình Thuận

Chứng kiến

Ông Trần Kim Long

Vụ trưởng

Vụ hợp tác quốc tế

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa

Việt Nam

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

I MA TRẬN THIẾT KẾ DỰ ÁN (PDM) VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG (PO)

Hai bên đã đồng ý thông qua Ma trận thiết kế dự án đã điều chỉnh (sau đây gọi tắt là “PDM phiên bản 1” được thể hiện trong Phụ lục I và Kế hoạch Hành động (PO) theo các quy định của PDM phiên bản 1 được thể hiện trong Phụ lục II.

NỘI DUNG CUỘC HỌP

PHỤ LỤC I MA TRẬN THIẾT KẾ DỰ ÁN (PDM phiên bản 1)

PHỤ LỤC II KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG (PO)

NỘI DUNG CUỘC HỌP BAN ĐIỀU PHỐI LẦN THỨ NHẤT
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT,
GIAI ĐOẠN 2

Thực hiện nội dung Biên bản Thảo luận giữa cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và các cơ quan liên quan Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (UBND tỉnh Bình Thuận và Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận) được ký kết ngày 26/8/2015. Phía JICA đã cử 02 chuyên gia dài hạn bắt đầu làm việc từ 12/11/2015 để triển khai các hoạt động liên quan đến dự án. Được sự phê chuẩn của Chủ tịch Ban Điều phối Dự án (Phó Chủ tịch UBND tỉnh), ngày 09 tháng 03 năm 2016 tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Điều phối (JCC) Dự án Phát Triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí – Phan Thiết, Giai đoạn 2 (dưới đây được gọi tắt là “Dự án”) đã tiến hành phiên họp thứ nhất.

Thành phần tham dự cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ nhất gồm:

1. Ông Nguyễn Đức Hòa: Phó Chủ tịch UBND tỉnh – Chủ tịch Ban Điều phối chung – Chủ trì;
2. Mr. KAKIOKA Naoki : Phó trưởng đại diện văn phòng JICA tại Việt Nam
3. Ông YAMAMOTO Satoshi: Cố vấn trưởng về Nông nghiệp - Doanh nghiệp, Văn phòng JICA Việt Nam
4. Mr. UCHIUMI Susumu: Chuyên gia JICA - Bộ Nông nghiệp và PTNT
5. Ông YOSHII Kouji– Cố vấn trưởng , Chuyên gia JICA thuộc dự án TCP RPT GD II
6. Ông YANO Masahiko– Chuyên gia JICA thuộc dự án TCP RPT GD II
7. TERASHIMA Akio : Chuyên gia JICA thuộc dự án TCP RPT GD II
8. KOSUGE Takeharu: Điều phối viên, Chuyên gia JICA thuộc dự án TCP RPT GD II
9. Ông Nguyễn Hữu Phước - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận;
10. Ông Trần Ngọc Tân - Phó Chủ tịch UBND huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận;
11. Lãnh đạo và Cán bộ PMU: Ông Ngô Minh Trang và chuyên viên.

Diễn biến cuộc họp như sau:

- Ông Ngô Minh Trang – Phó giám đốc PMU trình bày những nội dung chủ yếu từ khi Dự án bắt đầu triển khai (ngày 12/11/2015) đến nay. Nội dung báo cáo của PMU gồm

những vấn đề chính sau:

+ Giới thiệu tổng quan về dự án giai đoạn 2:

+ Những hoạt động chính từ khi bắt đầu đến nay: Chuyên gia dài hạn Nhật Bản của JICA đã đến Bình Thuận từ ngày 12/11/2015 và Dự án bắt đầu triển khai; Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các quyết định thành lập Ban quản lý dự án, quyết định lãnh đạo PMU, các thành viên tham gia PMU; Ban lãnh đạo PMU đã tổ chức một số cuộc họp chuyên đề để trao đổi, thảo luận các hoạt động và kế hoạch với chuyên gia dài hạn Nhật Bản về các vấn đề có liên quan đến dự án: Chọn khu thí điểm, tổ chức kiểm tra hiện trường; đề xuất mô hình, tìm kiếm đối tác tham gia. Kết quả đạt được: Lựa chọn 01 khu thí điểm tại xã Bình An; chọn đối tác tham gia mô hình và ký kết hợp đồng khảo sát khu vực thí điểm; điều tra đánh giá về sở hữu chủ đất trong khu thí điểm, khảo sát thổ nhưỡng; Phân tích điều tra về cơ cấu cây trồng, thời vụ hiện trạng và các vấn đề khác về kinh tế, xã hội trong khu thí điểm

+ Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong ma trận thiết kế, kế hoạch hoạt động, các chỉ số đánh giá... so với Biên bản Thảo luận ngày 26/8/2015.

+ Đề xuất kế hoạch hoạt động (PO) trong 03 năm: Phân tích, bố trí lại PO và tiến độ thực hiện Dự án phù hợp với tình hình thực tế.

+ Kết luận và đề xuất lên JCC một số vấn đề tồn tại cần giải quyết.

Chủ tịch JCC đã chủ trì thảo luận các vấn đề liên quan, qua thảo luận và xem xét những đề xuất của PMU. JCC đã thống nhất những nội dung sau:

- Phê duyệt những nội dung của Ma trận thiết kế dự án (PDM) phiên bản 1 và Kế hoạch hoạt động (PO) theo PDM1.
- Chọn 1 khu thí điểm: Sau cuộc họp JCC, UBND tỉnh sẽ ra văn bản quyết định.

Yêu cầu các ban ngành liên quan triển khai thực hiện các nội dung sau:

+ Trước mắt, để hoàn thành khối lượng công việc trong năm thứ nhất (từ tháng 3/2016 đến 3/2017), giao cho PMU phối hợp với Đoàn chuyên gia dài hạn căn cứ vào Ma trận thiết kế dự án (PDM) và Kế hoạch hoạt động (PO) đã được thông qua, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công việc như: Hoàn tất việc ra quyết định lựa chọn khu thí điểm thứ nhất; Lựa chọn và quyết định khu thí điểm thứ hai; Thỏa thuận với chủ đất trong việc xây dựng các mô hình công trình kênh cấp ba theo quy định pháp luật của Việt Nam và quy định về giám sát về môi trường xã hội của JICA. Trước mắt, hoàn thành thủ tục (về đất đai, khảo sát thiết kế, phê duyệt, đấu thầu...) đủ điều kiện thi công khu thí điểm Bình An trong tháng 6/2016.

+ Giao cho UBND huyện Bắc Bình chỉ đạo các cơ quan trực thuộc, các tổ chức đoàn thể tiến hành công tác thu hồi đất để bàn giao cho đối tác theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành cũng như quy định về giám sát về môi trường xã hội của JICA; tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân trong vùng dự án tích cực tham gia phối hợp với PMU, chuyên gia dài hạn Nhật Bản thực hiện các nội của PMD và PO.

+ Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận có trách nhiệm chỉ đạo PMU và UBND Huyện Bắc Bình hoàn thành hồ sơ đăng ký sử dụng đất xây dựng kênh trong khu thí điểm; chỉ đạo Công ty TNHH MTV KTCTTL Bình Thuận đảm bảo cung cấp nguồn nước theo nhu cầu tưới cho các khu thí điểm của Dự án.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h30 cùng ngày và các bên liên quan cùng thống nhất ký Biên bản cuộc họp./.

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
GIỮA
CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN
VÀ
CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VỀ
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT,
GIAI ĐOẠN II
DO NHẬT BẢN TÀI TRỢ
(Cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ hai)

Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (dưới đây gọi tắt là “JICA”) – Văn phòng tại Việt Nam và các cơ quan liên quan đã tiến hành cuộc họp thảo luận chi tiết kế hoạch của Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát Triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí – Phan Thiết, giai đoạn II (dưới đây được gọi tắt là “Dự án”).

Kết thúc cuộc thảo luận, Văn phòng đại diện JICA và các cơ quan liên quan đã đồng ý các nội dung đính kèm như là phụ lục cho Biên bản thảo luận (RD).



Ông KAKIOKA Naoki
Phó trưởng đại diện
Văn phòng tại Việt Nam
Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản



Bình Thuận, ngày 3 tháng 11 năm 2016
PHÓ CHỦ TỊCH

Ông Phạm Văn Nam
Phó chủ tịch
Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận




Ông Mai Kiều
Giám đốc
Sở Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn
Bình Thuận



Chứng kiến



Ông Trần Kim Long 
Vụ trưởng
Vụ hợp tác quốc tế
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam



DỰ ÁN HỢP TÁC KỸ THUẬT PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT, GIAI ĐOẠN 2

Thực hiện nội dung Biên bản Thảo luận giữa cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và các cơ quan liên quan Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (UBND tỉnh Bình Thuận và Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận) được ký kết ngày 26/8/2015. Phía JICA đã cử 02 chuyên gia dài hạn bắt đầu làm việc từ 12/11/2015 để triển khai các hoạt động liên quan đến dự án. Được sự phê chuẩn của Chủ tịch Ban Chỉ đạo Dự án (Phó Chủ tịch UBND tỉnh), ngày 3 tháng 11 năm 2016 tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo (JCC) Dự án đã tiến hành phiên họp lần thứ hai.

Thành phần tham dự cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ hai gồm:

1. Ông Mai Kiều: Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT – Thành viên Ban Chỉ đạo – Chủ trì;
2. Ông YOSHII Koji – Cố vấn trưởng, Chuyên gia JICA thuộc dự án TCP/RPT GD II
3. Ông YANO Masahiko – Chuyên gia JICA thuộc dự án TCP/RPT GD II
4. TERASHIMA Akio – Chuyên gia JICA thuộc dự án TCP/RPT GD II
5. KOSUGE Takeharu – Điều phối viên thuộc dự án TCP/RPT GD II
6. Ông Nguyễn Hữu Phước - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận;
7. Ông Trần Ngọc Tân - Phó Chủ tịch UBND huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận;
8. Lãnh đạo và Cán bộ BQL: Ông Ngô Minh Trang và chuyên viên.

Diễn biến cuộc họp như sau:

Ông Ngô Minh Trang – Phó giám đốc BQL trình bày những nội dung hoạt động chủ yếu từ sau cuộc họp JCC lần thứ nhất (9/3/2016) đến nay.

Các nội dung báo cáo tiến độ dưới đây do BQL trình bày và được JCC chấp thuận.

1. Báo cáo quá trình triển khai Khu thí điểm 1
Theo quyết định của UBND tỉnh Bình Thuận (Quyết định 2749/QĐ-UBND) ngày 20 tháng 9 năm 2016, Công ty Châu Giang – Hưng Yên chính thức được giao quyền sử dụng đất. (Đính kèm tài liệu có liên quan)



2. Lựa chọn Khu thí điểm 2

Khu thí điểm thứ 2 được chọn tại xã Sông Bình. Dự án đã hoàn tất việc khảo sát, đo vẽ bản đồ địa chính khu vực thí điểm; điều tra đánh giá về chủ sở hữu đất trong khu thí điểm. (Đính kèm tài liệu liên quan)

3. Thông qua Kế hoạch trồng trọt

Kế hoạch cây trồng thực tiễn cho toàn bộ diện tích qui hoạch cây trồng cạn trong vùng tưới của Dự án tưới Phan Rí – Phan Thiết (PRPTIP) cũng đã được Học viện Nông nghiệp Việt Nam biên soạn dựa trên kết quả nghiên cứu khảo sát về thổ nhưỡng, phân tích điều tra về cơ cấu cây trồng và thị trường.

4. Điều chỉnh Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)

Bổ sung số hộ dân sẽ được đào tạo là 1600 hộ

5. Điều chỉnh Kế hoạch hoạt động (PO)

Bổ sung số hộ dân sẽ được đào tạo là 1600 hộ theo như PDM.

Kế hoạch hoạt động Dự án được điều chỉnh theo tiến độ thực hiện Dự án dựa trên tình hình thực tế.

6. Các vấn đề khác

- Để hoàn thành khối lượng công việc còn lại của năm thứ nhất (đến 3/2017), giao cho BQL phối hợp với Đoàn chuyên gia dài hạn căn cứ vào Ma trận thiết kế dự án (PDM) và Kế hoạch hoạt động (PO) đã được thông qua, tổ chức thỏa thuận với chủ đất có trong khu thí điểm thứ 2 trong việc xây dựng các mô hình công trình kênh cấp ba theo quy định pháp luật của Việt Nam và quy định về giám sát về môi trường xã hội của JICA;
- Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận có trách nhiệm chỉ đạo BQL và phối hợp với UBND huyện Bắc Bình hoàn thành hồ sơ đăng ký sử dụng đất xây dựng kênh trong các khu thí điểm; chỉ đạo Công ty TNHH MTV KTCTTL Bình Thuận đảm bảo cung cấp nguồn nước theo nhu cầu tưới cho các khu thí điểm của Dự án;
- Giao Ban Quản lý dự án phối hợp với chuyên gia JICA tổ chức triển khai, thực hiện xây dựng các mô hình đảm bảo hiệu quả và kiểm tra, giám sát chất lượng thi công các hạng mục kênh cấp 3 trong các khu thí điểm;



- Giao Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi (IMC) hướng dẫn địa phương thành lập các tổ hợp tác dùng nước (THTDN) trong các khu thí điểm. Xây dựng kế hoạch tưới tiêu phù hợp để đảm bảo nguồn nước cho khu vực xây dựng mô hình hoạt động có hiệu quả.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h30 cùng ngày và các bên liên quan cùng thống nhất ký Biên bản cuộc họp./.

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. MA TRẬN THIẾT KẾ DỰ ÁN (PDM phiên bản 2)
2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG (PO)
3. TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN KHU THÍ ĐIỂM 1
4. TÀI LIỆU VỀ KHU THÍ ĐIỂM 2

Hai bên đã thống nhất với Ma trận thiết kế Dự án (PDM phiên bản 2) trong Phụ lục I và Kế hoạch hoạt động dựa theo PDM phiên bản 1 được đính kèm trong phụ lục II

d



BIÊN BẢN CUỘC HỌP
GIỮA
CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN
VÀ
CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VỀ
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT,
GIAI ĐOẠN II
DO NHẬT BẢN TÀI TRỢ
(Cuộc họp Ban chỉ đạo (JCC) lần thứ ba)

Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (dưới đây gọi tắt là “JICA”) – Văn phòng tại Việt Nam và các cơ quan liên quan đã tiến hành cuộc họp thảo luận chi tiết kế hoạch của Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát Triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí – Phan Thiết, giai đoạn II (dưới đây được gọi tắt là “Dự án”).

Kết thúc cuộc thảo luận, Văn phòng đại diện JICA và các cơ quan liên quan đã đồng ý các nội dung đính kèm như là phụ lục cho Biên bản thảo luận (RD).





Ông FUJITA Yasuo

Trưởng đại diện

Văn phòng tại Việt Nam

Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản

Bình Thuận, ngày 30 tháng 5 năm 2017



Ông Phạm Văn Nam

Phó chủ tịch

Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận



Ông Mai Kiều

Giám đốc

Sở Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn

Bình Thuận

DỰ ÁN HỢP TÁC KỸ THUẬT PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT, GIAI ĐOẠN 2

Thực hiện nội dung Biên bản Thảo luận giữa cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và các cơ quan liên quan Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (UBND tỉnh Bình Thuận và Sở Nông nghiệp & PTNT Bình Thuận) được ký kết ngày 26/8/2015. Phía JICA đã cử 02 chuyên gia dài hạn bắt đầu làm việc từ 12/11/2015 để triển khai các hoạt động liên quan đến dự án. Được sự phê chuẩn của Chủ tịch Ban Chỉ đạo Dự án (Phó Chủ tịch UBND tỉnh), ngày 30 tháng 5 năm 2017 tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo (JCC) Dự án đã tiến hành phiên họp lần thứ ba.

I. Thành phần tham dự cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ ba gồm:

1. Ông Phạm Văn Nam: Phó chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận - Chủ tịch Ban chỉ đạo - Chủ trì
2. Ông Mai Kiều: Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận;
3. Ông Nguyễn Hữu Phước: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận;
4. Ông Phan Nguyễn Hoàng Tân: Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận;
5. Ông Lê Văn Long - Chủ tịch UBND huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận;
6. Ông FUJITA Yasuo: Trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam
7. Ông YAMAMOTO Satoshi: Cố vấn trưởng về Nông nghiệp - Doanh nghiệp, Văn phòng JICA Việt Nam
8. Ông SHIMOSE Kosaburo: Bí thư thứ hai - Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam
9. Ông YOSHII Koji – Cố vấn trưởng , Chuyên gia JICA thuộc dự án TCP/RPT GD II;
10. Ông TERASHIMA Akio – Chuyên gia JICA thuộc dự án TCP/RPT GD II;
11. Tiến Sỹ KOSUGE Takeharu – Điều phối viên thuộc dự án TCP/RPT GD II;
12. Bà Phạm Hoàng Anh: Đại học Sự phạm TP. Hồ Chí Minh – Phiên dịch Nhật - Việt;
13. Lãnh đạo và Cán bộ BQL: Ông Ngô Minh Trang – Phó trưởng Chi cục Thủy lợi Bình Thuận.



II. Diễn biến cuộc họp như sau:

1. Báo cáo kết quả hoạt động của dự án sau cuộc họp JCC lần 2 đến nay:

Ông Ngô Minh Trang – Phó giám đốc BQL trình bày những nội dung hoạt động chủ yếu từ sau cuộc họp JCC lần thứ hai (3/11/2016) đến nay.

Các nội dung báo cáo tiến độ dưới đây do BQL trình bày và được JCC chấp thuận.

a) Báo cáo các hoạt động chính triển khai tại Khu thí điểm 1, xã Bình An

- Khi quyền sử dụng đất của Công ty Châu Giang Hưng Yên đã được chính thức phê duyệt tại Công văn số 2749-QĐ/UBND-DTQH ngày 20 tháng 9 năm 2016, công ty đã bắt đầu chuẩn bị đất đai cùng với các cơ sở hạ tầng cần thiết liên quan và trồng cây Bạc hà Nhật Bản: nhà xưởng, đường giao thông, điện.... Công ty đã cải tạo 32 ha đất và trồng được 13ha vào cuối tháng 4 năm 2017.
- Dự án đã hoàn thành xây dựng kênh cấp 3 (Kênh D14-6-1) trong khu thí điểm vào tháng 3/2017.

b) Báo cáo các hoạt động chính triển khai tại Khu thí điểm 2, xã Sông Bình

- Đã thi công xong một tuyến kênh cấp 3 (D8-19-2) vào tháng 3 năm 2017, hiện nay 2 tuyến kênh cấp 3 (D8-19-1 và D8-19-1A) đang được thi công.
- Hoàn thành kênh cấp 4 thử nghiệm tại khu thí điểm 2, có 4 loại kênh như kênh đất, đường ống, bê tông, và xây gạch. Dựa vào kết quả điều tra ý kiến nông dân, kênh 4 làm bằng bê tông được chọn là loại tốt nhất để áp dụng trong việc xây kênh cấp 4.
- Dựa trên hợp đồng ký kết với Đại học Đà Lạt bắt đầu triển khai 4000m² ruộng thử nghiệm trong khu thí điểm 2. Theo kế hoạch, trường Đại học Đà Lạt đã áp dụng nhiều phương pháp tưới khác nhau (tưới tràn và tưới động lực) trên 4 loại cây trồng đã được chọn trồng thí điểm bao gồm đậu phộng, ớt, măng tây và lô hội.
- Phối hợp với Trung tâm khuyến nông, khuyến ngư xây dựng mô hình chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích khoảng 04 ha trong khu thí điểm;

c) Giám sát đánh giá tác động Môi trường

- Đối với việc xây dựng kênh cấp 4 trong khu thí điểm 2 tại xã Sông Bình, Ban QLDA đã gửi "Danh mục kiểm tra môi trường" cho JICA. "Mẫu giám sát kênh cấp 4" do JICA cung cấp. (Xem tài liệu đính kèm 2 và 3)

- Báo cáo giám sát đánh giá tác động Môi trường được đề nghị nộp theo các thủ tục được nêu trong Biên bản thảo luận (RD) và Báo cáo đánh giá Môi trường ban đầu (IEE).
- Tất cả các chủ sở hữu đất liên quan đến diện tích đất xây dựng các kênh cấp 3 và cấp 4 trong khu thí điểm 2 đã đồng ý hiến đất cho các công trình kênh.

d) Điều chỉnh Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)

- Trước đây trong cuộc họp JCC lần 2 "Chỉ số đánh giá mục tiêu dự án", số hộ gia đình được tập huấn được đề xuất là "1.600 hộ". Tuy nhiên, chỉ số này được đề xuất phải xác định lại sau khi xem xét một số lý do sau đây.
- Thực trạng xây dựng kênh cấp 3 có chậm so với tiến độ xây dựng các kênh cấp 3 đã được thông qua trong Biên bản ghi nhớ (MOU)*

(* MOU: Biên bản ghi nhớ ở đây là văn bản được ký kết vào ngày 12 tháng 9 năm 2013 giữa Văn phòng JICA Việt Nam và UBND tỉnh Bình Thuận.

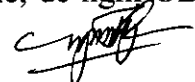
- Cần xác định những người dân thật sự là những hộ mục tiêu đang canh tác trên vùng quy hoạch cây trồng cận.

e) Điều chỉnh Kế hoạch hoạt động (PO)

- Kế hoạch hoạt động Dự án được điều chỉnh theo tiến độ thực hiện Dự án dựa trên tình hình thực tế.

f) Kết luận và đề xuất cho các hoạt động trong tương lai

- Đề đảm bảo tiến độ các hoạt động của dự án, cần bố trí nhân sự phù hợp làm thành viên của Ban QLDA. Phân công công việc cụ thể cho từng thành viên, và người được phân công phải đảm bảo triển khai công việc theo đúng tiến độ.
- Kiện toàn, củng cố các Tổ hợp tác dùng nước (THTDN) đã được thành lập, nhanh chóng thành lập mới THTDN đối với những nơi đã hoàn thành xây dựng kênh cấp 3 để đẩy nhanh tiến độ xây dựng kênh cấp 4 trong các khu thí điểm, Ban QLDA sẽ tiến hành thành lập THTDN càng sớm càng tốt.
- Báo cáo giám sát đánh giá tác động Môi trường cần nộp cho JICA theo các thủ tục được nêu trong Biên bản thảo luận (RD) và Báo cáo đánh giá Môi trường ban đầu (IEE). BQL sẽ đính kèm báo cáo giám sát đánh giá tác động môi trường theo Biên bản cuộc họp JCC lần thứ 3.
- Hiện nay đường vào khu thí điểm 1 rất xấu và gồ ghề, đề nghị UBND tỉnh cần



quan tâm công tác duy tu, sửa chữa tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại.

- UBND tỉnh Bình Thuận tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng các kênh cấp 3 trong vùng tưới PRPT theo như thỏa thuận trong Biên bản ghi nhớ (MOU) đã được ký kết.
- Tiến độ xây dựng kênh cấp 3 sẽ được giám sát. Báo cáo tiến độ xây dựng kênh 3 và diện tích được tưới từ năm 2015 đến năm 2017, và diện tích tưới đến năm 2017 sẽ được cung cấp cho Văn phòng JICA Việt Nam vào cuối tháng 12 năm 2017. Từ năm 2018 trở đi, việc phân bổ ngân sách và tiến độ xây dựng kênh hàng năm sẽ được báo cáo cho Văn phòng JICA Việt Nam vào cuối tháng 12 mỗi năm.
- Bên cạnh đó, trong trường hợp UBND tỉnh Bình Thuận có yêu cầu, Văn phòng JICA Việt Nam sẽ thuê chuyên gia tư vấn để hỗ trợ tỉnh Bình Thuận đẩy nhanh tiến độ xây dựng kênh 3 nếu Tỉnh đảm bảo ngân sách cần thiết và hoàn thành việc thu hồi đất.
- Để phát triển Chuỗi giá trị Thực phẩm Nông nghiệp, UBND tỉnh Bình Thuận đề nghị JICA giới thiệu các doanh nghiệp về nông nghiệp Nhật Bản đến tỉnh. Việc giới thiệu các doanh nghiệp cần chính thức thông qua văn phòng UBND tỉnh hoặc các Sở, nhằm đảm bảo quyền lợi và các điều kiện đầu tư cho doanh nghiệp. Dựa trên yêu cầu này, JICA và UBND tỉnh Bình Thuận đã thống nhất việc giới thiệu các doanh nghiệp với điều kiện UBND tỉnh Bình Thuận tạo các điều kiện đầu tư như chi phí thuê đất, hoàn thiện cơ sở hạ tầng xung quanh v.v...

Cuộc họp kết thúc lúc 11h50 cùng ngày và các bên liên quan cùng thống nhất ký Biên bản cuộc họp./.



TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. Tài liệu trình chiếu Powerpoint
2. Mẫu giám sát
3. Danh mục kiểm tra môi trường giai đoạn trước khi thi công của TC-PRPT
Giai đoạn 2
4. Bản đồ khảo sát địa hình khu thí điểm 2
5. Bản đồ địa chính của khu thí điểm 2
6. Tóm tắt việc hiến đất xây dựng kênh
7. Kết quả khảo sát ý kiến người dân
8. Ma trận Thiết kế Dự án (PDM Phiên bản 3)
9. Kế hoạch hoạt động (PO Phiên bản 3)

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
BAN ĐIỀU PHỐI CHUNG LẦN THỨ TƯ (JCC lần 4)
VỀ
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT,
GIAI ĐOẠN II



Cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ 4 về Dự án Hợp tác Kỹ thuật Phát triển Nông nghiệp vùng tưới Phan Rí - Phan Thiết Giai đoạn II (sau đây gọi tắt là "Dự án TCPRPT II") được tổ chức tại tỉnh Bình Thuận, Việt Nam vào ngày 22 tháng 3 năm 2018 để xem xét tiến độ, thảo luận Kế hoạch hoạt động chi tiết (sau đây gọi tắt là "PO") của Dự án.

Sau cuộc thảo luận, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (sau đây gọi là "JICA") và các cơ quan liên quan đã thống nhất về các vấn đề được thể hiện trong các văn bản đính kèm theo đây như là Phụ lục của Biên bản thảo luận (sau đây gọi là "RD "). Biên bản cuộc họp này được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt, và trong trường hợp có sự khác biệt, bản tiếng Anh sẽ được áp dụng.

Bình Thuận, ngày 22 tháng 3 năm 2018




Ông Naoki KAKIOKA
Phó Trưởng Đại diện
Văn phòng Việt Nam
Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản

Ông Phạm Văn Nam
Phó Chủ tịch
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận

Chứng kiến



Ông Mai Kiềm
Giám đốc
Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận

DỰ ÁN HỢP TÁC KỸ THUẬT PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ – PHAN THIẾT, GIAI ĐOẠN 2

Thực hiện nội dung Biên bản Thảo luận giữa JICA và các cơ quan liên quan của phía Việt Nam bao gồm Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận (UBND tỉnh Bình Thuận) và Sở Nông nghiệp & PTNT Bình Thuận (Sở NNPTNT Bình Thuận) được ký kết ngày 26/8/2015, JICA đã cử hai (02) chuyên gia dài hạn bắt đầu làm việc từ ngày 12/11/2015 và đã triển khai các hoạt động như kế hoạch. Được sự chấp thuận của Chủ tịch Ban Điều phối chung là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận, ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Điều phối chung của Dự án đã tiến hành phiên họp lần thứ tư.

I. Thành phần tham dự cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ tư:

- | | |
|--|--|
| 1. Ông Phạm Văn Nam | Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận (Chủ trì) |
| 2. Ông Mai Kiều | Giám đốc Sở NN và PTNT Bình Thuận |
| 3. Ông Nguyễn Hữu Phước | Phó Giám đốc Sở NN và PTNT Bình Thuận |
| 4. Ông Phan Nguyễn Hoàng Tân | Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận (Sở KHĐT) |
| 5. Ông Lê Văn Long | Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Bắc Bình (UBND huyện Bắc Bình), tỉnh Bình Thuận |
| 6. Ông KAKIOKA Naoki | Phó Trưởng Đại diện, Văn phòng JICA tại Việt Nam |
| 7. Ông TOMITA Sho | Đại diện, Văn phòng JICA tại Việt Nam |
| 8. Ông YAMAMOTO Satoshi | Cố vấn hình thành Dự án, Văn phòng JICA Việt Nam |
| 9. Ông MATSUURA Hiroshi | Bí thư thứ nhất - Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam |
| 10. Ông NAKANO Toshinobu | Cố vấn trưởng, Chuyên gia JICA thuộc dự án TCPRPT GD II; |
| 11. Ông TERASHIMA Akio | Chuyên gia JICA thuộc dự án TCPRPT GD II; |
| 12. Ông TAKABAYASHI Toru | Chuyên gia JICA thuộc dự án TCPRPT GD II; |
| 13. Bà HANAMURA Miho | Điều phối viên thuộc dự án TCPRPT GD II; |
| 14. Bà Lưu Phương Anh | Phiên dịch Nhật - Việt |
| 15. Ông Ngô Minh Trang | Phó trưởng Chi cục Thủy lợi Bình Thuận |
| 16. Lãnh đạo và Cán bộ Ban quản lý Dự án (PMU) | |

II. Nội dung cuộc họp JCC lần thứ 4

1. Báo cáo kết quả hoạt động của Dự án kể từ sau cuộc họp JCC lần 3 đến nay:

Thay mặt cho Ban quản lý Dự án, ông Ngô Minh Trang – Phó giám đốc BQL báo cáo nội dung những hoạt động chính của Dự án từ sau cuộc họp JCC lần thứ ba (30/5/2017) đến nay.

Các nội dung báo cáo tiến độ dưới đây do BQL trình bày và được JCC chấp thuận.

a) Báo cáo tổng quát các hoạt động của Dự án

- Tổ chức chuyển tập huấn tại Nhật Bản cho 08 cán bộ đối tác Dự án.
- Tổ chức 7 hội thảo tập huấn cho các cán bộ khuyến nông các xã trong vùng dự án và người dân trong khu thí điểm.
- Tổ chức 1 lớp tập huấn về sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho cán bộ khuyến nông thuộc huyện Bắc Bình.
- Đã thành lập được Ban Chỉ đạo phát triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí-Phan Thiết.
- Hoàn thành điều tra sơ bộ hiện trạng sử dụng đất trong vùng tưới Phan Rí-Phan Thiết.

b) Báo cáo các hoạt động chính triển khai tại Khu thí điểm 1, xã Bình An

- Sau khi Công ty Châu Giang Hưng Yên được chính thức phê duyệt quyền sử dụng đất tại Công văn số 2749-QĐ/UBND-DTQH ngày 20 tháng 9 năm 2016, công ty đã bắt đầu trồng cây bạc hà. Tuy nhiên, Công ty đã gặp phải một số khó khăn như dịch bệnh, sâu hại. Công ty đã hợp tác với dự án TCPRPT2 cùng nhau giải quyết vấn đề. Đồng thời, công ty cũng phải cải thiện năng suất để phổ biến trồng cây bạc hà cho người dân trong khu vực. Do đó, TCPRPT2 sẽ hỗ trợ công ty về mặt cải tiến kỹ thuật canh tác và lập kế hoạch canh tác.
- Tổ hợp tác sử dụng nước (Kênh D14-6-1) đã được thành lập vào tháng 8/2017.

c) Báo cáo các hoạt động chính triển khai tại Khu thí điểm 2, xã Sông Bình

- Đã hoàn thành xây dựng toàn bộ 03 kênh cấp 3: D8-19-1, D8-19-1a và D8-19-2.
- Các Tổ hợp tác sử dụng nước (thuộc các tuyến kênh D8-19-1, D8-19-2) đã được thành lập vào tháng 6 và tháng 7 năm 2017.
- Căn cứ vào kết quả điều tra ý kiến từ người dân, kênh bê tông là loại kênh được chọn nhiều nhất để mở rộng kênh cấp 4.
- Tổ hợp tác dùng nước đã xây dựng các kênh cấp 4 với sự hỗ trợ từ phía JICA.
- Dựa trên hợp đồng ký kết với trường Đại học Đà Lạt, đã bắt đầu triển khai 4000m² ruộng thử nghiệm trong khu thí điểm 2. Theo kế hoạch, trường Đại học Đà Lạt đã áp dụng nhiều phương pháp tưới khác nhau (tưới tràn và tưới động lực) trên 4 loại cây

trồng được chọn trồng thí điểm bao gồm đậu phộng, ớt, măng tây và lô hội.

- Về cây đậu phộng, ước tính doanh thu cao nhất là 6.000.000 VND/1.000m²/1 vụ. Ngoài mục đích cải thiện thu nhập, việc trồng cây đậu phộng còn có mục đích chính là cải tạo đất.
- Về cây ớt, ước tính doanh thu cao nhất khoảng 16.000.000 VND/1.000m²/1 vụ.
- Cây măng tây vẫn còn đang canh tác.
- Cây lô hội không phát triển tốt trong quá trình trồng thử nghiệm. Nguyên nhân chính đó là do kết cấu lớp đất ở độ sâu 30 cm có nhiều đất sét mặc dù lớp bề mặt là cát nhưng nước tưới không rút hết được.

2. Các vấn đề cụ thể trong việc triển khai Dự án.

d) Giám sát đánh giá tác động môi trường

- Báo cáo giám sát tác động môi trường phải nộp theo mẫu giám sát được xác định trong cuộc họp JCC lần thứ 3.
- Tuy nhiên, tần suất khảo sát chưa được đề cập đến. Vì vậy, chúng tôi đã khảo sát mỗi tháng 1 lần trong suốt giai đoạn thi công kênh cấp 3 và cấp 4. Hiện nay, việc thi công đã hoàn tất và chỉ tiến hành trồng trọt cho đến khi kết thúc Dự án. Do đó, chúng tôi quyết định thay đổi tần suất khảo sát sang ba (3) tháng một lần vì việc canh tác ít gây ra những ảnh hưởng về môi trường so với hoạt động thi công xây dựng.

e) Điều chỉnh Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)

- Chúng tôi vẫn chưa xác định chỉ số định lượng cụ thể cho mục tiêu Dự án trong PDM. Chúng tôi đã tổ chức một số buổi tập huấn cho người dân và các cán bộ khuyến nông trong khu vực này để phổ biến việc tưới tiêu và canh tác cây hoa màu. Tuy nhiên có ý kiến đề xuất rằng những cán bộ lãnh đạo khác tại địa phương cũng cần được tham gia vào các buổi hội thảo tập huấn. Vì vậy chúng tôi quyết định chỉ số như sau :

Trước:

Có XXX người dân canh tác trong vùng tưới PRPTIP tham gia vào các buổi hội thảo tập huấn để chia sẻ kiến thức và kỹ năng về mô hình tưới trong canh tác cây hoa màu đồng thời cũng thực hành canh tác tại khu vực kênh cấp 3 (kênh nội đồng).

Sau:

Trên 50 cán bộ chủ chốt địa phương trong vùng tưới PRPTIP như cán bộ khuyến nông, lãnh đạo Hội Nông dân xã, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc xã, trưởng/phó trưởng thôn tham dự hội thảo tập huấn để chia sẻ kiến thức và kỹ năng về mô hình tưới trong canh tác cây hoa màu đồng thời cũng thực hành canh tác tại khu vực kênh cấp 3 (kênh nội

đồng).

Dưới đây là lý do quyết định chỉ số định lượng cụ thể là 50 người tham gia như chỉ số cho mục tiêu Dự án:

- Tổng số cán bộ chủ chốt địa phương (cán bộ khuyến nông, lãnh đạo Hội Nông dân xã, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc xã, trưởng/phó trưởng thôn) trong vùng tưới Phan Rí – Phan Thiết là 70 người. Trong khi đó, diện tích qui hoạch tưới cho cây trồng cạn là 6.950ha tương đương 70% trong tổng số diện tích tưới mới của Dự án tưới PRPT là 10.500ha. Vì thế chúng tôi mong đợi rằng khoảng 50 người, tương đương khoảng 70% trong tổng số 70 người, sẽ tham gia hội thảo tập huấn.
- f) Điều chỉnh Kế hoạch hoạt động (PO)
 - Kế hoạch hoạt động Dự án được điều chỉnh theo tình hình thực tế của tiến độ thực hiện Dự án.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h50 cùng ngày và các bên liên quan cùng thống nhất ký Biên bản cuộc họp./.

[HẾT]

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. Tài liệu trình chiếu Powerpoint
2. Ma trận Thiết kế Dự án (PDM Phiên bản 4)
3. Kế hoạch hoạt động (PO Phiên bản 4)



**BIÊN BẢN HỌP BAN ĐIỀU PHỐI CHUNG (JCC) LẦN THỨ 5
DỰ ÁN HỢP TÁC KỸ THUẬT PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
VÙNG TƯỚI PHAN RÍ PHAN THIẾT, GIAI ĐOẠN II**

Ban Điều phối chung Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí Phan Thiết, Giai đoạn II (sau đây gọi tắt là "Dự án TC-PRPT II") đã tổ chức họp JCC lần thứ 5 vào ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại tỉnh Bình Thuận, Việt Nam để rà soát các hoạt động và đánh giá kết quả đạt được dựa trên Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động (sau đây gọi tắt là "PDM", "PO").

Theo kết quả thảo luận, Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (sau đây gọi tắt là "JICA") và các Cơ quan liên quan đã thống nhất các vấn đề được trình bày trong các tài liệu đính kèm theo Biên bản này như phần bổ sung Biên Bản thảo luận (gọi tắt là " R/D"). Biên bản cuộc họp được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt, và trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào giữa phiên bản tiếng Anh và tiếng Việt thì áp dụng theo phiên bản tiếng Anh.

Bình Thuận, ngày 26 tháng 10 năm 2018



Ông MUROOKA Naomichi
Phó Trưởng đại diện
Văn phòng Việt Nam
Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản



Ông Nguyễn Đức Hòa
Phó Chủ Tịch
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

Chứng kiến bởi

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "MAM", is written over a horizontal line.

Ông Trần Kim Long
Vụ trưởng
Vụ Hợp tác Quốc tế
Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam

DỰ ÁN HỢP TÁC KỸ THUẬT PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ PHAN THIẾT GIAI ĐOẠN II

Như đã được đề cập trong R/D ký giữa JICA và các cơ quan có liên quan của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận vào ngày 26 tháng 8 năm 2015, JICA đã cử hai (02) chuyên gia dài hạn đến tỉnh Bình Thuận làm việc kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2015 và thực hiện các hoạt động theo kế hoạch. Được sự chấp thuận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận đồng thời là Chủ Tịch Ban Điều phối chung của Dự án, cuộc họp JCC lần thứ 5 đã được tổ chức vào ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại UBND tỉnh Bình Thuận.

I. Thành phần tham dự:

- | | | |
|-----|---------------------------|---|
| 1. | Ông Nguyễn Đức Hòa | Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận, chủ trì cuộc họp |
| 2. | Ông Mai Kiều | Giám đốc Sở NN&PTNT Bình Thuận, |
| 3. | Ông Nguyễn Hữu Phước | Phó Giám đốc Sở NN&PTNT Bình Thuận |
| 4. | Ông Phan Nguyễn Hoàng Tân | Phó Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Thuận |
| 5. | Ông Nguyễn Văn Tâm | Phó Chủ tịch UBND huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận |
| 6. | Ông MUROOKA Naomichi | Phó Trưởng đại diện, Văn phòng JICA Việt Nam |
| 7. | Ông INABA Makoto | Cố vấn cấp cao, JICA Trụ sở chính |
| 8. | Ông TOMITA Sho | Đại diện, Văn phòng JICA Việt Nam |
| 9. | Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Cán bộ, Văn phòng JICA Việt Nam |
| 10. | Ông KIMURA Yoshihisa | Chuyên gia JICA - Cố vấn chính sách nông nghiệp tại Bộ NN & PTNT Việt Nam |
| 11. | Bà SHIRAI Kazuko | Tư vấn đánh giá, Nhóm đánh giá chung |
| 12. | Ông NAKANO Toshinobu | Cố vấn trưởng, Dự án TCP RPT II |
| 13. | Ông TERASHIMA Akio | Chuyên gia JICA, Dự án TCP RPT II |
| 14. | Ông TAKABAYASHI Toru | Chuyên gia JICA, Dự án TCP RPT II |
| 15. | Ông KANNO Miho | Điều phối viên, Dự án TCP RPT II |
| 16. | Bà Vi Thùy Dương | Phiên dịch Anh - Việt |
| 17. | Ông Ngô Minh Trang | Chi cục phó Chi cục thủy lợi tỉnh Bình Thuận, Lãnh đạo và thành viên Ban Quản lý Dự án |

II. Nội dung cuộc họp JCC lần 5:

1. Báo cáo hoạt động dự án từ sau cuộc họp JCC lần 4 đến nay:

Thay mặt Ban Quản lý Dự án, ông Ngô Minh Trang đã báo cáo các hoạt động chính của Dự án từ sau cuộc họp JCC lần 4 (tổ chức vào ngày 22 tháng 3 năm 2018) đến nay.

Dưới đây là những nội dung của Báo cáo tiến độ Dự án đã được JCC thông qua.

(1) Báo cáo tổng thể về việc thực hiện các hoạt động Dự án:

- Tổ chức 6 hội thảo tập huấn cho các cán bộ khuyến nông xã trong khu vực dự án và các hộ nông dân tại các khu thí điểm.
- Thành lập nhóm công tác quản lý nước và nhóm công tác về trồng trọt thuộc Ban Chỉ đạo Phát triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí Phan Thiết.
- Nhóm công tác quản lý nước đã tổ chức họp và thảo luận một số vấn đề.

(2) Báo cáo tình hình thực hiện các hoạt động chính tại khu thí điểm 1, xã Bình An

- Kể từ khi chính thức được giao đất theo Quyết định số 2749-QĐ/UBND-DTQH ngày 20 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Thuận, công ty Châu Giang đã bắt đầu trồng bạc hà nhưng gặp một số khó khăn như dịch bệnh, sâu hại. Công ty đã và đang hợp tác với văn phòng Dự án TC-PRPT2 để giải quyết các vấn đề này. Ngoài ra, công ty phải cải thiện kỹ thuật canh tác để tăng năng suất, giảm dịch bệnh để phổ biến canh tác bạc hà cho người dân trong khu vực. Do đó, văn phòng Dự án TC-PRPT2 sẽ hỗ trợ công ty cải thiện kỹ thuật canh tác và kế hoạch trồng trọt.

(3) Báo cáo tình hình thực hiện các hoạt động chính tại khu thí điểm 2, xã Sông Bình

- Dựa trên hợp đồng đã ký, trường Đại học Đà Lạt tiếp tục triển khai trồng thử nghiệm các loại cây trồng cạn bao gồm măng tây, ớt và đậu phộng trên 4.000 m² ruộng thực nghiệm tại khu thí điểm 2.
- Cây nha đam không phù hợp với khu vực này, do đó, dự án đã trồng thử nghiệm cây bạc hà, củ kiệu và sắn mỳ để thay thế.
- Đối với cây bạc hà, ớt và măng tây, một số hộ nông dân đã tiến hành trồng thử với sự hỗ trợ kỹ thuật từ văn phòng Dự án TC-PRPT2 và Trường Đại học Đà Lạt.
- Hợp tác với Trung tâm khuyến nông để hỗ trợ nông dân thay đổi cây trồng mới.

2. Báo cáo và khuyến nghị từ Nhóm đánh giá chung:

Nhóm đánh giá chung được tổ chức bởi JICA do Tiến sĩ Makoto INABA – Cố vấn cao cấp



về nông nghiệp, phát triển nông thôn và phát triển cộng đồng, JICA Trụ sở chính - làm Trưởng nhóm đánh giá phía Nhật Bản và ông Nguyễn Anh Minh – Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - làm Trưởng nhóm đánh giá phía Việt Nam đã tới Bình Thuận làm việc từ ngày 15 đến ngày 25 tháng 10 năm 2018. Nhóm đánh giá đã tiến hành một loạt các cuộc thảo luận với Nhóm dự án TCPRPT II và Sở NN & PTNT Bình Thuận, cùng đánh giá thành quả dự án TCPRPT II, đưa ra khuyến nghị và trao đổi về các hoạt động của dự án theo R/D ký ngày 26 tháng 8 năm 2015. Theo kết quả thảo luận, Nhóm đánh giá chung, nhóm dự án TCPRPT II và Sở NN & PTNT Bình Thuận đã nhất trí về nội dung của Báo cáo đánh giá cuối kỳ (sau đây gọi là “Báo cáo”) như trong Tài liệu đính kèm số 2.

Nhóm đánh giá chung đã trình bày nội dung của Báo cáo trong cuộc họp JCC thứ 5 và hai bên đã nhất trí với nội dung của Báo cáo và khẳng định các nỗ lực để thực hiện các khuyến nghị bao gồm cả việc kéo dài dự án được đề cập trong Báo cáo nhằm đạt được mục đích dự án khi Dự án kết thúc.

3. Gia hạn dự án và sửa đổi PDM và PO

Dựa trên đề xuất của Nhóm Đánh giá chung cuối kỳ, hai bên đã nhất trí kéo dài thời hạn Dự án thêm 9 tháng (đến 31/12/2019) để hoàn thành các hoạt động đã bị trì hoãn và thực hiện các hoạt động bổ sung. Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Dự án trong thời gian còn lại cũng như đánh giá hậu kỳ dự án, hai bên đã đồng ý sửa đổi PDM và PO như trong Tài liệu đính kèm số 3 và Tài liệu đính kèm số 4 tương ứng theo khuyến nghị của Nhóm đoàn đánh giá chung cuối kỳ. Các sửa đổi chính được thể hiện như bên dưới. Sửa đổi này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018.

Giai đoạn dự án

| Trước | Bản sửa đổi |
|---|------------------------|
| Từ 03/2016 đến 03/2019 | Từ 03/2016 đến 12/2019 |
| <p>Lý do:</p> <p>Đoàn đánh giá cuối kỳ và các cơ quan có liên quan của Chính phủ Việt Nam đã đánh giá tiến độ Dự án. Dựa trên một loạt các cuộc phỏng vấn với những người có liên quan, đánh giá về những thành tựu thực tế, thảo luận nội bộ và vv ..., hai bên đã đi đến kết luận rằng thời gian dự án còn lại quá ngắn để đạt được các kết quả đầu vào, hoạt động, đầu ra và mục đích dự án trong PDM hiện tại vì Dự án đã mất hơn 8 tháng để có được đất cho các khu thí điểm, và một số hoạt động, đặc biệt là thu hoạch bạc hà vào tháng 10</p> | |

sau mùa mưa và trình bày kết quả vào trong tài liệu hướng dẫn, đòi hỏi nhiều thời gian hơn dự kiến ban đầu để làm cho Dự án hiệu quả và bền vững hơn. Các bên liên quan cũng khuyến nghị dự án nên được kéo dài thêm (01) tháng nữa sau các hoạt động dự án tại hiện trường kết thúc. Do đó, hai bên đã đồng ý kéo dài thời gian thực hiện dự án thêm (09) tháng.

(1) Các hoạt động và chỉ số

| Trước | Bản sửa đổi |
|---|--|
| <p>[Hoạt động]</p> <p>1-9.</p> <p>1-10. Tổ chức hội thảo cho cán bộ khuyến Nông xã, trưởng thôn, Chủ tịch hội Nông dân xã, Chủ tịch mặt trận xã trong vùng tưới PRPT để chia sẻ kiến thức và kỹ thuật về quản lý nước cũng như phương pháp canh tác</p> <p>4-1. Tổng hợp và xem xét những kinh nghiệm thu được từ hoạt động 1, 2 và 3.</p> <p>4-2. Biên soạn các hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo nhằm phát triển hệ thống quản lý nước hiệu quả.</p> | <p>[Hoạt động]</p> <p>1-9. Cung cấp hỗ trợ tư vấn cần thiết cho các công ty tư nhân về việc sản xuất, mua bán sản phẩm cây trồng cận được Dự án giới thiệu.</p> <p>1-10. Chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm về quản lý nước và trồng trọt.</p> <p>4-1. Biên soạn các hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo nhằm phát triển hệ thống quản lý nước hiệu quả.</p> <p>4-2. Tiến hành tập huấn cho tập huấn viên (Họp cán bộ khuyến nông, tập huấn trong nước cho nông dân)</p> |
| <p>[Chỉ số]</p> <p>Mục tiêu tổng thể:</p> <p>Các kênh cấp 3 trong 274 khu tưới cấp 3 được vận hành và bảo dưỡng đúng cách (trên cả diện tích 10.500ha)</p> <p>Mục tiêu dự án:</p> | <p>[Chỉ số]</p> <p>Mục tiêu tổng thể:</p> <p>1. Các kênh cấp 3 trong 274 khu tưới cấp 3 được vận hành và bảo dưỡng đúng cách (trên cả diện tích 10.500ha)</p> <p>2. Cây trồng cận được trồng trên diện tích 70 ha* trong vùng tưới PRPT.</p> <p>Mục tiêu dự án:</p> |

| | |
|--|---|
| <p>1. Năng lực quản lý nước tổng thể của cán bộ WUG, IMC, IME, CPC, DARD trong vùng tưới PRPT được tăng cường.</p> <p>2. Trên 50 cán bộ cấp thôn, xã trong vùng tưới PRPTIP như cán bộ khuyến nông xã, trưởng thôn, Chủ tịch Hội Nông dân xã, Chủ tịch Mặt trận xã tham gia các hội thảo nhằm chia sẻ kiến thức và kỹ năng của mô hình tưới nông nghiệp cho cây hoa màu thuộc khu vực kênh cấp ba (trên kênh nội đồng) cũng như các hoạt động canh tác nông nghiệp khác.</p> <p>Đầu ra:</p> <p>2-1. Kế hoạch vận hành, bảo dưỡng tổng thể các công trình thủy lợi trong vùng tưới PRPT được soạn thảo.</p> <p>3-1. Trên 70% cán bộ và thành viên của WUG, IMC, IME, UBND huyện, Sở NN v.v... được tập huấn về hệ thống quản lý tưới hiệu quả trong vùng tưới PRPT.</p> <p>4-1. Các hướng dẫn kỹ thuật và các báo cáo được biên soạn nhằm phát triển hệ thống quản lý tưới hiệu quả.</p> | <p>1. 20 Nông dân (*) bán sản phẩm và có lợi nhuận từ việc canh tác cây trồng do Dự án giới thiệu.</p> <p>Đầu ra :</p> <p>2-1. Kế hoạch vận hành, bảo dưỡng tổng thể các công trình thủy lợi trong vùng tưới PRPT được soạn thảo.</p> <p>3-1. Trên XX% cán bộ liên quan đến Dự án tưới PRPT thuộc IMC, IME, Sở NN&PTNT nắm được nội dung tập huấn.</p> <p>4-1. 2 cán bộ trạm khuyến nông Bắc Bình hướng dẫn nông dân trong các buổi tập huấn về cây trồng cận do Dự án giới thiệu.</p> <p>4-2. Nông dân được tập huấn hiểu được kỹ thuật canh tác một số cây trồng cận do Dự án giới thiệu và có thể hướng dẫn cho nhau.</p> |
| <p>[Phương tiện đánh giá xác minh]</p> <p>Mục tiêu tổng thể :</p> <p>Các báo cáo của Dự án tưới PRPT</p> | <p>[Phương tiện đánh giá xác minh]</p> <p>Mục tiêu tổng thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo của Dự án tưới PRPT - Phòng vấn Sở Nông nghiệp & PTNT - Phòng vấn tổ HTDN (mẫu) - Số liệu thống kê của Sở NN & PTNT |



| | |
|--|---|
| <p>Mục đích Dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tập huấn (Đánh giá mức độ hiểu biết của cán bộ được tập huấn), Các báo cáo Dự án - Biên bản tập huấn, hội thảo, các báo cáo của Dự án <p>Đầu ra :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Dự án - Báo cáo Dự án (Ghi chép công việc, phân công cán bộ) - Kế hoạch vận hành, bảo dưỡng các công trình thủy lợi - Biên bản hội nghị, hội thảo, Các báo cáo Dự án - Các tài liệu hướng dẫn được biên soạn, báo cáo, các báo cáo dự án | <p>Mục đích Dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Dự án, phỏng vấn hộ dân <p>Đầu ra :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1-1. Báo cáo Dự án 1-2. Báo cáo Dự án (Ghi chép công việc, phân công cán bộ) 2-1. Kế hoạch vận hành, bảo dưỡng các công trình thủy lợi 3-1. Biên bản kiểm tra, báo cáo Dự án 4-1. Phỏng vấn cán bộ Trạm khuyến nông, báo cáo Dự án, các tài liệu hướng dẫn được biên soạn hoàn chỉnh. 4-2. Phỏng vấn hộ dân |
| <p>[Giả định quan trọng]</p> <p>Mục đích Dự án:</p> <p>...</p> | <p>[Giả định quan trọng]</p> <p>Mục đích Dự án:</p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Tất cả các kênh cấp 3 trong vùng tưới PRPT được xây dựng hoàn tất. 5. Công tác vận hành bảo dưỡng kênh cấp 3 được thực hiện bởi Tổ HTDN để trồng lúa. |
| <p>Lý do:</p> <p>Nhóm đánh giá cuối kỳ của JICA và các cơ quan chức năng của Chính phủ Việt Nam đã xem xét lại Ma trận thiết kế Dự án và điều chỉnh cho hợp lý và rõ ràng hơn như đã thể hiện bên trên để Dự án có thể triển khai các hoạt động hiệu quả trong thời gian ngắn còn lại và kết quả của Dự án có thể được đánh giá thích hợp trong đợt đánh giá hậu kỳ.</p> | |

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11:50 và các bên liên quan đã đồng ý ký Biên bản cuộc họp.



TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. Tài liệu trình chiếu
2. Báo cáo đánh giá cuối kỳ
3. Ma trận thiết kế dự án (PDM Phiên bản 5)
4. Kế hoạch hoạt động (PO Phiên bản 5)



BIÊN BẢN HỌP BAN ĐIỀU PHỐI CHUNG (JCC) LẦN THỨ 6
DỰ ÁN HỢP TÁC KỸ THUẬT PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
VÙNG TƯỚI PHAN RÍ PHAN THIẾT, GIAI ĐOẠN II

Ban Điều phối chung Dự án Hợp tác kỹ thuật Phát triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí Phan Thiết, Giai đoạn II (sau đây gọi tắt là "Dự án TC-PRPT II") đã tổ chức họp JCC lần thứ 6 vào ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại tỉnh Bình Thuận, Việt Nam để rà soát các hoạt động và đánh giá kết quả đạt được dựa trên Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động (sau đây gọi tắt là "PDM", "PO").

Theo kết quả thảo luận, Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (sau đây gọi tắt là "JICA") và các Cơ quan liên quan đã thống nhất các vấn đề được trình bày trong các tài liệu đính kèm theo Biên bản này như phần bổ sung Biên Bản thảo luận (gọi tắt là " R/D"). Biên bản cuộc họp được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt, và trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào giữa phiên bản tiếng Anh và tiếng Việt thì áp dụng theo phiên bản tiếng Anh.

Bình Thuận, ngày 11 tháng 11 năm 2019



Ông Konaka Tetsuo

Trưởng đại diện

Văn phòng Việt Nam

Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản



Ông Lê Tuấn Phong

Phó Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

Chứng kiến bởi

Ông Mai Kiều

Giám Đốc

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Thuận

DỰ ÁN HỢP TÁC KỸ THUẬT PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG TƯỚI PHAN RÍ PHAN THIẾT GIAI ĐOẠN II

Như đã được đề cập trong R/D ký giữa JICA và các cơ quan có liên quan của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận vào ngày 26 tháng 8 năm 2015, JICA đã cử hai (02) chuyên gia dài hạn đến tỉnh Bình Thuận làm việc. Sau đó nhóm chuyên gia tư vấn dự án cũng được cử đến tỉnh Bình Thuận làm việc từ ngày 16 tháng 12 năm 2017 và thực hiện các hoạt động theo kế hoạch. Được sự chấp thuận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận đồng thời là Chủ tịch Ban Điều phối chung của Dự án, cuộc họp JCC lần thứ 6 đã được tổ chức vào ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại UBND tỉnh Bình Thuận.

I. Thành phần tham dự:

- | | | |
|-----|---------------------------|---|
| 1. | Ông Lê Tuấn Phong | Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận, chủ trì |
| 2. | Ông Mai Kiêu | Giám đốc Sở NN&PTNT Bình Thuận, |
| 3. | Ông Nguyễn Hữu Phước | Phó Giám đốc Sở NN&PTNT Bình Thuận |
| 4. | Ông Phan Nguyễn Hoàng Tân | Phó Giám đốc Sở KH & ĐT Bình Thuận |
| 5. | Ông Lê Văn Long | Chủ tịch UBND huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận |
| 6. | Ông Konaka Tetsuo | Trưởng đại diện, Văn phòng JICA Việt Nam |
| 7. | Ông TOMITA Sho | Đại diện, Văn phòng JICA Việt Nam |
| 8. | Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Cán bộ, Văn phòng JICA Việt Nam |
| 9. | Ông NAKANO Toshinobu | Cố vấn trưởng, Dự án TCP RPT II |
| 10. | Ông Takatsuka Takanori | Chuyên gia JICA, Dự án TCP RPT II |
| 11. | Ông TAKABAYASHI Toru | Chuyên gia JICA, Dự án TCP RPT II |
| 12. | Bà KANNO Miho | Điều phối viên, Dự án TCP RPT II |
| 13. | Ông Ngô Minh Trang | Phó Chi cục Trưởng, Chi cục thủy lợi tỉnh Bình Thuận, Lãnh đạo và thành viên Ban Quản lý Dự án |

II. Nội dung cuộc họp JCC lần 6

1. Báo cáo hoạt động dự án từ sau cuộc họp JCC lần 5 đến nay:

Thay mặt Ban Quản lý Dự án, ông Ngô Minh Trang đã báo cáo các hoạt động chính của Dự án từ sau cuộc họp JCC lần 5 (tổ chức vào ngày 26 tháng 10 năm 2018) đến nay.

Dưới đây là những nội dung của Báo cáo tiến độ Dự án đã được JCC thông qua

(1) Hoạt động từ cuộc họp JCC lần thứ 5 đến nay

- Tiếp tục áp dụng các phương pháp tưới tại các khu thí điểm trong vùng tưới PRPT
- Xây dựng kế hoạch cây trồng và tưới tiêu tổng thể trong vùng tưới PRPT Ngoài bốn loại cây trồng cận và bạc hà Nhật Bản, hai loại cây khác đã được giới thiệu là củ kiệu và trồng cây mì có tưới.
- 25 hộ nông dân có đất canh tác trong khu thí điểm 2 và khu vực xung quanh đã tham gia canh tác thử các loại cây trồng cận này.

(2) Kết quả đạt được theo mục đích của Dự án

- 8/25 hộ dân tham gia canh tác các loại cây trồng cận do dự án đề xuất đã bán sản phẩm và có lợi nhuận. So với mục tiêu của dự án đã đề xuất trong PDM tại cuộc họp JCC lần 5 là 20 hộ thì kết quả này chưa đạt.
- Lý do chính:

Các loại cây trồng cận do Dự án giới thiệu hầu hết là cây trồng mới đối với người dân tham gia, do đó các hộ dân tham gia chưa có kinh nghiệm trồng loại cây này, và họ cần có thời gian để học kỹ năng canh tác.

Tại thời điểm thu hoạch, giá các loại nông sản này ngoài thị trường thấp đột biến nên việc thỏa thuận giá cả giữa người dân và bên mua cũng rất khó khăn vì vậy người dân không thể bán sản phẩm của họ với giá có lãi.

2. Ý kiến từ nhóm cố vấn hoạt động của JICA

Nhóm cố vấn hoạt động của JICA, do Giáo sư Tiến sĩ Inaba Makoto - Cố vấn cao cấp JICA làm Trưởng nhóm, được cử đến Dự án từ ngày 24 đến 26 tháng 10 năm 2019 để theo dõi tiến độ hoạt động của dự án và góp ý cho phía Việt Nam để chuẩn bị cho cuộc họp JCC lần thứ 6. Nhóm cố vấn đã trao đổi với nhóm thực hiện Dự án TCP RPT II và Sở Nông nghiệp Bình Thuận cũng như đi khảo sát thực tế. Kết quả, nhóm cố vấn đưa ra khuyến nghị rằng phía Việt Nam cần phải tiến hành các hoạt động tiếp theo để hoàn thành mục đích dự án ngay cả sau khi dự án kết thúc vào tháng 12 năm 2019. Nhóm cố vấn cũng khuyến nghị rằng nội dung của các hoạt động nên được xác định rõ cùng với các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động này dựa trên những khó khăn và các giải pháp đề xuất trong quá trình thực hiện Dự án. Ngoài ra, nhóm cố vấn cũng đề nghị phía Việt Nam chuẩn bị một kế hoạch hành động cho việc phát triển nông nghiệp vùng tưới Phan Rí-Phan Thiết bao gồm các hoạt động chi tiết và tổ chức thực hiện

trong tương lai.

Khi thảo luận với nhóm thực hiện dự án JICA, nhóm cố vấn nhấn mạnh rằng điều quan trọng đối với cộng đồng cùng với chính quyền địa phương là tổ chức một số sự kiện để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và tăng cường năng lực sản xuất nông nghiệp của cộng đồng, cũng như thu hút sự quan tâm của khối tư nhân vào khu vực này.

3. Báo cáo về những khó khăn, giải pháp và đề xuất trong tương lai

Nhóm thực hiện Dự án JICA (Ông Nakano, ông Takabayashi, ông Takatsuka và bà Kanno) báo cáo về những vấn đề khó khăn, giải pháp và đưa ra những đề xuất trong tương lai thông qua những phát hiện trong quá trình triển khai thực hiện Dự án. Báo cáo gồm hai phần: "Quản lý nước và tưới tiêu" và "cây trồng cạn", là mục tiêu nhắm đến trong Dự án này.

Về phần quản lý nước và tưới tiêu, nhóm dự án đã đưa ra những đề xuất sau đây cho công tác quản lý và tưới tiêu trong tương lai.

- Xây dựng một ao trữ nước nhỏ kết nối với kênh cấp ba thì rất hữu ích cho việc tưới tiêu cây trồng cạn. Phía Việt Nam nên hỗ trợ xây dựng những ao trữ nước này theo đề xuất từ nhóm các hộ nông dân hoặc nhóm người sử dụng nước.
- Các đơn vị quản lý (Công ty TNHH MTV KTCTTL; Chi nhánh Bắc Bình, các tổ hợp tác dùng nước) cần tăng cường công tác duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi thường xuyên hơn và áp dụng những phương pháp bảo dưỡng do dự án giới thiệu.

Đối với cây trồng cạn, phần trình bày của nhóm dự án tập trung nhiều vào những hoạt động đã triển khai trong quá trình thực hiện Dự án và những vấn đề cần được giải quyết trong tương lai để hoàn thành mục đích dự án.

- Đối với cây bạc hà Nhật Bản, nhóm dự án đã áp dụng phương pháp canh tác bao gồm biện pháp hiệu quả để đối phó sâu bệnh. Phương pháp này được đưa vào sổ tay hướng dẫn canh tác. Nhóm dự án hỗ trợ người dân sản xuất ngó giống để tăng thu nhập từ việc trồng bạc hà. Vấn đề phát sinh chưa được giải quyết liên quan đến việc thúc đẩy canh tác bạc hà trong tương lai đó là thiết lập hệ thống giao dịch thích hợp giữa Công ty Châu Giang và người trồng bạc hà để người dân có lợi nhuận từ việc trồng bạc hà. Để giải quyết vấn đề này, nhóm dự án đề xuất phía Việt Nam thường xuyên tổ chức các cuộc họp với công ty CG để thảo luận về giá thu mua bạc hà hợp lý và hỗ trợ từ phía công ty đối với các hộ dân trồng bạc hà.
- Đối với cây trồng mới, nhóm dự án đã áp dụng và phổ biến phương pháp canh tác cho người dân trong khu thí điểm 2 và các khu vực lân cận. Khó khăn nảy sinh từ việc thực hiện dự án là do chưa hình thành được mối liên kết mua bán sản phẩm giữa nông dân và người mua, giá cả thị trường biến động khiến người dân không có lợi nhuận ổn định. Nhóm thực hiện Dự án JICA cũng đề nghị phía Việt Nam tiếp tục vận hành ruộng thử nghiệm như là mô hình trình diễn cho những người dân quan tâm đến các cây trồng do Dự án giới thiệu.

- Để khắc phục những khó khăn trên, cần thiết phải nhân rộng canh tác cây trồng cận trong vùng tưới PRPT để đạt được mục đích của Dự án. Nhóm thực hiện Dự án đã biên soạn "Hướng dẫn nhân rộng canh tác cây trồng mới và bạc hà" nhằm giúp người dân dễ dàng canh tác để tăng thêm thu nhập trong sản xuất.
- Nhóm dự án đề nghị phía Việt Nam triển khai các hành động cần thiết theo đề xuất của nhóm thực hiện Dự án cũng như lập một kế hoạch hành động. Nhóm dự án đã soạn một bản thảo kế hoạch hành động dự kiến được đính kèm để giúp phía Việt Nam sử dụng trong quá trình thảo luận lên kế hoạch cho các bên liên quan. Nhóm dự án cũng đề nghị phía Việt Nam bố trí ngân sách và nguồn nhân lực cần thiết để triển khai thành công kế hoạch hành động này.
- Nhóm dự án cũng đề nghị JICA xem xét hỗ trợ tỉnh Bình Thuận một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực cho địa phương trong việc xây dựng chuỗi giá trị nông sản góp phần tăng giá trị nông sản, nâng cao thu nhập cho người nông dân không chỉ cho vùng dự án Phan Rí-Phan Thiết mà trên phạm vi toàn tỉnh

4. Thảo luận về sự phát triển trong tương lai

- Phía Việt Nam ghi nhận những đề xuất, khuyến nghị của Nhóm Dự án.
- Phía Việt Nam đồng ý rằng cần tổ chức các hoạt động tiếp nối theo các khuyến nghị và đề xuất từ nhóm cố vấn và nhóm dự án.
- Về các hoạt động canh tác bạc hà, PMU nhấn mạnh cần thảo luận với công ty Châu Giang và người dân về hướng làm thế nào để tiếp tục canh tác cây bạc hà và tăng thu nhập cho người dân.
- Về hỗ trợ các hoạt động để nâng cao chuỗi giá trị nông sản ở tỉnh Bình Thuận, JICA đề nghị tỉnh Bình Thuận hợp tác với các bên liên quan bao gồm khu vực tư nhân cũng như các dự án đang triển khai khác của JICA như Dự án "Tăng cường độ tin cậy trong lĩnh vực sản xuất cây trồng an toàn tại khu vực miền Bắc" để tìm cách kết nối khu vực sản xuất với thị trường tiềm năng.
- Để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp vùng tưới Phan Rí Phan Thiết, cũng cần thiết thực hiện kế hoạch phát triển kênh cấp ba như hoạt động tiếp nối sau khi Dự án Tưới Phan Rí Phan Thiết (Dự án vốn vay ODA) kết thúc như đã thống nhất trong Biên bản Ghi nhớ (MoU) giữa JICA và UBND tỉnh Bình Thuận. Chủ trương đầu tư và dự án xây dựng kênh cấp ba thuộc Dự án Tưới Phan Rí Phan Thiết đã được UBND tỉnh thông qua nhưng kinh phí được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2016-2020 không đủ để xây dựng toàn bộ hệ thống kênh cấp ba đã được thống nhất trong MoU đã ký (bao gồm Dự án thành phần 2 với các Gói thầu kỹ thuật số 11, 12, 13 và Dự án thành phần 3 với các Gói thầu kỹ thuật số 9, 10 và 14). Việc tổ chức đấu thầu thi công các gói kỹ thuật Dự án thành phần 3 sẽ được triển khai nếu được UBND tỉnh Bình Thuận bố trí nguồn vốn. Để công tác thi công kênh

cấp ba Dự án Tưới Phan Rí Phan Thiết không bị chậm trễ hơn nữa, tỉnh Bình Thuận cần cam kết phân bổ ngân sách đầy đủ và kịp thời cho dự án và gửi báo cáo cập nhật tiến độ xây dựng kênh cấp ba và tình hình bố trí kinh phí xây dựng toàn bộ hệ thống kênh cấp ba thống nhất trong MoU đã ký bằng văn bản cho JICA vào cuối năm nay.

- Liên quan đến khu tái định cư đã được xây dựng bởi Dự án Tưới Phan Rí Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận sẽ xem xét và thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy công tác tái định cư như hỗ trợ các hộ dân xây nhà, cải thiện môi trường sống bằng cách xây mới đường giao thông, chợ và xây dựng các công trình hạ tầng khác có thể như đã thống nhất trong MoU đã ký. Bên cạnh đó, JICA kiến nghị phía tỉnh nên cân nhắc khả năng hợp tác với lĩnh vực tư nhân để có thể sử dụng khu tái định cư hiệu quả và hữu ích hơn.

5. Kết luận

- Dự án đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu chính đã đặt ra.
- Phía Việt Nam cam kết sẽ soạn thảo một kế hoạch hành động cho các hoạt động tiếp nối của dự án thông qua thảo luận với các cơ quan, tổ chức liên quan trong dự án, dựa trên các khuyến nghị và đề xuất được thảo luận và kế hoạch hành động dự kiến do nhóm thực hiện dự án JICA cung cấp trong cuộc họp này.
- JICA sẽ giới thiệu và hỗ trợ tỉnh Bình Thuận kết nối với các nhà đầu tư tư nhân tiềm năng, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch-nông nghiệp, để quan hệ giữa JICA và tỉnh Bình Thuận ngày càng được thắt chặt hơn nữa trong thời gian tới. JICA đề xuất tỉnh Bình Thuận nên xem xét thành lập tổ công tác Nhật Bản (Japan Desk - đầu mối cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp Nhật Bản) để chủ động thu hút các nhà đầu tư đặc biệt là từ Nhật Bản.

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. Tài liệu trình chiếu
2. Ma trận thiết kế dự án (PDM Phiên bản 5)
3. Kế hoạch hoạt động (PO Phiên bản 5)
4. Kế hoạch hành động dự kiến